

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-Độc, CHỦ-Bút: NGUYỄN-VỸ

Quản-ly: TRẦN-VĂN-LANG

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long — Sài Gòn — Đ. T. Sài Gòn 307

BỘ SỐ 30 * 15.3.1966

1.— Phúc đáp anh Nguyễn-Ngu-Í	Nguyễn-Vỹ	6 — 9
2.— Những đêm cầu cơ tại Nhà Victor Hugo .	Tân-Phong	10 — 16
3.— Vài nhận xét về Văn hóa	T. Sugiyama	17 — 20
4.— Những con mèo hoang (truyện ngắn) . .	Phương-Anh	21 — 28
5.— Phân vân (thơ)	Đoàn-Minh-Hải	29
6.— Không-Minh	Nguyễn-quang-Lục	30 — 32
7.— Những áng thơ hay	Thăm-thệ-Hà	33 — 36
8.— Bên bờ sông Dịch (kịch)	Nguyễn-Ngọc-Vinh	37 — 44
9.— Giấc mơ đời (thơ)	Đan-Thanh	45
10.— Nền tảng Quốc văn đời Tây-Son . .	Hoa-tĩnh-Linh	46 — 54
11.— Cha tôi : Ông Phan-Khôi	Phan-thị Mỹ-Khanh	55 — 58
12.— Văn sĩ thi sĩ tiền chiến	Nguyễn-Vỹ	59 — 63
13.— Những tư-tưởng đẹp về tình yêu . . .	Thanh-Lộc	64

14.— Xem tương đê tay bọ (truyện quốc-ty). Sem. Exepo.	P. Vaidya	73 — 74
15.— Mũi bài thơ Ấn-độ	Mặc-Thu	75 — 78
16.— Người thơ xuất hiện		
17.— Bữa tiệc thịt chó (truyện ngắn vai) .	Đinh-văn-Quy	79 — 82
18.— Có gái điên (truyện dài)	Vi-Huyền-Đắc	83 — 88
19.— Nàng chinh phụ trong chinh phụ ngâm.	Vũ-đức-Trinh	89 — 93
20.— Minh ơi !	Diệu-Huyền	94 — 96
21.— Đề trả thù bà Trưng-Trắc	Trần-hữu-Tư	100 — 104
22.— Chuyện Gà-kẻ	Trọng-Tấu	105 — 109
23.— Tao-dàn P. T.	P. T.	110 — 114
24.— Thơ lên ruột	Diệu-Huyền	115 — 116
25.— Giới thiệu sách báo mới	P. T.	117 — 118
26.— Kiên trinh	Cô Vân Nga	119 — 123
27.— Đáp bạn bốn phương	Diệu-Huyền và Bạch-Yến	124 — 130

Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội dung, cho màu Cô Diệu-Huyền.

✳ Bản kẽm Nguyễn-Văn-Dầu

✳ Bìa Offset Vạn-Quốc

• Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-liên trích
đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng
yêu-cầu đề rõ xuất-kử : « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG »
và đăng viết tắt.

• Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-
quốc mà không xin phép.

• Tous droits de traduction, d'adaptation, et de
reproduction même partielle, réservés pour tous
pays.

Copyright by PHỔ-THÔNG, printed in Việt-Nam

Phúc đáp Anh NGUYỄN-NGU-Í

(ở Tạp Chí BÁCH-KHOA)

★ NGUYỄN-VỸ

Vài tháng trước Tết, bạn Nguyễn-Ngu-Í, ở **BÁCH-KHOA**, có trao đến tôi một bức thư mà anh nói là của một bạn đọc **Phổ-Thông** ở Paris gửi về tôi, nhưng lại không gửi thẳng đến tòa soạn **Phổ-Thông** cho tôi, như các bạn khác ở Hải ngoại vẫn thường trực tiếp với **Phổ - Thông** bằng thư tín, mà lại gửi anh Nguyễn-ngu-Í, nhờ đưa lại tôi.

Thư ấy lại không có tên ký, và cũng không biết có phải là do một bạn đọc của **Phổ Thông** ở Paris gửi về hay không, nên muốn được hợp lý hơn, tôi trao thư lại bạn Nguyễn-ngu-Í và đề nghị anh nên đăng lên **Bách khoa** rồi tôi sẽ trả lời trong **Phổ-Thông**. Nay thư ấy đã đăng lên **Bách khoa**, cũng không ký tên, vậy tôi xin phúc đáp anh Nguyễn ngu-Í.

★

Bức thư ấy trình bày những nhận xét về hai bài của tôi đã đăng trong **Phổ-Thông** số 1 và số 2 ra ngày 1 và 15 tháng 11 năm 1958. Tôi rất hân hạnh được người bạn viết thư đã tỏ những lời khá ái đối với tôi và tạp chí **Phổ-Thông**, và tán thành ý kiến của **Phổ-Thông** về việc cần thiết có một **Hàn-Lâm Viện Quốc gia** để soạn gập một bộ **Tự-diễn Việt-nam** chân chính. Như

vậy, anh bạn đã hoàn toàn thông cảm với ý nguyện của chúng tôi cũng như của các bạn đã cùng một quan điểm với **Phổ-Thông**, và đáng lẽ không còn gì phải tranh luận.

Nhưng trong đoạn sau của bức thư, bạn đã nêu ra vài ba « thắc mắc », đề « chất chính » tôi. Vậy tôi xin vâng lời phúc đáp.

1. — Cũng như đa số các bạn đã nhận thấy nhiều khuyết điểm lớn lao trong một số **TỰ-ĐIỄN VIỆT-NAM** và **TỰ-ĐIỄN VIỆT PHÁP**, đang thông dụng hiện nay, nhất là các giáo sư và các bạn học sinh, tôi có phần nài các nhà làm tự-diễn sao không làm cho đầy đủ và rõ ràng hơn một chút. Trong P.T. số 2, tôi có viết :

« Họ đã chịu khó dựa theo các bộ **Từ-diễn** sơ sài **Việt Pháp** lúc ban sơ của vài bậc tiền bối mà biên chép thêm vào chút ít, rồi in ra bán, gọi là **Tự Điển**. Hiện nay nhiều quyển « **Tự Điển** » ấy vẫn tiếp tục xuất bản hoặc tái bản, quyển nào cũng gần giống như quyển nào, không có quyển nào đầy đủ hơn, và thích ứng hơn ».

Tôi tưởng nói thế không có gì là quá đáng. Sự thực, chúng ta cứ mở một đôi quyển **Tự điển** nào đó mà đọc kỹ, và nhận-dịnh, đừng thiên vị, thì tự khắc thấy rõ.

Không phải tôi « **nghiêm khắc** ». Nhưng theo ngu-ý của tôi, chúng ta không nên viện lý do rằng họ đã « **bỏ tám chín năm trời, xuất công, xuất vốn cho ra đời mấy cuốn **Tự điển**** », mà có thể che lấp những khuyết-diểm được. Kê làm tự-diễn, bỏ vốn ra in, để thường họ không phải bỏ một mà thu vào mười sao ? Vì thế, chúng ta đã phải vui lòng mua một quyển tự-diễn trên 100 đ.

Đành rằng trong lúc Nước ta chưa có một bộ **Tự-diễn**, xứng đáng đầy đủ, thì chúng ta nên cứ tạm dùng các tự-diễn kia. Nhưng, đứng trên lập-trường văn-hóa dân-tộc, chúng ta cũng còn có nhiệm-vụ vạch những khuyết-diểm để chính các tác-giả, hoặc những người đi sau, tìm cách bỏ túc.

Chúng ta chỉ những khuyết-diểm, không phải là phủ-nhận công-lao của các tác-giả, mà chúng ta chỉ tiếc rằng các tác-giả đã chịu khó

để tám chín năm trời làm một quyền tự-diễn mà không làm cho đầy đủ hơn. Chúng ta không đòi hỏi họ làm một công-trình toàn-thiện toàn-mỹ, nhưng chúng ta có quyền mong họ đừng làm vội-vàng và thiếu-sót quá.

Về Tự diễn Việt-nam, theo thiên ý của chúng tôi, nếu không đủ điều kiện làm tự diễn mới thì thà in lại các tự diễn cũ của Paulus Của hoặc của Khai trí tiến đức trong khi chờ đợi quyền Tự diễn Việt-nam mới hơn và đầy đủ hơn.

Còn về Tự diễn Việt Pháp, thà rằng in lại Tự diễn cũ của Génibrel Trương-vĩnh-Kỷ v. v, còn nếu làm Tự diễn mới, thì chúng ta không mong gì hơn là các tác giả chịu khó thêm vào cho đầy đủ hơn một chút chớ đừng biên chép theo các Tự diễn cũ hoặc chỉ sửa đổi chút ít, mà thiếu-sót và sai lầm nhiều quá.

Mở một quyền Việt Pháp TỰ-ĐIỄN ra tra, chúng ta thấy thí-dụ :

Sông « Đòng-Nai » ở Việt-Nam thì không có, mà sông « Hoàng Hà » bên Tàu thì có (Hoàng-Hà = Fleuve Jaune), những tỉnh Cần Thơ, Biên-hòa, Gia-định, v.v... của Việt-Nam không có, mà Vân-Nam, Nam-kinh, Hương-cảng của Tàu lại có ! Đại-khái là có những thiếu sót vô lý như thế. Lại thí-dụ như Tra chữ Đào Hoa thì thấy dịch ra Pháp Văn : *Séducteur de femmes, Don Juan*. Chúng tôi e dịch tiếng Việt ra tiếng Pháp như thế thì có hơi cầu thả. Chúng tôi cho như thế là làm sai lầm ý-nghĩa của tiếng Việt. Người Ngoại-quốc học tiếng Việt, gặp những chữ như thế có phải là họ sẽ hiểu lầm lẫn cả tiếng Việt không ?

Ấy là tôi nói một vài thí-dụ. Còn đầy rẫy các lỗi lầm lớn hơn và khuyết-diểm nhiều hơn. Chúng tôi không muốn chỉ ra vô số những

khuyết-diểm, mơ hồ, hoặc sai-lầm lớn-lao trong một vài loại Tự-Điễn Việt, Việt-Pháp, Pháp-Việt... hiện nay. Trong Phô-Thông số 2, chúng tôi chỉ nói sơ qua mà thôi. Chúng tôi được nghe vài ba người ngoại-quốc học tiếng Việt, đã tỏ nỗi thắc-mắc, phân-vân của họ khi gặp những chữ khó, tra các tự-diễn Việt-Nam hiện-hữu, Việt-Pháp, Pháp-Việt v.v... mà không có, hoặc không hiểu gì hết, hoặc hiểu lầm, và đem ra áp-dụng sai lầm. Chính đa-số người Việt, nhất là công-chức, giáo viên, và học-sinh, cũng phân nản như thế.

Ở đây, chúng ta đừng nói đến cá-nhân các người làm tự-diễn. Chúng ta chỉ nhận-xét khách quan, không thiên-vị ai cả, về các quyền Tự-diễn hiện đang thông-dụng mà thôi.

Nhận-xét như thế, để thấy rõ sự CẦN THIẾT GẤP RUT CÓ CÁC TỰ-ĐIỄN ĐẦY ĐỦ HƠN, XÁC ĐÁNG HƠN, dù là Tự-diễn Việt-Nam, hay Tự-diễn Việt-Pháp, Việt-Hán, Việt Anh...

Muốn hoàn thành các tự-diễn như thế, theo thiên ý của tôi, không phải một người làm được, mà PHẢI NHIỀU NGƯỜI, NHIỀU NGƯỜI CÓ HỌC THỨC RỘNG RÃI, nhất là PHẢI CÓ LƯƠNG TÂM, và nhiều kinh nghiệm chuyên môn, chớ không thể MỘT ông Tú-Tài, MỘT ông Cử-nhân, hay MỘT ông Tiến-sĩ, MỘT ông Thạc-sĩ mà làm nổi.

Vì vậy mà khi hai bạn học sinh vừa đỗ Tú Tài Việt đến hỏi ý kiến tôi về việc họ cũng định làm một quyền Tự-Điễn Việt-Nam, tôi thành thực khuyến hải bạn ấy đừng nên làm vội để thi giờ học thêm cho giỏi đã.

2.— Về mấy diểm năm tháng xuất bản các Tự-Điễn của Paulus Của, Génibrel, v.v... tôi xin đồng ý. Tôi nhìn nhận là có vội vàng sơ sót trong lúc tôi chỉ chủ tâm bàn về sự cần gấp có quyền Tự-diễn mới, hơn là chú ý đến một đôi chi tiết về năm tháng lịch sử. Xin thành thực cảm ơn anh bạn đã chỉ cho.

N. V.

những đêm cầu cơ

tại nhà

VICTOR HUGO

* TÂN-THÔNG

(tiếp theo P. T. số 29)

Từ đêm 11-9-1953 Victor Hugo cầu Cơ gọi hồn của Léopoldine về nói chuyện với ông, kể tiếp luôn mấy đêm sau Thi-sĩ thức có khi đến 5, 6 giờ sáng để cầu cơ trên chiếc bàn gỗ tròn một chum, đặt nơi phòng khách. Và cuộc thí-nghiệm thần linh học ấy kéo dài đến hai ba năm, gây một niềm tin - tưởng mãnh-liệt trong đầu óc của Thi sĩ, tác giả *Les Contemplations*, la

Légende des Siècles, Chansons des Rues et des Bois...

Năm 1923, GUSTAVE SIMON xuất bản ở Paris một quyển sách nhan đề là « *Les tables tournantes de Jersey* » (Bàn xoay ở Đảo Jersey) có ghi rõ 73 biên bản các đêm cầu Cơ của Victor Hugo. Nhiều sách báo khác như *La Crise Mystique de Victor Hugo, Revue de Paris, le Figaro*, v.v...

còn ghi lại nhiều biên bản khác nữa.

Dưới một biên bản, Victor Hugo có viết một câu :

L'âme du Divin vit autour de vous
(Hồn của Thượng Đế sống chung quanh các người).

Có điều này rất lý thú, (nhất là với những người đã quen cầu cơ) là thỉnh thoảng có những vong hồn vất vưởng, vô danh, bỗng dưng xen vào phá rối, hoặc nghịch ngợm viết bậy bạ để cười chơi, hoặc giả vờ hồn thiêng của một người quen thuộc để « xi gạc ». Thí dụ như biên bản số 104 do Bà Langlois Berthelot con giữ kỹ, chép lại một đêm cầu Cơ (không đề ngày tháng) tại nhà Victor Hugo như sau đây :

Thi sĩ hỏi : — Tên anh là gì ?

Hồn đáp : — *Pasatore it*

Hỏi : — Tiếng Pháp gì lạ vậy ?

Đáp : — Không phải tiếng Pháp ?

Hỏi : — Tiếng gì ?

Đáp : — *A lui*

Hỏi : — *Alui* là gì ?

Đáp : — *Italien* (Tiếng Ý)

Hỏi : — Tiếng Ý hả ?

Đáp : — *Alia*

Hỏi : — *Alia* là gì ?

Đáp : — *A*.

Hỏi : — Sao lại *A* ?

Đáp : — Không phải.

Hỏi : — Anh là ai cho biết tên ?

Đáp : — *Z*.

Hỏi : — Tên gì kỳ vậy ? Nói lại.

Đáp : — *Turrir*.

Hỏi : — Tên hả ?

Đáp : — Phải.

Thế rồi hồn đi mất, không nói chuyện nữa.

Lại có một lần khác một hồn ma về viết :

— *Badicilen*.

Thi-sĩ Victor Hugo hỏi :

— Nghĩa là gì ? Viết tiếng Pháp ra coi.

— *Badad*.

— Anh ngạo tui tôi hả ?

— Ừ.

Thế rồi hồn ma biến đi. Theo những người có thí-nghiệm nhiều lần về cầu Cơ, thì đó là những vong-hồn lạc-lông, gặp Cơ thì hiện về phá đám chơi,

phần nhiều là nói những chuyện bông-lông, không ăn nhập vào đầu cả.

Đêm 12-9-1853, bỗng - dưng một hồn ma hiện về, tự xưng là Hoàng - đế NAPOLÉON III ! Cả nhà đều kinh-ngạc, vì Hoàng đế Napoléon III lúc bấy giờ đang ngồi ngai vàng, trị - vì nước Pháp, chớ đã chết đầu ! Chính Napoléon III là người đã dày Thi-sĩ Victor Hugo ra đảo Jersey sau khi từ ghế Tổng - Thống Pháp ông gây cuộc đảo - chính, bỏ Cộng Hòa để tái lập Đê-quốc.

Victor Hugo nhiệt-liệt phản-đối cuộc đảo - chánh ấy nên bị Napoléon III trục xuất khỏi nước Pháp, và Thi-sĩ ra ở đảo Jersey. Thi - sĩ thù - oán vị Hoàng - đế tiếm ngôi, nhưng Napoléon III còn sống sờ-sờ ở Paris, sao lại hiện hồn về nhập vào đàn Cờ của Victor Hugo ? Thi-sĩ ngạc - nhiên hỏi «hồn Hoàng-đế» :

— Người có biết chừng nào người sẽ chết không ?

Cờ đáp : — Biết.

— Chừng nào ?

— Hai năm nữa.

— Chết cách nào, người biết không ?

— Bị dân chúng giết.

— Ai sẽ thay thế cho người ?

— Thế-giới Cộng Hòa (La République Universelle)

Năm ấy là 1853. Victor Hugo chớ coi, nhưng đến 1855, là hết hạn 2 năm mà Hoàng-đế Napoléon III vẫn còn sống, và còn sống lâu nữa...

Theo kinh-nghiệm cầu Cờ, đó là một hồn thiêng nào đó biết Victor Hugo thù ghét Napoléon III, nên giả làm hồn Napoléon để « chơi khăm » nhà Thi-sĩ !

Ngoài một vài kẻ giả dạng để xen vào chơi nghịch, còn thì hầu hết các cuộc cầu Cờ khác của Victor Hugo đã khiến cho Thi-sĩ tin-tưởng triệt-để. Thí dụ như những lúc nhà Thơ được tiếp-xúc với linh-hồn của NAPOLÉON Ier, của Đại-tướng ANNIBAL, Thi-sĩ AN. DRÉ CHÉNIER, Thi-sĩ RACINE, v.v Có lần Victor Hugo bảo Chénier làm nốt mấy bài thơ bỏ dở dang năm 1785 trước khi bị chết trên đoạn đầu đài, thì tác-giả *La jeune captive* cũng sẵn sàng làm

tiếp cho trọn bài.

Buổi tối ngày 17 tháng Hai năm 1854, trong lúc cả gia-đình Victor Hugo ngồi ăn cơm, có một người nói đùa câu này :

« Nếu cầu Cờ mà tôi được ai cho 10.000 quan, thì tôi thích hơn là được Thi Sĩ Shakespeare cho 10 câu thơ ». Thế rồi, sau bữa ăn, cả gia đình xúm lại cầu Cờ chơi, thì một hồn ma về viết ngay 4 câu thơ sau đây :

*Qu'est-ce que j'entends donc et
qu'est-ce que j'apprends ?*

*Quoi, dans cette maison vous avez
osé dire*

*Que vous aimeriez mieux avoir
dix mille francs*

*Que dix phrases du Grand Shakespe-
peare ?*

Tạm dịch :

Ta nghe ai nói trong phòng

Một câu quái lạ vô cùng đảo điên

Các người thích vạn quan tiền

*Hơn mười câu đẹp của Đại hiền
Séc-pia ?*

Thi sĩ Victor Hugo mắc cỡ vì hồn ma trách móc, nên vội vàng bào chữa rằng người nói câu vô-y-thức trên kia chỉ có ý mong ước được 10.000 quan để giúp đỡ cho những kẻ bị dày

ra ở đảo mà không có tiền xài, chớ thật tâm không có ý khinh mạn nhà Đại kịch-sĩ Shakespeare.

Những cuộc cầu Cờ tại đảo Jersey suốt trong thời-gian Victor Hugo lưu đày ở đây, đã có ảnh-hưởng rất sâu đậm trong tư-tưởng và trong văn thơ của nhà Đại Thi-sĩ.

Trong quyển Hồi - ký của Victor Hugo, (có trích đăng trong quyển « *La Crise mystique de Victor Hugo* » của LE-VAILLANT), Thi-sĩ có chép : đêm 24-3-1854, hồi 3 giờ sáng, Thi-sĩ đang ngủ, có nghe rõ-ràng tiếng chuông kêu mở cửa, Thi sĩ tỉnh dậy, nằm im lắng tai nghe, vẫn tiếng chuông reo ngoài cửa. Ông dậy đánh diêm mở cửa sổ ra coi, phải đánh 4 que diêm, vì bị gió tắt hoải. Nhìn ra ngoài chỉ thấy mặt biển tối mờ -昧, sóng đánh nhẹ-nhàng vào bờ. Gió lạnh. Thi-sĩ đóng cửa sổ, vào giường nằm thì thấy trên vách tường giữa hai cửa sổ có ánh lửa lập-loè của bốn que diêm của ông đã tắt từ nãy, giờ bỗng bùng lên cháy rờn-rợn, xanh-xanh... Một lúc sau, ngọn lửa ma tắt biến. Victor Hugo có lượng

4 que diêm ấy bỏ cắt trong một phong bì để làm kỷ niệm. Hiện nay, phong bì với 4 que diêm « ma » của Victor Hugo vẫn còn, trong Collection các vật kỷ niệm của Victor Hugo ở nhà bà Langlois — Berthelot

Đêm 24-3-1854, 3 giờ sáng Victor Hugo thấy rõ hồn ma xuất-hiện như thế, thì hai ngày sau, 26-3-1854, nhà Thi-sĩ có viết mấy câu thơ lạ lùng sau đây :

*L'ombre emplit la maison de ses
souffles funèbres.
Il est nuit. Tout se tait. Les for-
mes des ténèbres
Vont et viennent autour des endor-
mis géants,
Pendant que je deviens une chose,
je sens
Les choses près de moi qui deviennent
des êtres,
Mon mur est une face et voit, mes
deux fenêtres
Blêmes sur le ciel gris, me regar-
dent dormir.*

Xin tạm dịch :

Bóng ngập đầy nhà, gió thổi âm-u.
Đêm khuya. Im lặng. Hình bóng
tôi mù.
Phảng phất qua lại quanh người
ngủ mê,

*Tôi thành như vật, hồn phách u-
Vật đến gần tôi, vật thành như-
người.*

*Vách tường như một gương mặt
u-âm*

*Cửa sổ xanh đờn trên vòm trời
xám.*

*Tôi thim-thíp ngủ, trở mắt nhìn
tôi.*



Đêm 10-12-1854, Victor Hu-
go cầu Cơ gọi hồn nhà Bác-học
GALILÉE để hỏi : « Trên sao
Thổ-tinh (Saturne) có người ở
hay không ? » Galilée không trả
lời, nhưng có một Linh-Hồn vô
danh về viết 4 câu thơ sau đây :

*Rentre dans ton silence et souf-
fles chandellest
Rentre dans cette nuit dont quel-
quefois tu sors,
L'œil vivant ne lit pas les choses
éternelles.*

Par dessus l'épaule des morts.

Xin tạm dịch :

*Hãy trở về Im-lặng, hãy thổi tắt
ngọn đèn.*

*Hãy trở về đêm thăm triền miên
Mắt trần không đọc được những
sự vật vô biên.*

Qua những hồn linh ảo huyền.

Ai đã đọc kỹ quyển Thơ vỹ

đại *La Légende des siècles* của Victor Hugo, chắc đã tìm thấy trong nhiều bài thơ lạ lùng, nguồn cảm hứng vô cùng mãnh liệt mà nhà Thi hào đã tìm trong Thế giới huyền ảo u minh, Thế giới của Dante, của Shakespeare, của Gæthe...



Thuật lại các đêm cầu Cơ của Thi sĩ Victor Hugo, theo các sách dẫn chứng như tôi đã kể :

— *Crise mystique de Victor Hugo* của MAURICE LEVAL-LANT

— *Les tables tournantes de Jersey* của GUSTAVE SIMON

— Những biên bản còn ghi lại rõ ràng để làm tài liệu, về các đêm cầu Cơ ở nhà Victor Hugo trên đảo Jersey.

— Những bài trong báo *Le Figaro, Revue de Paris* (HENRI GUILLEMIN) *Les Annales* (JEAN MISTLET) v.v...

— Những vật kỷ niệm của bà LANGLOIS BERTHELOT, của ông SERGENT (người giữ bảo tàng viện của Victor Hugo) v.v..

Chúng tôi có hai điều nhận xét sau đây :

1. — Nói đến những oan hồn

hay chơi nghịch về phá Cơ như trong đàn Cơ của Victor Hugo, (thường thường đàn Cơ nào cũng gặp trường hợp này,) chúng tôi đã có lần ngồi dự một buổi cầu Cơ ở xóm Nguyễn tri Phương gần Phú Thọ, vào dịp Rằm tháng Bảy, bỗng dưng Cơ chuyển - động rồi xưng tên là *Ba Thợ*.

Hỏi : — Ba Thợ là ai vậy ?

Cơ : — Là tôi.

— Tôi là ai ?

— Tôi là tôi, chớ ai.

— « Tôi là tôi » là ai, mới được chớ ?

— Tôi là ông Cọp.

— Ông Cọp nào ?

— Cọp... Cọp... Cọp...

— Cọp-cọp-cọp là gì ?

— Hù ! Hù ! Hù !

Rồi hồn ma biến mất. Chúng tôi cũng cười rồ lên, chẳng hiểu gì cả.

Biết là có hồn anh « Ba Thợ » nào đó đến phá, sau nhiều lần tôi lại gọi hồn anh ta, nhưng anh không hiện về nữa. Cũng đêm ấy, có một cô, xưng tên là **Kim - Oanh**, hiện về cho biết: cô là con mồ-côi, bị lính Maroc bắn chết ở đầu cầu Thị - Nghè, đêm 14 tháng 10

năm 1946, rồi quăng xác xuống sông. Cô chậm - rãi kể chuyện với những lời rất thâm - thiết bi-ai, chúng tôi bốn năm người ngời chung quanh bàn Cờ, nghe cô đều ứa nước mắt, khóc.

Vong hồn cô Kim - Oanh kể chuyện xong rồi, có người hỏi:

— Hiện giờ cô còn bà con họ hàng gì ở Sài Gòn không?

— Còn bà dì ở Thị - Nghè. Bà đã lấy chồng khác rồi.

— Hồi cô chết, cô mấy tuổi?

— 18.

— Cô có đi học không?

— Trường Dakao.

— Cô có đẹp không?

Kim Oanh không trả lời, Cờ chỉ nhúc nhích vài cái, rồi đứng im luôn. Oan hồn Kim Oanh đã biến đi, sau không bao giờ hiện về nữa.

★

2.— Theo như nhà Bác học GALILÉE, (chết năm 1642, người đã quả quyết lần đầu tiên trong lịch sử khoa học rằng trái đất tròn và xoay chung quanh mặt trời, và bị tòa án La Mã kết tội chết) không trả lời cho Thi sĩ Victor Hugo biết là ở trên Thổ Tinh (Saturne) có người ở hay không, mà chỉ nói 4 câu thơ huyền bí, thì chúng tôi có cảm tưởng rằng không

bao giờ loài người, dù khoa học tiến đến bậc nào chăng nữa, sẽ có thể hiểu thấu được hết những huyền-vi của tạo hóa. Có thể phóng hỏa tiễn và vệ tinh nhân tạo lên trăng, có thể tính toán được những con số liên quan trong một phạm vi nhỏ hẹp của Thái dương hệ mà thôi, (nhỏ như năm mươi hột cát trên bãi sa mạc thăm-thăm của Vũ trụ bao la chi-chít hàng triệu-triệu-triệu tinh - tú !) nhưng Huyền-Cơ của Thượng - đế vô tận vô biên, trí-óc khoa-học của loài người dù thấy mình tiến bộ đến đâu đi nữa, cũng không nên tự - phụ rằng đã thắng được khoa-học của Trời.

Trí - óc sáng - suốt của loài người chẳng qua như ánh sáng của ngọn nến đối với hào quang thiêng liêng của Thượng-Đế. Cho nên nhà Bác - học GALILÉE đã hiện hồn về, bảo với nhà Thơ Victor Hugo :

*Rentre dans ton silence et souf-
fle tes chandelles*

*Rentre dans cette nuit dont quel-
que fois tu sors...*

Bài học đẹp để biết bao cho loài người kiêu - căng ngạo-
nghễ !

TÂN-PHONG

Vài nhận xét về Văn-Hóa và

Văn - tự Nhật - Bản

★ Tsuyohi SUGIYAMA

Cử-nhân Văn-chương, Giáo-sư

Đại - học Osaka (Nhật - Bản)

(Coi P.T. số trước).

TIẾNG Nhật đã tự bắt buộc phải nhập-tịch nhiều tiếng ngoại - quốc, để cho ngữ-vựng của mình được dồi - dào phong-phú thêm.

Tôi đã nói tiếng Hán-tự chiếm 40 % tổng số tiếng nói của Nhật, nhưng từ sau Thế - chiến thứ hai, chúng tôi chỉ còn lựa lấy 1850 chữ để đủ dùng hằng ngày.

Ngoài ra, còn những tiếng ngoại quốc khác nữa. Hằng ngày chúng tôi dùng bao nhiêu tiếng mượn của ngoại quốc? Thật là ngoài sự tưởng - tượng của chúng tôi! Tiếng Anh và tiếng Mỹ thì quá nhiều, không thể nào kể hết được nơi đây, chúng ta hãy thử kể những tiếng

Pháp mà thôi : cũng đã vô số, như :

Après - guerre, avant - garde, avec, bons sens, bohémien, café, chic, communiqué, concours, conte, esprit, fiancé (e) matinée, madame, monsieur, mode, petit bourgeois, raison d'être, renaissance, rendez - vous, reportage, restaurant, rococo, romanesque, rouge, silhouette, soleil, v.v. . .

Đó là kể sơ một số chữ Pháp hiện đang được thông - dụng trong tiếng Nhật, mà hình như dân - chúng thích dùng những tiếng mới ấy, và chính là các nhà Báo, các ký-giả lại ưa dùng, khuyến - khích và phổ-biến cái khuynh-hướng ấy. Nói tóm lại, tiếng Nhật ngày nay thật là vô

cùng lộn-xộn.

Nói về văn-hóa cũng thế.

Tôi xin kể một thí - dụ : trường hợp của NATUME SOSEKI, một trong số các nhà Văn danh tiếng nhất của Nhật bản hiện đại.

Natume Soseki sinh năm 1867 và chết năm 1916, tốt nghiệp Đại-học-đường Tokyo, nơi đây ông chuyên học về Anh - văn. Năm 1900, ông sang Anh-quốc để học thêm ba năm nữa. Về Nhật, ông được bổ làm giáo-sư tại trường Đại-học Tokyo. Ông bắt đầu tham-gia Văn-nghệ, xuất bản một quyển sách hài - hước mỉa-mai, nhan đề : « *Tôi là một con Mèo* ». Kế tiếp, ông xuất bản chín mươi quyển tiểu-thuyết cùng một chủ-đích : đề cập đến các vấn-đề do sự thâm-nhập của Văn-hóa Âu-Tây gây ra cho các giới Trí - Thức và Thanh - niên Nhật.

Ông thành-thực nhận xét rằng không thể nào học theo Văn-hóa Âu-Tây một cách hấp tấp sơ sài mà thấu triệt đầy đủ được. Nói về công cuộc duy - tân của thời Minh - Trị, ông cho rằng

không khác nào con ếch mà muốn nuốt một con bò. Tại vì Nhật - Bồn cố rán bắt chước mau lẹ tất cả cuộc sống tiến triển của Âu-Châu để khỏi bị thua sút cho nên nước Nhật mới bị lâm vào tình trạng dở dang kia.

Văn-hóa Âu-Tây là kết quả của một cố gắng xây dựng kiên nhẫn từ lâu đời, thì nước Nhật làm sao vượt theo cho kịp một thời gian quá ngắn ngủi. Thành thử nước Nhật chúng tôi không khác nào một người khoe khoang mặc chiếc áo « kính ». (Áo mượn của người khác).

Tình trạng các nhà trí thức của Nhật-bồn dưới thời Minh-Trị, như nhận xét vừa rồi, là đề tài nòng cốt của các tiểu-thuyết của NATUME SOSEKI. Nếu người ta muốn sống chỉ trong khoảng mười năm thôi mà đầy đủ tất cả những kinh nghiệm 100 năm của đời sống của kẻ khác, thì ít nhất mình phải có một sinh lực 10 lần mãnh liệt hơn người kia : nhưng chuyện đó thật là khó được lắm. Dù mình có thắng được về vang cuộc thử thách kia chẳng nữa thì mình cũng sẽ bị kiệt lực, nếu không cưỡng loạn

tinh thần. Để khỏi lâm vào tai nạn ấy, mình phải trốn tránh trong một sự gian dối về trí thức và sự giả dối văn hóa ấy chỉ gây thêm sự thiếu thành thật về tinh thần và đạo đức. Đó là vấn đề trọng đại mà nhà văn Natume Soseki đã nêu ra trong các tác phẩm của ông.

Tóm lại, ông chỉ trích tính tự phụ tự ái của lớp người trí thức của thời đại. Họ tự cho rằng họ là những kẻ đi đầu cả thế hệ, nhưng sự thật họ chỉ là những kẻ giả dối, loè loẹt như con công mà thôi.

Cái rỗng tuếch về trí thức mà tôi vừa phân tách, căn cứ trên các tác phẩm của Natume Soseki, là một chứng bệnh của thời đại mà nước Nhật không sao tránh được. Sự ham muốn sống theo mức tân tiến hiện nay buộc chúng tôi phải áp dụng hấp tấp văn hóa Âu tây, cho nên chúng tôi không có thì giờ để suy nghĩ.

Tôi đã nói rằng người Nhật (tôi kể cả tôi nữa) không có thật giỏi tiếng ngoại-quốc. Lý do chính là vì ở Nhật chúng tôi ít có được cơ-hội rèn luyện thêm về ngôn-ngữ ngoại-quốc.

Việc đó kể cũng hơi lạ, nhưng

sự thật hiện nay ở các Đại-học-đường danh-tiếng nhất của Nhật vẫn còn một số Giáo-sư Nhật thật giỏi về ngoại ngữ và văn-chương ngoại - quốc hoặc Anh-ngữ, hoặc Pháp-ngữ, nhưng nói ngoại-ngữ thì lại rất kém.

Cuộc chiến bại năm 1945 của nước Nhật - bồn là một kinh-nghiệm thật chua chát cho chúng tôi. Nhưng đó cũng là một bài học để cho chúng tôi suy-nghiệm về lịch-sử nước Nhật hiện đại. Đặc-tính của hiện đại Nhật-Bồn chính là cái rỗng-không trí-thức mà nhà Văn Natume Soseki đã nhận xét, và hiện còn là một vấn-đề chưa giải-quyết được. Đành rằng Nhật-Bản hiện nay là một nước phát-triển toàn-diện theo Âu hóa, nhưng mặc dù vậy nó vẫn còn là một nước có tính-chất Á-đông.

Một nhà phê-bình hiện đại của nước Nhật đã tả rõ tình-trạng đó như sau đây : người Nhật hiện nay giống như những bụi cỏ không có rễ. Một mặt thì bị văn-minh Âu Tây đe-dọa, nếu muốn tự cứu lấy mình thì phải hấp-thụ cái văn-minh ưu-thắng ấy. Nhưng vì hấp-thụ vội-vàng quá nên chỉ

thừa hưởng được lớp vỏ ngoài mà thôi, chứ chưa thấm nhuần được cái nội-dung tinh-túy của nó. Một mặt thì không có thì giờ quay về học hỏi văn-hóa cổ-truyền của nước mình. Vì vậy mà nhà phê-bình kia nhận xét rất đúng rằng người Nhật hiện thời giống như bụm cỏ không có rễ, về hai phương diện.

Về văn hóa, hiện nay ở nước Nhật mỗi tháng có hàng ngàn quyển sách mới xuất bản, và được dân chúng mua đọc. Hầu hết các tác phẩm của Anh, Mỹ, Pháp, Đức, Ý v.v... đều đã được dịch ra tiếng Nhật. Cho nên có thể nói rằng người Nhật hiện nay được đọc bằng tiếng Nhật bất cứ một quyển sách ngoại ngữ nào mới xuất bản ở Âu Mỹ. Đó là một việc rất tốt đẹp. Nhưng, theo như nhà văn Natume Soseki đã

nói, đọc sách dịch của Âu Mỹ mà không thấu triệt được văn hóa tinh túy của Âu Mỹ thì cũng như "mặc chiếc áo kính" mượn của người ta mà thôi. Chúng ta không nên phạm lại cái lỗi lầm cũ, như bài học của cuộc chiến bại vừa rồi.

Tuy nhiên, ở hậu bán Thế-kỷ XX này, chắc chắn rằng một người cũng như một dân tộc không thể nào sống cô độc được. Chúng ta sống giữa những cuộc tiếp xúc quốc tế với muôn nghìn hình thức. Vậy chúng ta không thể tránh được ảnh hưởng của ngoại bang.

Cho nên, tôi tin rằng dù sao đi nữa tương lai của nước Nhật bồn cũng sẽ có một văn hóa mới, thực hiện sự tổng hợp của hai văn hóa Đông và Tây.

T.SUGIYAMA



✱ DANH NGÔN

La faiblesse de la force est de ne croire qu'à la force.

(Cái nhược điểm của sức mạnh là chỉ tin nơi sức mạnh)

PAUL VALÉRY

(Văn-sĩ Pháp)

TRUYỆN-NGẮN

Những con mèo

HOANG

Phuong-Anh

RA khỏi ngõ, hấn dừng lại nhìn xuôi ngược. Đường trưa, vắng khách đi. Hàng quán đóng cửa, mỗi một ngủ dưới nắng. Hấn ngáp dài, uốn lưng mấy cái cho xương sống dần ra.

Đứng im như thế lâu lắm, hấn đưa mắt nhìn như chờ đợi. Bóng hấn ngã xé trên thềm xi-măng. Vài chiếc xe chạy vù qua rồi mất hấn ở cuối đường.

Từ xa, đằng kia phố đi lại một gã cũng trạc tuổi hấn. Đầu cao trục nhẵn thín. Đợi cho gã kia đến bên, hấn hất hàm hỏi:

— Thế nào? Đói quá rồi! Đi ăn được chưa? Tao đợi mày gần hai tiếng đồng hồ, sốt ruột. Đã hơn một giờ rồi còn gì nữa!

Gã kia mặt mày tiu-nghỉu,

buông thông:

— Có được đồng nào đâu!

Hấn cau có:

— Từng ấy thằng mà không thằng nào có lấy được dăm mười đồng. Tao nhịn cơm đã hai ngày, gần nhẵn răng rồi đây. Mẹ nó! Có tiền cứ lo nhảy vớ nhót, hết có nghĩ gì đến tao.

Hấn lấy tay xoa lên cái bụng lép-xẹp. Đầu nghiêng về phía trước, hấn thất thểu đi vào. Được mấy bước, hấn quay đầu lại:

— Này! Thạch! — tên gã trọc đầu — cho tao một điều bao xanh! Đói sao mà đói cơm lẫn cả đói thuốc.

Gã trọc đầu chớp chớp đôi mắt buồn thiu, ừ ỏi lắc đầu. Hấn thất vọng thở dài, nuốt ực nước miếng qua khỏi cái cổ khô

như lửa đốt. Hấn nghe nóng ran ở đầu và trước mắt lốm đốm những sao trưa. Cho tay vào túi quần, hấn lưng-thững đi luôn trong ngõ vắng. Đầu lắc lư, dựng ngược mấy chòm tóc phất phơ.

✱

Hấn tên là Lộc, ngoài hai mươi tuổi thôi. Dáng gầy đét như con mướp. Còn ngực, đúng là ngực «ò-mê-ga».

Hơn ba tháng nay, hấn đến ở trên căn gác trong ngõ hẻm của khu Bàn Cờ này. Lối sống của hấn khác hẳn mọi người. Ban ngày thì hấn ngủ, ngủ quên cả ăn. Ban đêm hấn lại thức, thức để làm phiên thiêu hạ. Hấn không đi học, cũng không làm một công việc gì giữa đô thành giành sống này, thế hấn vẫn sống và bạn bè thì vô kể. Bạn hấn đủ hạng người, chữa xe đạp có, sinh viên có, phu xích-lô có, thợ hớt tóc có, sĩ-quan có, công tư chức có, vô nghề nghiệp có và cả bọn lưu manh «cao bồi cóc cắn» nữa. Nhưng phần lớn là bọn quỉ sứ, nửa người, nửa ngợm có mặt thường - trực làm náo-động cái khu phố này.

Lúc ban đầu, đến ở chỉ trợ-trợ mình hấn. Được mấy hôm thì tấp nập những bạn-bè, hết tốp này sang tốp khác, cả ngày lẫn đêm. Tiếng xe gắn máy, vespa và cả xe hơi nổ liên-miễn

không ai ngủ được. Nhìn trước cửa, dưới căn gác hấn ở, xe đậu có dọc, chông chất san sát, người ta ngỡ hiệu buôn xe đạp hay hơn thế nữa — nơi gửi xe trước cửa rạp xi-nê nào.

Thỉnh thoảng vài đêm, chập tối người ta thấy vắng hoe nhưng độ mười giờ đêm thì bọn hấn kéo ở đầu về một lũ. Kèm theo vài tà áo hồng, áo xanh tươi như hoa, xinh như mộng. Cô thì vũ nữ, cô thì học sinh, cô thì công tư chức, cô thì đi ở mướn, cô thì đi bán hàng rong. Đủ cả, gần như không thiếu một hạng nào.

Vào những đêm như thế thì cái tổ quỉ của hấn ngấu xị cả lên. Tiếng hò hét, cười đùa, tiếng giày dép, bàn ghế khua nhau chan chát đến bụng tai nhức óc. Rồi cái tổ quỉ ấy bắt đầu trở thành cái hộp đêm, đàn hát, nhảy nhót rộn ràng. Mãi cho đến hai ba giờ khuya bày quỉ sứ tan dần chỉ còn lại độ dăm tên với mấy «đào» thay phiên nhau chuyện trò, làm việc cho đến sáng.

Thực là loạn! Tối tăm mặt mũi! Người ta không hiểu ra làm sao cả. Lúc ban đầu bà con chung quanh còn nói, rầy-rà, phàn-nàn, gọi cảnh sát, sau nói mãi không ăn thua gì lại bị chúng hành hung, loạn thêm đề chọc nên người ta thôi, làm ngơ trước cảnh trái tai gai mắt.

Từ đó, cái tổ quỉ tha hồ tung hoành, tác quái.

Trưa nay ngủ dậy, đã 12 giờ, hấn cảm thấy đói ghê gớm vì trọn ngày hôm qua hấn có ăn cơm đâu. Cảnh nào chứ cảnh ấy đối với hấn là thường. Bởi thế, hấn lôi một tên trọc đầu dây bảo đi xin tiền mấy thằng bạn quỉ sứ khác để ăn cơm.

Sau khi gã trọc đầu trơ mặt đưa ma trả lời xuôi xị, hấn buồn ghê lắm. Hấn lủi thủi trở về cái tổ quỉ, trong đầu nghe như có một đám táng đã đi qua.

Lên gác, hấn ngã xuống giường, nhắm mắt nằm im thin thít. Bầy quỉ đã thức dậy từ lâu. Một tên mặt dày những theo đến ngồi xuống bên hấn :

— Này Lộc ! Tụi tao kéo nhau đi thanh toán vụ này. Tối đến cho mày biết kết quả. À ! Cái radio «chài» được hôm tuần trước đã «cho đi» chưa ?

Hấn thở dài, trả lời lí-nhí :

— Còn để ở nhà thằng Lâm. Tao mệt quá rồi !

— Vậy tao đến lấy giao cho khách hàng. Tiền nong thanh toán sau.

Hấn lo-đăng gặt đầu.

Bọn quỉ kéo ra khỏi cửa. Chúng đi sầm-sập xuống thang gác. Hấn chối dậy, đóng cửa, miệng lầm bầm :

— Lại « choảng » nhau, hừ ! Mẹ kiếp !

Xong, hấn quay lưng tựa vào cửa đưa mắt quan-sát khắp căn gác. Sao mà trống trải, lặng-lẽ điu-hiu quá. Ngoài chiếc giường to-tương và cái bàn con xiêu vẹo với hai chiếc ghế thấp do bà chủ nhà cho mượn, gia tài hấn có còn gì nữa đâu. Quần áo, chỉ một bộ mặc trong người.

Một mối buồn rười rượi kéo đến với hấn. Nuốt nước bọt, hấn lắng nghe cơn đói đang lên. Có tiếng chân bước nhẹ lên-thang gác, hấn chẳng buồn nhìn, mãi suy nghĩ đầu đầu. Tiếng chân dừng lại ở cửa.

— Anh Lộc ơi ! Anh Lộc !

Theo sau đó, mấy tiếng gõ cửa rất sè. Mắt hấn sáng lên. Đúng là tiếng Thu rồi, ý-trung-nhân của hấn. Hấn nhích thân ra khỏi cánh cửa. Một làn ánh sáng soi vào căn gác âm u. Thu đứng ở cửa, giữa vùng ánh sáng, lộng lẫy như một nàng tiên. Hấn mừng rỡ ra mặt, nhủ thầm :

— Không hẹn, mà nàng đến đúng lúc quá. Nàng đến đưa tiền cho mình đây. Cứu tinh của mình đã đến rồi !

Hấn vui-vẻ :

— Em từ nhà đến à ? Có nóng lắm không em ? Trời trưa, nắng to như thế này, em đến thực tội cho em tôi quá !

Nàng khẽ nhếch môi, trên mắt lộ vẻ khó chịu :

— Vâng ! Cám ơn anh có lòng nghĩ đến !

Mắt hần dừng lại. Nụ cười méo xệch đi. Hần ngạc nhiên quá đỗi :

— Sao em hôm nay có cử chỉ lạ quá vậy em ? Anh có làm gì đâu mà em lại giận ? Vào nhà đi em, đứng mãi ở cửa sao tiện !

Thu đi vào ngồi xuống ở mép giường. Nàng mở « sac » lấy khăn tay chấm mấy giọt mồ-hôi trên trán. Hần đến ngồi kề bên, vuốt ve :

— Bà dầm giận gì anh ? Nói anh nghe đi ! Nào anh đã có lỗi gì...

Thu nheo mắt lại, cười nửa miệng :

— Chắc thế không ? Hừ ! Anh tốt quá nhỉ !

Hần há hốc mồm ra nhìn Thu. Nàng không nhìn lại, thản nhiên nói một hơi dường từ trước giờ chưa bao giờ được nói. Nàng mở đầu đột-ngột như đã định sẵn :

— Từ lâu, từ ba năm trước, lúc mới yêu nhau, em thấy anh sao đẹp quá. Đẹp cả thể xác lẫn tâm hồn. Em sung sướng ghê. Lúc nào anh cũng chăm học và hiền hòa, nhã-nhặn đáng mến. Nhưng ngày nay thì...

Hần khoa tay, định cắt lời Thu. Nàng gạt tay hần xuống :

Không ! Anh đừng nói hết ý em đã. Em cũng nói thêm điều này để anh đừng lầm là em yêu anh, chỉ yêu con người anh và tâm hồn anh thôi. Ngoài ra, không vì gia-đình anh giàu có, sang trọng hay quyền thế gì đâu. Điều này đã chứng tỏ cho anh biết hơn năm nay, từ ngày anh nghỉ học, gia-đình ruồng bỏ đến bây giờ. Em chưa bao giờ hối hận rằng đã yêu anh. Nhưng anh đã làm buồn em nhiều, đau khổ nhiều. Em hy-sinh vì anh, mong anh được vui sướng, rồi cục lại em chỉ hy-sinh một cách vô lối. Và để đền bù lại, anh đã phụ lòng mong mỏi của em.

Mặt hần nhó, hai bàn tay hần bóp vào nhau kêu răng rắc. Hần cúi thấp xuống, buồn thiu :

— Thu ! Anh biết lắm ! Em đã hy-sinh nhiều cho anh. Em không khinh anh nghèo, trái lại ngoài giờ học em phải đi làm thêm để có tiền nuôi anh trong lúc gia-đình anh chẳng cho anh một xu nào. Anh khổ sở và nhục nhã lắm chứ. Bởi thế, anh cố tìm việc làm, cố xúng đáng với tình em. Anh không biết rằng anh đã làm gì ! . .

— Anh còn chối nữa ư ? Em nghe người ta nói đầy tai. Mắt ăn, mắt ngủ vì xấu hổ. Cục lòng em không thể tả, anh có biết đâu !

Hần cười, gật gù :

— Thôi rồi ! Mắc kế ly-gián

của người ta rồi. Đích thị, không sai !

Thu vẫn bình-tĩnh, lạnh-lùng :

— Đừng hòng che dấu và qua mắt em. Em ngỡ là anh biết hối hận khi nghe em nói, trái lại anh còn tìm cách chối quanh. Ai thù oán gì anh mà dùng kế ly-gián. Cả khu phố này và Cảnh-sát cuộc dùng kế ly-gián vì ghen với anh à ? Anh trả lời đi ? Anh Lộc !

Hần lặng thinh, bần - khoăn. Thu nói tiếp :

— Em mượn căn gác này để cho anh ở trong lúc anh chưa có công việc làm. Nghĩa là em yêu anh, lo lắng cho anh, sẵn sóc anh với sức của em, sao anh không nghĩ ? Anh biến căn gác này thành cái tổ quỉ, thành một cái hộp đêm, tụ tập bọn bất lương làm những điều phi-pháp, hèn hạ, nhơ nhục. Anh không sợ đau lòng em ? Tủi nhục cho em ?

Nàng lấy khăn lau đôi mắt đỏ hoe :

— Có khi nào anh nhìn lại anh chưa ? Thân xác anh ngày nay trông thảm hại làm sao ? Cử chỉ, lời nói, tâm hồn anh biểu hiện sự đọa lạc, xuống dốc đến tột cùng. Anh không còn là anh Lộc của ngày xưa. Ngày nay anh du-đãng, đăm đá, ăn mặc lố-lãng, cử chỉ phách lối mỗi khi ra đường. Anh còn buồn lậu, chạy « áp phe », kết hợp với bọn lưu manh trộm cắp. Chưa đủ, đã

thế anh lại dẫn đi-điểm về đây nhảy nhót, chơi bời trác táng. Căn gác này còn là nơi hẹn hò, chơi bời của thiên hạ. Vì nó là chỗ chứa, chỗ tụ họp, mèo mỡ của đủ hạng người. Anh còn chối nữa thôi ?

Mắt hần tối sầm lại. Ý nghĩ xoay tiền Thu, tắt ngấm trong trí hần. Tình-trạng thế này, còn mong gì nữa. Hần thở dài. Thu đứng lên nhìn quanh một lúc đoạn bảo hần :

— Đáng lẽ em biết việc này từ lúc anh mới ở ít lâu nhưng vì em không thì giờ rảnh đến đây thường, và lại em đến thường cũng không tiện. Thiên hạ dị - nghị, nói ra, nói vào em còn mất mũi nào dám nói ai. Bởi thế em có biết gì. Bây giờ em về. Anh nhớ đừng tìm em nữa, chỉ khi nào anh biết ăn-năn hối-hận, biết làm lại cuộc đời. Sự tin nhiệm và lòng tin đã chết ở trong em. Anh nhớ nhà ! Em đã quyết định rồi, khi nào anh là Lộc của ngày xưa hãy đến tìm em.

Mặt hần tái dần theo câu nói Hần không ngờ, sự thế có thể xảy đến như thế được.

Tiếng giầy cao gót xuống thang gác nện lên những tiếng khökhan làm hần đau buốt tận đáy tim. Hần khóc. Lần đầu tiên hần khóc vì Thu. Hần vừa ném, nghe dư-vị đau xót của cuộc đời.



SAU khi Thu về đến giờ, hẳn bỗng nhiên hết đói. Hắn nằm sải tay trên giường. Nước mắt tự-nhiên chảy không sao ngăn được. Đầu nặng như chì. Nhưng hắn không biết rõ mình buồn, khóc, đau khổ vì nguyên do nào nữa. Không phải hẳn buồn vì sợ mất Thu hay lo từ nay Thu không cung-cấp tiền cho hắn sống. Giận Thu, oán hờn Thu vì những lời nói ban trưa thì cũng có nhưng chưa phải là động cơ, nguyên nhân làm hắn buồn khổ. Là con trai, hẳn đâu có yếu hèn đến mức ấy.

9 giờ hơn. Hắn vẫn nằm vùi không dậy nổi. Căn gác của hắn vẫn tối om om, không một tiếng động, không một chút ánh sáng. Đây là lần đầu tiên có sự khác thường này.

Có tiếng chạy sầm - sập lên thang gác, rồi đập cửa vội vàng:

— Lộc ơi ! Lộc ! Mày có nhà không ? Mở cửa mau lên !

Tiếng đập cửa càng to hơn, hẳn miễn cưỡng ngồi dậy, mở cửa, bật đèn lên. Một tên tung vào như gió :

— Đ. mẹ ! Ngụy đến nơi rồi ! Hắn vẫn đứng-dưng :

— Việc gì ?

— Vừa giao hàng, lấy tiền xong thì bị « chộp ». Tao nhanh chân thoát khỏi, tụi nó bị bắt hết rồi. Không hiểu « chùy » thế mà chịu nổi không ? Khai bậy thì

tụi mình... Xui-xẻo quá !

— Tao mỗi mệt lắm rồi. Mặc t Biết đâu thế lại may !

Tên kia giương mắt, lấy làm lạ về thái độ của hắn. Chuyện sống chết, vẫn bình thản. Lại thực ! Hắn không hỏi, nói thêm tiếng nào nữa, tiến đến bàn ngồi xuống, ôm lấy đầu. Tên kia lấy gói thuốc « con mèo » ra, chia cho hắn một điếu.

— Hút đi ! Rồi đi ăn cái đã !

Hắn đứng dậy, phi-phà khói thuốc lửng-thững theo tên kia xuống thang gác. Vừa xuống đất. có mấy tên khác ngừng xe jeep ngoài đầu ngõ, vào đến nơi. Một tên mặc áo rằn-ri, đầu chải « mõ vịt » tém sát, vỗ vai hắn thi-thảm :

— Nay cậu ! Chốc nữa cậu tản-cư hộ, mình có hẹn « đào » đến đây. Cậu vui lòng cho mượn căn gác nhé ! Mười hai giờ, mình « chuồn » đem nạng trả lại cho ông via, bà via. Bây giờ mình đưa đào đi chơi, chốc trở lại.

Hắn uể-oải, chép miệng.

— Ừ ! Chốc nữa trở lại hẳn hay.

Mấy tên kia vội vã kéo nhau ra xe. Trên xe có một nạng tiên tha thuật, kiêu diễm đợi chờ. Hắn ra sau, sang bên kia đường vào quán phở.

Ăn xong, hắn về thi căn gác đã đầy người. Bầy quỉ sứ khi trưa tụ họp lại. Đưa súng mặt, đưa híp mắt, đưa máu me vấy cả trên áo.

— Đ. mẹ ! Tụi nó đông quá, lại

thêm có mấy con đào thị chiến. Hôm nào tao rình chém bỏ mẹ ! Một tên trong bọn nói.

Cùng lúc ấy ở phía sau vang lên một tiếng động mạnh, chát tai, rung rinh căn gác. Một tên chạy vào, ném một con mèo vàng rất to xuống sàn gác :

— Tao vừa đập được con mèo đây. Mập quá. Nhậu nghe !

Cả bọn nhao nhao xúm xít vây lấy con mèo. Hắn không nói gì, lại đầu giường lôi ra một xấp giấy trắng, đến ngồi ở bàn. Hắn nghĩ đến mấy con mèo hoang ở khu phố này đi ăn vụng, kêu la sáng đêm. Đã là mèo hoang hẳn chúng phá-phách và đói lắm.

Suy nghĩ một lúc lâu, cẩn thận đập cái nắp viết nguyên-tử, hắn mới cúi xuống viết một mach. Thi ra hắn viết thư cho anh hắn.

Saigon 7 Janv. 196..

«Thưa anh,

«Đến nay, đã hơn sáu tháng em không dám về nhà thăm anh chị và các cháu. Em cũng không viết thư cho anh. Từ cái hôm « anh tổ chức buổi tiệc gia-đình mừng được vinh thăng đại tá, « anh cảm em bước chân về gia-đình đến nay, em sống một cuộc « đời hết sức sa-đọa và tủi-nhục.

«Hôm nay, em viết thư về anh « để tạ tội và cầu xin anh chị « tha lỗi cho. Em thấy rằng dù « em có đập đầu lay muôn nghìn

« lay cũng không sao đền bù « được tội lỗi ấy.

«Lòng em đau lắm. Em đã khóc « nhiều cho thân thể và con « người xấu xa đê-tiện của em. «Trời ! Có tủi nhục cho em « chưa. Khi trưa, em nằm mơ « thấy ba hiện về đứng trước mặt « em rung rung nước mắt. Ba « cầm gậy nhịp nhịp trên đầu « em mà không nói.»

Câu thang gác lại rung rinh, rồi một cái đầu thò vào, gọi hắn :

— Lộc ! Lộc ! Ra tao bảo cái này.

Hắn ngừng viết, ngừng đầu lên. Tên kia tiến vào nói khẽ bên tai hắn :

— Hôm nay có bạc đây ! Đi «Văn Cảnh» nhảy một mach rồi đi chơi. Có «đào» phụ họa. Xe còn đậu ngoài ngõ chờ cậu đấy !

Hắn do dự một lúc đoạn ... lắc đầu :

— Thôi ! Tụi mày đi đi ! Từ nay tao xin thôi.

Tên kia đứng im lặng, nhìn hắn dò xét. Hôm nay cũng là lần đầu tiên hắn từ chối những cái hắn thèm thường.

Lại có tiếng chân bước lên thang gác. Hắn nhú mày tỏ vẻ khó chịu. Bỗng nhiên hắn nhận ra căn gác hắn ồn-ào náo-nhiệt, hỗn độn một cách lạ lùng. À ! Thi ra tên mặc áo rằn-ri khi nãy trở lại vừa bước qua cửa.

Hắn đứng dậy, nhìn chung quanh căn gác, suy nghĩ một lúc hẳn bảo :

— Này cậu xem, tụi nó kéo tới nằm la-liệt, ồn ào thế kia biết làm sao bây giờ. Không lẽ đuổi chúng đi. Đấy, chúng vừa định làm thịt con mèo hoang đập chết còn bỏ đấy.

Cả bọn đang bàn tán, chuyện ôm tõi lên đều ngưng lại, đưa mắt nhìn. Gã « rần-ri », đứng tần ngần, phân-vân. Hắn xoa tay, xếp lại bức thư viết dở cho vào túi áo. Trong đầu hắn, trống rỗng không bận nghĩ một điều gì. Nếu có, hẳn chỉ nghĩ đến sự giải thoát, nghĩ đến những ánh mắt dịu hiền thương mến trong mơ.

Có tiếng người nói chuyện dưới đường lẫn trong tiếng giày bước lạo-xạo. Hắn thoáng nghe một câu có vẻ lạ :

— Thưa ông, đích thị là đây rồi ! Bọn tôi ở đây.

Hắn bước ra cửa, đứng dựa lang-cang nhìn xuống. Năm sáu nhân-viên cảnh-sát và hiến-binh đang hỏi mấy tên trong bầy quỉ của hắn. Tên nào tên nấy đều được công lại tử tế. Hắn đã biết chuyện gì sẽ xảy ra rồi. Tự đứng, hắn mỉm cười quay vào đứng trước cửa :

— Thế là xong ! Các cậu đừng bắn-khoăn ! Tôi đã tìm ra biện pháp ổn thỏa.

Hắn cười thành tiếng, vui vẻ :
— Lối giải-thoát với niềm vui và thỏa mãn.

Cả bọn ngỡ ngác, tưởng hắn hóa điên, nhìn nhau trao đổi những cảm nghĩ lặng thẳm. Tiếng chân nhíp lên thang gác, rõ mồn-một và đều đều. Ánh đèn neon in bóng hẳn qua ngưỡng cửa lọt vào nền trời tối mênh-mông.

Hắn đợi chờ, mỉm cười trong thỏa-mãn.

★ DANH NGÔN

Nếu quyền ở tôi, tôi sẽ gieo rắc sách khắp mặt đất như người ta gieo lúa trong ruộng cày.

HORACE MANN

PHÂN VÂN...

*Chiều Xuân ấy tôi đi chiều gió loạn,
Trên đường đi xác lá quỳen chân tôi,
Tôi vẫn đi, mắt ngó chốn xa vời...
Lòng héo hắt. Xa nhà chân vẫn bước !!!*



*Chân vẫn bước bấp bênh trên đường lá,
Anh nắng chiều nhàn nhạt đọng trên vai.
Tôi vẫn đi, biên biệt ở ngày mai...
Trên cành héo lá vàng rơi lặng lẽ !!!*



*Gió chiều, chim kêu đầy quanh quẽ.
Nhìn con đường lẫm lũi đếm bước chân ;
Một con én lạc mẹ dánh bâng khuâng,
Kêu riu rít, đường nào là tổ ấm ?*

ĐOÀN-MINH-HẢI

Khổng Minh

★ NG-QUANG-LỤC

(Tiếp theo P. T. số 29)

VÀO TRẬN XÍCH-BÍCH
KHÔNG-MINH VỚI
TÔN-QUYỀN

NHẮC lại, hồi bấy giờ, khi Chư Cát Lượng đến Đông Ngô vào yết kiến Tôn quyền, thì Lượng bảo Quyền rằng :

— Nay khắp nơi đại loạn, tướng quân khởi binh đã chiếm được Giang-Đông. Lưu-Dự-Châu cũng thu quân ở Hán-Nam cùng Tào Tháo tranh thiên hạ. Nay Tháo đã binh định được nhiều bọn đối cự, vừa rồi lại phá Kinh Châu, uy danh chấn động bốn bề. Người anh hùng đều không còn nơi dụng võ. Vì vậy Lưu Dự Châu phải chạy.

Ngày nay xin tướng quân tự lượng sức mình mà xử đối. Vì chẳng có thể lấy quân Ngô Việt cùng quân Trung Quốc tranh thắng thì làm đi. Bằng

không thể được thì liệu sớm sớm thôi đi.

Nếu không thể cự địch được sao không an binh thúc giáp, ngoảnh mặt về phương Bắc mà thờ. Nay tướng quân ngoài mặt thì lấy danh nghĩa phục tùng trong lòng thì mưu kế trừ trừ do dự. Việc đã gấp lắm rồi mà không quyết đoán ngay đi thì tai họa đến đó.

Tôn Quyền nói :

— Cứ lời tiên-sinh nói, sao Lưu Dự Châu lại không hàng Tháo ?

Lượng nói :

— Dự-Châu không bằng Tháo khác gì trang sĩ Điều-Hoành nước Tề. Đó là một lòng thủ nghĩa không chịu nhục. Hướng chi Dự Châu là dòng dõi Vương thất nhà Hán, là bậc anh tài cái thế, bọn sĩ-phu ngưỡng mộ theo về như nước chảy ra bề lớn. Nếu việc chẳng thành cũng là tự lòng trời. Há chịu ở dưới người sao ?

Quyền bỗng nhiên nói :

— Vậy thì ta cũng không thể đề cho mười vạn dân Đông-Ngô phải đặt dưới quyền kềm chế của người được. Ta đã quyết kế rồi. Không có Lưu-Dự-Châu, ai đương nổi Tào-Tháo. Nay Dự Châu mới thất bại thì thử hỏi còn kháng cự làm sao được nữa.

Lượng đáp :

— Dự Châu tuy vừa thua quân ở Trường-Bản, nay thu thập chiến sĩ cùng thủy quân của Quan Vũ cũng được vạn tinh giáp. Lưu-Kỳ họp chiến sĩ Giang-Hạ cũng không dưới một vạn. Quân Tào-Tháo ở phương xa đến đã mỗi mệt lắm rồi. Tôi nghe nói khi đuổi Dự-Châu ban ngày, Tháo lấy quân khinh kỵ truy nã gắt gao cấp tốc, một ngày một đêm đi tới hơn ba trăm dặm. Thế tức là cái nỗ cũng đã hết sức mà bản cũng đã hết đã ; bây giờ cái sức còn lại không đảm thủng được cái lỗ mong manh trên tám vạn mỏng. Binh Pháp lấy điều ấy làm tối kỵ. Binh Pháp nói :

— Dùng binh cấp tốc như vậy, thế nào cũng què thương tướng.

Vả lại người phương Bắc không quen thủy chiến. Quân lính Kinh-Châu hàng Tháo vì bức bách chớ không cảm phục. Nay tướng quân một lòng phá giặc, ra mệnh lệnh cho mãnh tướng thống suất mấy vạn quân, cùng Dự-Châu đồng tâm hiệp lực phá Tháo tất thành công. Quân Tháo bị phá tất phải về Bắc. Như vậy, cái thế Kinh Châu Ngô Việt lập thành có thể chia ba chân vạc vậy. Cái cơ thành bại là ở ngày nay.

Tôn Quyền nghe Khổng Minh nói cả mừng liền sai bọn Chu Du, Trình Phở, Lỗ Túc đem ba vạn thủy quân theo Tiên Chủ

cùng Chư Cát Lượng gom sức
kháng cự Tào Tháo.

**Vào trận XÍCH BÍCH
Lưu-Bị với Chu Du**

Đây xin kể tóm tắt cuộc Đồng
Minh giữa Quyền và Lượng theo
« Tam Quốc Chí Diễn nghĩa »,
kể lại đề đọc giả so với chính
truyện Chu-Du sau khi đã tiếp
Khổng Minh, nhận thấy vượt
hẳn tài mình, muốn kết nạp
không được nên manh tâm
muốn giết.

Chu Du cùng Tôn Quyền ra
quân, mời Khổng Minh theo
khai hội nghị, Du hỏi Khổng
Minh :

— Xưa kia Tào Tháo binh ít,
Viên Thiệu binh nhiều mà

Tháo đã thắng Thiệu ấy là vì
dùng mưu của Hứa-Du đốt
lượng ở Ô-Sào. Nay Tháo có
tám mươi ba vạn mà quân ta
chỉ có năm sáu vạn, cự lại thế
nào cho nổi. Nên tôi nghĩ trước
hết hãy đốt lượng Tào Tháo đi
đã, nhiên-hậu mới có thể phá
được. Nay tôi cho người thám
thính biết rằng lượng Tháo để
cả ở Thiết-Sơn. Tiên-Sinh ở
Hán Thượng đã lâu, thông tỏ
địa lý nơi ấy, vậy dám phiền
Tiên sinh cùng bọn quan Trường
và Triệu Tử Long đem quân
đến đó, riêng tôi xin giúp ngàn
quân để đến Thiết-Sơn đốt phá
lượng thực Tào Tháo.

Khổng Minh nhận lời ngay.

(Còn nữa)

★ NGƯỜI BẦY VỢ

Vừa rời tòa án Mexico xử vụ anh **ALFREDO SALAZAR GARCIA** về tội có 7 vợ. Nhưng tất cả 7 cô vợ (đều trẻ cả) ra
trước vành móng ngựa đều đồng thanh yêu-cầu quan Tòa tha cho chồng
vì « anh ấy chỉ quên làm đơn xin ly-dị ». Mặc dầu vậy, tòa chiếu theo
Luật phạt anh 3 tháng tù, nhưng vẫn tỏ lời khen anh là « đã khôn
khéo sắp đặt việc nhà được trong âm ngoài êm. »

những áng thơ hay

CẦN THIẾT

Không có anh lấy ai đưa em
đi học về
lấy ai viết thư cho em mang
vào lớp học
ai lau nước mắt cho em ngồi
khóc
ai đưa em đi chơi trong chiều
mưa
những lúc em cười trong
đêm khuya
lấy ai nhìn những đường
răng em trắng
đôi mắt sáng là hành tinh lóng
lánh
lúc sương mờ ai thổi đờ
sương tan
ai cầm tay cho đỏ má hồng
em
ai thổi nhẹ cho mây vào trong
tóc...
Không có anh nhớ một mai em
khóc
ánh thu buồn trong mắt sẽ
hao đi
tóc sẽ dài thêm mớ tóc buồn
thơ
không có anh thì ai ve vuốt

★ THÂM-THỆ-HẢ

không có anh lấy ai cười
trong mắt
ai ngồi nghe em nói chuyện
thu phong
ai cầm tay mà dắt mùa xuân
nghe đường máu run như
cành lộc biếc
Không có anh nhớ mai em
chết
thượng đế hỏi anh sao tóc em
buồn
sao tay gầy, sao đôi mắt héo
hôn...
anh sẽ phải cúi đầu đi về
địa ngục...
NGUYỄN - SA

Nguyễn Sa là một nhà mô phạm.
Nguyễn Sa lại là một nhà thơ.
Tác phong nhà mô phạm thì quá
ư đạo mạo mà tâm hồn nhà thơ
thì phóng-túng, dạt-dào, cỏi-mở.
Cho nên khi thi-nhân sáng-tác,
chiếc áo nhà mô-phạm rơi xuống
cùng với những tín-điều luân-lý
ngghiêm - khắc, và tâm-hồn thi-
nhân vươn lên cùng với những
tràng cảm hứng triền-miên. Và
ta sẽ không ngạc-nhiên tí nào khi

nghe Nguyên-Sa thô-thê :
*Không có anh lấy ai đưa em
 đi học về
 lấy ai viết thư cho em mang vào
 lớp học*

Có lẽ các học trò của giáo sư Nguyên - Sa Trần-Bích-Lan sẽ cười rúc - rích khi đọc những câu Thơ quá ư mùi-mẫn này của thầy mình. Các em cười, nhưng chắc - chắn các em sẽ sung - sướng khi thấy thi-nhân phản-ảnh đúng thị-hiếu của những tâm-hồn hoa mộng, những tâm-hồn tha-thiết với tình - cảm như người lữ-hành thềm-thường đông nước ngọt bên ghềnh đá chơi-voi...

Cô em cần người bạn đường để đưa em đi học, cần người viết thư để an-ủi, khích-lệ em. Nhưng vốn là một xuân - nữ ngây-thơ, em lại hay nũng-nịu và giận-dỗi để cho người phải chiều mình và để cho lòng mình chan-hòa những cảm-tình trù-mến. Cho nên thi - nhân đã nói lên tiếng nói của lòng nàng :
*Ai lau nước mắt cho em ngồi
 khóc
 ai đưa em đi chơi trong chiều
 mưa*

Cái hình ảnh của cô em ngồi

khóc để cho người yêu lau lệ, thật là đẹp - để biết bao ! Cái hình ảnh của cô em khép - nép bên người bạn đồng - hành dưới mái hiên vào một chiều mưa ú - dột, thật là thi - vị biết bao ! Phải những kẻ có tâm-hồn thi-sĩ hoặc những tâm-hồn vừa nở mộng yêu-đương mới có những hành-động vừa trẻ con, vừa lạ-lùng và cũng vừa thơ - mộng ấy.

Thi-nhân càng thấy mình cần-thiết khi nghĩ đến :

*Những lúc em cười trong đêm
 khuya
 lấy ai nhìn đường răng em
 trắng
 đôi mắt sáng là hành-tinh lóng-
 lánh
 lúc sương mờ ai thổi để sương
 tan*

Nàng đẹp, mà người đẹp ai lại không muốn « người ta » thương - thức vẻ đẹp của mình, nhất người ấy lại là thi - nhân ? Vì thi-nhân bao giờ cũng nhìn vẻ đẹp khác với thiên - hạ : có người cho khoé mắt là hồ thu, có người cho khoé mắt là vũ-trụ... Riêng Nguyên Sa nhìn đôi mắt nàng như những hành - tinh lóng-lánh, mà hành - tinh ấy lại có lúc đắm sương mờ... Hình

ảnh thật là quái-dị và cũng thật là đẹp như thơ !

Có cuộc yêu - đương nào chỉ xây - dựng bằng cái nhìn và hơi thở ? Tình-yêu luôn luôn tiến-triền qua những cử-chỉ âu-yếm, đậm-dà, gieo vào lòng trinh-nữ những cảm-giác khó quên để biến thành những sự đòi hỏi cần-thiết :

*ai cầm tay cho đỡ má hồng em
 ai thổi nhẹ cho mây vào trong
 tóc
 không có anh nhớ mai em khóc
 ánh thu buồn trong mắt sẽ hao
 đi*

Thi-sĩ có lúc thật thật - tế và cũng có lúc thật mơ mộng. **Thật** và **mộng** hòa-hợp để tạo cho thi-sĩ và giai-nhân một vòng ảo-giác khóa chặt cả hai tâm - hồn. Làm thế nào biết được mớ tóc của nàng buồn ? Làm thế nào hình-dung được (hay cảm - giác được) mái tóc buồn như thơ ? Nếu không phải là kẻ đang đắm chìm trong một ảo giác dụ-hiền, chắc - chắn sẽ không thể nào có được sự nhận - thức và rung - cảm tế - nhị ấy. Và nếu không có sự rung cảm tế-nhị phối-hợp với một sự

tưởng tượng dồi-dào, thi-nhân làm sao cảm-giác được mình đang « dặt mùa xuân » và nghe được « đường máu run như cành lộc biếc » ?

*tóc sẽ dài thêm mớ tóc buồn thơ
 không có anh thì ai ve-vuốt
 không có anh lấy ai cười trong
 mắt
 ai ngồi nghe em kể chuyện thu-
 phong
 ai cầm tay mà dặt mùa xuân
 nghe đường máu run như cành
 lộc biếc*

Đã sống chung nhau trong một vòng ảo-giác thì sự cần-thiết nào phải riêng gì giai-nhân ? Thi-sĩ cũng cảm thấy cần-thiết — sự liên-dối cần-thiết đối với nhau. Thiếu thi nhân, giai-nhân có thể chết. Đến Thượng-đế còn nhận thấy tóc nàng buồn, tay nàng gầy, đôi mắt nàng héo-hon..., chàng làm sao khỏi hối hận cúi đầu đi về địa-ngục ?

*không có anh nhớ mai em chết
 thượng-đế hỏi anh sao tóc em
 buồn
 sao tay gầy, sao đôi mắt héo hon
 anh sẽ phải cúi đầu đi về địa-
 ngục...*



Nhiều nhà phê-bình cho rằng :
« Nguyên - Sa là nhà thơ của
yêu - đương ». Tôi muốn thêm
rằng : « Nguyên - Sa là nhà thơ
biết yêu-đương ». Bởi Nguyên-
Sa biết sống chân-thành và mãnh-
liệt trong tình-yêu, biết rung-cảm
những cái mà bao nhiêu người
không biết rung-cảm, biết nâng
tình-yêu lên đến Thượng - đế và
đưa tình - yêu xuống tận địa-
ngục thâm-u.

Độc thơ Nguyên-Sa, ta liên-
xưởng đến Xuân - Diệu thời tiền

chiến với những ý tình bông-bột,
sôi-nổi. Khác với Xuân-Diệu là
tình - cảm của Nguyên - Sa tuy
cũng bông - bột, sôi - nổi nhưng
đậm - đà, thắm - thiết hơn qua
những lời thơ thanh-thanh, êm-
nhẹ như một đường tơ thanh-
thót, dịu-dàng.

Có người sẽ cho Nguyên-Sa là
nhà thơ phi - luân - lý. Điều đó
hẳn Nguyên - Sa sẽ không phủ-
nhận. Và biết đâu đó không là
một quan-niệm văn-nghệ mới của
thi-nhân ?

THẨM-THỆ-HÀ

* **CÔNG NHƯỜNG**
Một ông khách say lão đảo bước vào một quán rượu tại
đường Tự-do kêu chủ hàng :

— Cô cho tôi một ly Whisky.

Khi rượu mang ra, ông khách lại nói :

— Thôi cô làm ơn đòi cho tôi ly Martell.

Uống xong, ông khách đứng dậy đi thẳng.

Bà chủ vội chạy theo gọi :

— Thưa ông, ông chưa trả tiền ly rượu Martell.

Ông khách uống rượu trọn mất trả lời :

— Thì tôi đã đổi cho cô ly rượu Whisky rồi.

Bà chủ quán ngạc nhiên :

— Nhưng ly rượu Whisky ông có trả tiền đâu ?

Ông khách dơ tay lên trời kêu lớn :

— Ô, thì tôi đâu có uống rượu Whisky mà cô đòi tiền ?

Nói xong ông khách bỏ đi thẳng...

TUÝ-KHA

(Đề-thám Saigon)

Bên bờ sông Dịch

KỊCH

(MỘT CẢNH — MỘT HỒI)

* NGUYỄN-NGỌC-VINH

(Bên bờ sông Dịch vào một chiều
âm-u, ánh nắng vàng yếu ớt của
ban ngày còn sót lại lưa-thưa trên
các đợt cây. Hai ngàn quân sĩ kẻ
groom người giảo vận y-phục trắng
đang nghiêm trang làm lễ cầu
nguyện đưa tiễn Kinh-Kha. Trước
khán đài, Thái tử Đan với nét
mặt ngậm-ngùi nhìn Kinh-Kha trong

Thái-tử Đan. — (Đặt tay lên
vai Kinh-Kha) — Này tráng sĩ
Kinh - Kha ! Ta đang thăm
nguyện cầu cho chuyển đi của
tráng sĩ được thành-công, để
cho muôn dân rồi đây được sống
trong cảnh thanh-bình, no ấm.

tin - tưởng, rồi
ngước mặt lên nhìn
trời cầu nguyện.
Kinh-Kha với dáng
điệu trầm - ngâm
nghĩ-ngợi. Xa xa

Các vai :

- THÁI TỬ ĐAN
- KINH KHA
- TRÁNG - SĨ
- QUÂN-SĨ

Kinh-Kha. —

(với vẻ tự đắc,
cúi đầu đáp lễ
xong đứng dậy
đáp) — Xin thái-
tử bình tâm.

có tiếng sáo vọng lại lúc rõ lúc bật
hòa lẫn tiếng gió ngàn cây, tiếng
sóng vỗ bờ của con sông Dịch).

Chuyển đi này, tôi tin chắc thế
nào cũng lấy được đầu tên bạo
chúa họ Tần kia.

Thái-tử Đan.— (lộ vẻ vui mừng) — Nếu được vậy, hẳn rồi đây công ơn của tráng sĩ sẽ được muôn dân ghi nhớ đời đời, riêng Đan này cũng rất cảm kích lòng quả cảm của tráng sĩ.

(Thái-tử Đan nói đến đây, mỉm một nụ cười thỏa chí rồi tiếp, trong lúc đó Kinh-Kha và mọi người đang chú ý lắng tai nghe có tiếng vó ngựa từ xa vang lại, gần như không để ý đến lời nói của thái-tử Đan).

— Tráng sĩ ! Ta đang mừng thầm khi nghĩ đến cái chết của Tần Thủy Hoàng, rồi đây, nơi điện Hàm Dương kia sẽ nhờ lưỡi kiếm của tráng sĩ để kết liễu cuộc đời của một tên hôn quân bạo ngược. Tráng sĩ sẽ xứng đáng là vị anh hùng bậc nhất trong thiên hạ.

(Trong lúc này, tiếng vó ngựa mỗi lúc một rõ dần, Kinh-Kha vội quay nhìn về hướng người ngựa đang tiến đến, lộ vẻ vui mừng).

Kinh-Kha.— (nói rất khẽ) — Tiếng vó ngựa này nếu là Cáp-Nhiếp đến thì hay lắm, ta tìm mãi mà chẳng được gặp.

(Thái-tử Đan nhìn thấy vẻ tươi vui trên nét mặt Kinh-Kha, lòng càng hơn hớn).

Thái-tử Đan.— Tráng sĩ đang nghĩ và nói gì thế ?

Kinh-Kha.— (vội quay lại) Tôi đang thầm nghĩ rằng tiếng vó ngựa kia sẽ là Cáp-Nhiếp.

Thái-tử Đan.— Cáp-Nhiếp! (Đưa mắt nhìn Kinh-Kha như muốn hỏi nhưng rồi gật gật đầu) Ừ, nhỉ. Nếu có thêm Cáp-Nhiếp trong chuyến đi này.

Kinh-Kha.— Vâng, nếu quả là Cáp-Nhiếp đến, tất chuyến đi này nhất định thành công.

(Lúc này người và ngựa đã đến gần, Kinh-Kha và Thái-tử Đan cùng quay nhìn về phía người ngựa).

Thái-tử Đan.— (quay lại nhìn Kinh-Kha) — Người kia là Cáp-Nhiếp ?

Kinh-Kha.— (vội về mặt thất vọng) — Không. Không phải là Cáp-Nhiếp mà là một kẻ lạ mặt ! Một kỵ-mã.

Thái-tử Đan.— (kinh ngạc) Một kỵ mã ?

Kinh-Kha.— Vâng, một kỵ mã.

Thái-tử Đan.— (hơi lộ vẻ lo ngại) Nhưng, trời phù hộ ta tất công việc sẽ thành, mặc dầu không có Cáp-Nhiếp.

Kinh-Kha.— (giương vui) — Vâng, trời sẽ phù hộ ta, (vừa

nói vừa đặt tay lên chuôi kiếm đeo ở bên hông). Lưỡi kiếm của thái-tử trao cho tôi thế nào cũng kết liễu được đời Tần-Thủy-Hoàng.

(Người kỵ mã đã đến nơi ghim cương trước mọi người. Xuống ngựa, vội cúi đầu chào.)

Tráng sĩ.— Kê hèn mọn này xin chào tất cả mọi người.

(Kinh-Kha và Thái-tử Đan nhìn kê lạ mắt chưa kịp hỏi, tráng-sĩ đã đến gần chỗ Kinh-Kha và Thái-tử Đan đứng, nói tiếp).

— Kê này rất khát-khạo được thừa cùng Thái-tử và tráng-sĩ một câu chuyện...

Thái-tử Đan.— (đưa tay khoát) Ta miễn lễ cho. Người muốn trình chuyện gì, hãy nói mau đi.

(Kinh-Kha nhìn kỵ mã với vẻ kiêu ngạo, mỉm môi cười).

Tráng-sĩ.— (nghe mình đáp lễ lần nữa) Xin cảm tạ Thái-tử và tráng-sĩ Kinh-Kha. Thật là điều vạn hạnh, kê này có một câu chuyện cần nói, nhưng chẳng hay Thái-tử và tráng-sĩ có cho phép và muốn nghe chăng ?

Thái-tử Đan.— (Nhìn vẻ hiền ngang của tráng sĩ, có ý tin tưởng) — Chúng tôi mong được nghe những lời vàng ngọc của tráng sĩ ; hẳn là người có mưu

kê gì hay để giúp Kinh-Kha trông việc hành-thích Tần-Thủy-Hoàng chăng ?

Kinh-Kha.— (tiếp lời) Kha này xin cảm tạ tráng-sĩ đã đến đây, và rất sung sướng được nghe lời chỉ bày của tráng sĩ.

Tráng-sĩ.— (vẫn dáng điệu nghiêm trang) Tôi sợ rằng lời nói của tôi chỉ làm Thái-tử và tráng-sĩ bất bình, tức giận mà thôi.

Thái-tử Đan.— (xua tay) Không, Đan này rất vui lòng nghe người nói.

Kinh-Kha.— (có vẻ sốt ruột) Nếu là điều hay thì người hãy nói ra đi, còn chần chờ gì nữa.

Tráng sĩ.— Vậy thì tôi xin nói. Tôi cũng là một kẻ ngày đêm mất ăn, mất ngủ và chỉ mong sao thấy được ngày an bình về với đất nước, xứ sở, muôn dân vui cười trong no ấm. Trộm nghe việc tráng sĩ sắp nhập Tần, lòng này xiết bao mừng rỡ. Nhưng có điều làm cho kê này lăm thắc mắc. . .

Kinh-Kha.— Tráng sĩ thắc mắc vì điều gì ? Hay không có Cáp-Nhiếp đi trong việc này ư ?

Tráng sĩ.— Không. Nếu có Cáp-Nhiếp hay không cũng vậy. Mà đâu có Cáp-Nhiếp hay năm bảy Cáp-Nhiếp đi nữa, chưa

chắc đã giết được Tần Thủy Hoàng.

Kinh-Kha.— (ngạc nhiên)
Tại sao lại có sự lạ lùng như thế? Tráng sĩ không tin ở Kinh-Kha này ư? (vỗ vào ngực).

Thái tử Đan.— Người là ai? Vậy người có thể giúp ta trong việc trừ khử tên hung Tần kia?

Tráng Sĩ (vội quay sang Thái Tử Đan).— Trước tiên, kẻ hèn này xin thưa chuyện với thái tử. Vì sao Thái tử muốn trừ diệt Tần thủy Hoàng?

(Thái tử Đan chưa kịp đáp, tráng sĩ đã tiếp)

— Có phải thế này chăng. Nhưng xin Thái tử đừng tự dối! Việc này hẳn là thái tử vì thù riêng, vì muốn dành cái địa vị trị vì thiên hạ mà mưu đại-sự. Tôi tin rằng Thái-tử chỉ vì thái tử mà mưu chuyện lật đổ tên Hoàng-đế khát máu kia chứ chẳng phải thái tử nghĩ đến cái đau khổ của muôn dân đang bị chà đạp dưới gót Tần.

(Nghe vậy, Thái tử Đan lấy làm giận dữ vì kẻ này đã nói đúng ý-nghĩ của mình).

Thái tử Đan.— (Nạt nộ)
Người chỉ là một tên cuồng-

nhân. Trong lúc một người sắp lên đường để làm việc đại nghĩa, trừ hại cho thiên hạ thì người hiện đến nói những điều không ích lợi gì cả.

(Nghe Thái tử Đan nói thế, mọi người đều nhao-nhao lên tỏ ý phân đối kẻ lạ mặt).

— Xin Thái tử và tráng sĩ Kinh-Kha hãy giết kẻ ngông cuồng ấy đi!

Kinh-Kha.— (vội đưa tay ra hiệu bảo mọi người im)— Vì sao không để cho kẻ kia nói nữa! (đay lại tráng sĩ) Này, tráng sĩ, tráng sĩ cứ nói nữa đi. Kha này không sợ sự thật!

Tráng sĩ.— Đáng quý thay Kinh-Kha! Nhưng kẻ này chỉ ca ngợi tráng sĩ riêng ở chuyện vừa rồi mà thôi. Và kẻ này cũng ca ngợi cái công việc sắp làm của tráng sĩ, nhưng kẻ này cũng rất buồn để mà nói rằng việc tráng sĩ sẽ không thành công. Xin tráng sĩ đừng đổ lỗi là không có Cáp-Nhiếp, một khi tráng sĩ thất bại.

Kinh-Kha.— Người làm lớn. Kha này đâu phải kẻ hèn đến thế.

Song, người lấy có gì để bảo chắc rằng Kha này không thành

công?

Thái tử Đan.— (thúc giận)
Thôi, người hãy đi đi! Đi ra khỏi chốn này đi!

Tráng sĩ.— Xin thái tử bớt giận. Một Kinh-Kha, một Cáp-Nhiếp mà làm gì được! Cho dù Kinh-Kha, người kiếm thuật có tuyệt vời đi nữa, người cũng không làm gì được, vì người chỉ là một sức mạnh lẻ loi và cô độc.

Này, tráng sĩ Kinh-Kha! Một người, hai ba người, một nhóm người có thể đem được trên đầu ngón tay thì làm nên việc gì. Các người đã quên mà tự cho các người là những kẻ anh hùng có thể thay đổi được cuộc sống cho thiên hạ ư?

Kinh-Kha.— Này tráng sĩ! Người đã làm mất. Kha này đi đâu phải vì Kinh-Kha, mà chính là muốn trừ một cái hại cho thiên hạ, muốn mọi người được sống vui tươi.

Thái tử Đan.— Ta mong người hãy đi đi! Người đến đây chỉ gây thêm bận rộn trong việc làm của chúng ta mà không giúp ích gì được cả, lại còn muốn cản trở bước đi của tráng sĩ Kinh-Kha. Vậy, thì ta thử hỏi người: ai sẽ đi thay thế trong việc làm

trọng đại này? Ai mới giết được Tần-Thủy-Hoàng? Hay người mới có thể giết được chăng? (Thái tử Đan bêu mũi).

Tráng sĩ (vẫn thân nhiên).— Không phải kẻ này và cũng chẳng phải các người!

Tráng sĩ Kinh-Kha ă, người đã tự dối, kẻ này tin rằng người đi chưa hẳn là vì nghĩ đến muôn dân. Và, cũng không vì một Kinh-Kha, một Thái tử Đan mà Tần Thủy Hoàng chết.

Kinh-Kha.— Ta xin hỏi người điều này, vậy ai có thể thay ta trong chuyện đi này để giết Tần Thủy Hoàng? Hay người chăng? (cười lớn).

Tráng sĩ.— Ai mới có thể giết được Tần Thủy Hoàng ư? Chính là tất cả thiên hạ! Chỉ có thiên hạ mới giết được.

Kinh-Kha.— Tất cả thiên hạ? (bêu mũi) thế thì tại sao thiên hạ không thử đi giết đi! (lại cười lớn).

Tráng sĩ.— Điều mà các người làm lớn bấy nay là các người đã không chịu nghĩ đến cái phần đông đảo trong thiên hạ. Không vì một Thái tử Đan, một Kinh-Kha mà cuộc sống của thiên hạ tươi đẹp. Đem lại hạnh

phúc, tươi vui trong cuộc sống của họ, chỉ có những kẻ đã từng đau và bị chà đạp dưới gót Tần mới đem lại cho họ. Chính là cái phần đông trong thiên hạ ấy.

(*Lúc này mọi người đã bắt đầu chú ý đến lời nói của tráng sĩ mà bấy nay họ chẳng hề nghĩ đến. Thái tử Đan rất cảm phần vì những lời nói của tráng sĩ, nhưng thấy Kinh Kha vẫn im lặng nên cũng chẳng nói một lời nào. Ngừng một lát tráng sĩ lại tiếp, tiếng nói của tráng sĩ mỗi lúc một vang lên cùng với tiếng sóng Dịch thủy, tiếng gió vi vu và tiếng trúc buồn của Cao-Tiêm Ly.*)

Tráng sĩ.— Mà đâu cho tráng sĩ Kinh Kha, người sẽ giết được Tần Thủy Hoàng chăng nữa. Nhưng giết được Tần Thủy Hoàng, rồi cũng không giải quyết được gì cả, một khi còn những kẻ sẽ nổi tiếp Tần Thủy Hoàng.

Kinh Kha.— Ta dám hỏi người, ai sẽ là kẻ nối tiếp Tần Thủy Hoàng?

Tráng sĩ (vẫn thân nhiên).— Ai sẽ là kẻ nối tiếp Tần Thủy Hoàng ư? Bất cứ kẻ nào tự xem mình là có quyền thế để áp bức người. Bất cứ kẻ nào nghĩ

đến mình nhiều hơn nghĩ đến thiên hạ, làm việc cho mình chứ không phải cho thiên hạ, thì kẻ ấy có thể là Tần Thủy Hoàng.

Này, tráng sĩ Kinh Kha! Đừng giận tôi nhé! Tráng sĩ có thể là Tần Thủy Hoàng lắm! A! Tráng sĩ đừng nhìn tôi bằng cặp mắt kinh ngạc chứ! Tráng sĩ đừng giận chứ. Nếu tôi nói không đúng thì gươm đây, tráng sĩ hãy dùng để giết tôi đi.

(*Tráng sĩ rút gươm của mình đưa cho Kinh Kha, nhưng Kinh Kha đưa tay cản nên lại tra vào vỏ.*)

Kinh Kha.— (vỗ vào ngực) Kẻ này có thể là Tần Thủy Hoàng ư? Vì sao người lại bảo thế? Kha này đâu có màn phủ quý vinh hoa? Người hãy hỏi mọi người xem.

Thái tử Đan.— (*giận dữ*) Người là ai mà cuồng điên đến thế! Người là ma hay là quỷ hiện lên để phá hại việc làm của ta. Hãy đi đi! Rời khỏi chốn này ngay đi!

Tráng sĩ.— (*cười lớn*) Trong lúc các người không chịu tìm thấy lẽ phải lại bảo kẻ đã tìm thấy lẽ phải là ma là quỷ. Thật buồn cười.

Còn Kinh Kha, vì sao ta bảo tráng sĩ là Tần Thủy Hoàng. Chính vì tráng sĩ là một kẻ thích hưởng thụ và thỏa mãn riêng mình. Sung sướng gì mà tráng sĩ cầm lấy nén vàng của Thái tử Đan để thay hòn gạch mà ném con rùa.

Sung sướng gì trong lúc thiên hạ khóc than, cuộc sống trăm bề cực khổ, dày dọ, áp bức của bạo Tần mà tráng sĩ đòi ăn gan ngựa. Tráng sĩ có còn nhớ, tráng sĩ đã làm đổ máu một người vô tội trong lúc tráng sĩ chưa đặt chân lên đất Tần, chưa làm gì ích cho thiên hạ, muốn dân vui sướng cả.

Kinh Kha.— (*ngẫm nghĩ qua một phút*) A! Người muốn nói đến cái chết của Phàn Ô-Kỳ chăng? Phàn quân chính tự ý muốn chết. Phàn quân đã tự dùng cái chết của mình với một hy vọng có thể giết được Tần Thủy Hoàng mà!

Tráng sĩ.— Không, Phàn Ô-Kỳ chết là tự ý của Phàn Ô-Kỳ. Ta muốn nói đến cái chết của một người khác, của Yên-Cơ.

(*nghe nói đến Yên-Cơ, Thái tử Đan vội lên tiếng*)

Thái tử Đan.— Cái chết của Yên-Cơ chẳng phải vì tráng sĩ Kinh Kha. (vỗ ngực) Mà chính là ta.

Tráng sĩ.— Chính vì Kinh Kha. Kinh Kha thích hưởng thụ mà Yên Cơ đã chết. Kinh Kha đã khen đôi bàn tay của Yên Cơ đẹp nên Thái tử mới chặt để tặng cho chàng. Kinh Kha đã đòi hưởng thụ rất nhiều. Những kẻ nào tự cho mình cái quyền hưởng thụ hơn người một cách vô lý, vô nghĩa, thì kẻ ấy chẳng khác gì Tần thủy Hoàng.

Trong lúc Kinh Kha chưa trừ được tên bạo chúa Tần thủy Hoàng, trong lúc Thái tử Đan chưa cầm đầu một xứ nào mà một Yên Cơ đã phải bị giết để thỏa mãn sự thích hưởng thụ của một người. Nếu một ngày nào đó, Thái tử Đan và Kinh Kha cầm đầu được thiên hạ như Tần thủy Hoàng thì còn biết bao nhiêu nàng Yên Cơ sẽ phải chết để làm thỏa mãn cho một số người. Những lời tôi nói, Thái tử và Tráng sĩ Kinh Kha nghĩ thế nào? Có đúng chăng?

(*Lần này Thái tử Đan và Kinh Kha chỉ thờ dài mà chẳng buồn đáp*)

Lại lời nào. Mọi người cũng đều lặng im như để suy nghĩ, bỗng một quân sĩ đến quỳ trước ba người).

Quân sĩ.— Tàu Thái tử và Tráng sĩ Kinh Kha, đã đến giờ nhập Tản. Vậy xin tráng sĩ lên đường cho kịp.

(Như nhớ lại việc sắp thi hành, Kinh Kha vội nghiêng mình chào từ giã Thái tử Đan và tráng sĩ.)

Kinh Kha.— Giờ đã khỏi điểm, Kha này xin chào Thái tử và tráng sĩ. Vĩnh biệt mọi người!

(Tráng sĩ nghiêng mình đáp lễ lại và nhìn theo Kinh Kha cùng Thái tử Đan đang từ từ tiến nhau xuống thuyền, rồi nhảy lên yên ngựa ra đi, mà không nói thêm một lời nào nữa. Thái tử Đan lặng lẽ tiễn Kinh Kha xuống thuyền, lúc này tiếng chiêng và trống bắt đầu nổi hiệu cuộc lễ tiễn đưa Kinh Kha, Thái tử Đan ra hiệu cho thuyền nhỏ neo rồi đưa tay vẫy chào Kinh Kha).

Thái tử Đan.— Xin chào tráng sĩ Kinh Kha và chúc tráng sĩ thành công.

(Con thuyền đưa Kinh Kha từ từ ra khơi, Thái tử Đan và mọi người đều nhìn theo ra giòng sông cho đến khi thuyền Kinh Kha khuất dạng, chỉ còn lại tiếng sóng vỗ bờ của con sông Dịch và tiếng trúc tiêu điếu của Cao-Tiệm-Ly).

(Hiền Vương, trọng xuân 60)

— 78/2 —



GIẤC MƠ ĐỜI

Mười năm sự tỉnh giấc mơ đời
 Ngọn gió thu về mưa lại rơi
 Đã biết nhân sinh là ảo mộng
 Cánh bướm phiêu bạt vẫn chơi vơi



Đêm hơi về đâu trường bất tận
 Cho lòng ta lạnh buốt Hư Vô
 Heo may xào xạc, mưa hiu quạnh
 Nửa kiếp thương đời lưng túi thơ.



Sự nghiệp gì đây? gọi thể gian
 Năm canh thao thức bóng hoa đèn
 Thoắt mười năm đó, ôi! tâm sự
 Trở gót giang hồ, lệ úa hoen.

ĐAN-THANH



★ DANH NGÔN

Một cuốn sách tốt, là một cuộc xô số, mà số độc đắc luôn luôn có trong óc người đọc.

G. TRUC

Nền tảng Quốc văn

Đ Ờ I

T Â Y - S ƠN

KH I nhắc đến ba anh em áo vải nhà TÂY SƠN, chúng tôi cũng không quên nhắc đến vua QUANG - TRUNG. Thiết tưởng chúng tôi không cần phải nhắc lại một trang sử oai hùng chưa từng có trong lịch sử Việt Nam. Một vị «anh hùng cái thế» về chính trị cũng như về quân sự, Ngài xứng đáng là một bậc vĩ nhân của thế hệ hậu tiến.

Ngược lại, đương thời kẻ chiến thắng thường xóa nhòa tên tuổi của bậc vĩ nhân nhà TÂY SƠN: — Vua Quang Trung NGUYỄN HUỆ. — Như đào mã, tán xương, tru di giống nòi, vất đi niên hiệu CẢNH - THỊNH trên chuông

đồng và tờ nhan ngoài bộ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ khắc đời TÂY SƠN cũng bị đục bỏ, xóa đi cho tuyệt dấu tích.

Hẳn chúng ta thừa hiểu sự nghiệp nhà TÂY SƠN vươn lên một địa vị quan trọng trên trang sử oai hùng của dân tộc; một phần lớn nhờ bàn tay vua Quang Trung Nguyễn-Huệ. Dĩ nhiên trước một triều đại về Xã hội, Quân sự, Kinh tế, được tổ chức hẳn hoi, hoàn bị, thì tất về văn học không có một cái gì đáng chú ý, đáng tưởng nhớ, đáng biết ơn ư? Tôi xin ghi lại đây một vài

★ HOA-THỊNH-LINH

ĐỜI TÂY SƠN

nét «quốc văn đời Tây-Sơn» để quý vị độc giả cùng thưởng thức và nhận lấy cái công của người xưa mà khâm niệm muôn đời.

SỰ BỘC PHÁT QUỐC VĂN ĐỜI TÂY-SƠN

Vào thế kỷ thứ 17, Việt Nam đã biến thành một giải đất chia đôi, Bắc, Nam nhìn nhau qua lệ cầu muôn thuở: Đàng ngoài chúa Trịnh Tùng (1570 — 1620) vin vào nhà Lê để cát cứ cai trị, Đàng trong chúa Nguyễn Hoàng (1600—1613) cũng lo hùng cứ một phương, mở mang bờ cõi và nuôi mộng hoàn thành lãnh thổ dưới một màu cờ phấp phới độc lập.

Mãi đến cuối thế kỷ thứ 18; năm Kỷ-sửu 1769 trở đi, Đàng ngoài cũng như Đàng trong đều nằm trong hoàn cảnh rối ren, nào đói kém vì nạn thất mùa, mà thuế má mỗi ngày một tăng. Nhân-dân điêu đứng lâm-than. Tình trạng quốc gia lại càng trầm trọng, quẩn bách.

Trước một triều đại như thế, tất cả niềm trông vọng, tin tưởng từ lâu hầu đã xóa nhòa trong lòng người dân. Chỉ còn chờ cơ hội mà bộc phát, lật đổ một chế độ hự mục để lập lại một triều đại

mới hoàn bị sung sướng hơn.

Anh em áo vải đất Tây Sơn: Nguyễn - Nhạc, Nguyễn - Huệ, Nguyễn Lữ nắm được cơ hội, phất ngọn cờ đảo để chiêu binh dụng võ nổi lên từ năm Tân-mão 1771, mở cuộc cách mệnh lấy đấm bình dân nghèo nàn làm lợi khí để chiến thắng.

Sau khi đã hoàn thành được kế hoạch và một phần đất rộng lớn, uy quyền tiếng tăm lừng lẫy, thì Nguyễn Nhạc tự xưng là Hoàng đế tại Qui Nhơn (Năm Mậu Tuất 1778) lấy niên hiệu là Thái Đức và em thứ là Nguyễn Huệ ở phía Bắc tức là Bắc bình Vương Nguyễn Huệ, ở Nam là Đông định Vương Nguyễn Lữ.

Bất cứ một thời đại nào, khi có một cuộc cách mạng bùng nổ, hay nước nhà bị lâm nguy; «quốc gia hữu loạn, thất phu hữu trách», mọi người dân dù là trí thức hay bình dân đều phải có một nhiệm vụ bảo vệ giang sơn, giành lại quyền lợi cá nhân nói riêng, quyền lợi dân tộc nói chung. Nhất là giới trí thức nho sĩ lúc bấy giờ không cần phải đòi mài kinh sử, mượn khoa bảng để xuất thân. Chỉ cần có võ nghệ và sức mạnh là có thể vinh quy được.

Cho nên hầu hết từ nhà vua (anh em Tây-Sơn) đến tướng quân đều là những tay siêu tài võ nghệ. Nên lúc bấy giờ Hán văn đối với họ chỉ là môn học tầm thường, không sát với thực tế nữa. Bởi thế, quốc văn là một môn học thiết thực nhất đối với nhu cầu của thời cuộc; đồng thời là một sở năng cá nhân để thúc đẩy một triều đại mới khá mạnh mẽ. Quốc văn sẽ đóng một vai trò quan trọng vậy.

Một điều chứng minh cụ thể Bắc-bình Vương Nguyễn Huệ viết tờ chiếu gửi cho La Sơn phu tử Nguyễn Thiệp. Tờ chiếu viết bằng chữ nôm (quốc văn), mà nơi đây tôi chỉ trích một đoạn sau đây :

“ Chiếu truyền La Sơn phu tử Nguyễn Thiệp khâm tri :

Ngày trước ủy cho phu tử về Nghệ an tướng địa làm đô cho kịp kỳ này hồi ngự. Sao về tới đó chưa thấy dựng việc nhỉ ? Nên hãy giá hồi Phú Xuân kinh-hưu tức sĩ tốt (đại khái như vậy) chiếu truyền cho thầy La Sơn phu tử Nguyễn Thiệp biết : ngày trước giao thầy về Nghệ an xem đất làm kinh đô cho kịp kỳ này về ngự. Sao bây giờ chưa thấy hoàn thành ? Nên ta đành về

Phú Xuân ở để cho quân lính, ngôi-nghì) (1)

Bắt đầu từ đó quốc văn sẽ tuân tự áp dụng vào công việc hiệu triệu tướng suý, viết chiếu chỉ, trong việc tế lễ, trong quân sự, trong dân chúng.

HIỆU - TRIỆU TƯỚNG-SÚY

Đến năm Giáp dần 1794, nhân vua Cảnh Thịnh còn nhỏ, không đủ sức lo việc nước, lại gặp buổi quốc - biến. Nên các tướng sĩ lúc bấy giờ thường hiềm - khích tranh - giành nhau miếng đỉnh - chung : Quận - công Trần-quang-Diệu nghe tin Quận-công Vũ-văn-Dũng làm rối loạn triều đình, bắt giam Ngô - văn-Sở, uy giết cha con Bùi - đắc-Tuyên; Quận-Diệu bèn đem quân về đóng phía Nam Sông-Hương uy-hiếp Quận-Công Dũng.

Vua Cảnh-Thịnh sai người để chiếu khuyến - giải đôi bên :

Đoạn đầu : “ Chiếu thiếu-phó Diệu Quận-công Trần - quang-Diệu, tư đồ Dũng Quận - công Vũ-văn-Dũng khâm-tri :

Nhị khanh là huân - cựu đại hân, quốc-gia trụ thạch, người thì phụng-tuân cố mệnh, bảo dực-trẫm-cung; người thì chuyên chế-

Bắc-thành, binh hàn vương thất, trăm vốn lấy làm cớ quăng tâm lữ, dài-dĩ chi-thành. (2) nghĩa là chiếu cho hai Quận - công Trần-quang - Diệu và Vũ - văn-Dũng biết :

Hai người là bậc đại-thần cố-cựu và có nhiều công với triều chính, chẳng khác nào hai người là trụ-cột nâng - đỡ cái cầu của nhà vua vậy; Quang - Diệu còn nhớ khi vua Quang-Trung băng-hà có dặn người phải lo hợp cùng tướng sĩ lại mà giúp đỡ Thái-tử. Để khỏi phụ lời trăn-trối của vua Quang-Trung trước khi chết còn dặn-dò mà gìn-giữ sự-nghiệp của ta; còn Vũ-văn-Dũng lo gìn-giữ Thăng-long là một bức thành kiên-cố để giữ-vững cho nhà vua. Ta xem hai người là huyết-mạch của ta mà thành-thật đối đãi vậy). Và đoạn cuối : “ Khanh - đảng đã thực lòng ái-quốc thì ta giữ đạo tôn thân, thể lòng trẫm suy thành đãi-ngộ, sớm nên thích kỳ hiềm nghi, quy - uiều tạ quá mà hãy phu-trần sự lý. Như việc binh-nhung nên khu-xử những làm sao, trong quan - liêu nên tiến thoái những làm sao, cùng triều - thần thượng - nghị rồi thì tính - chỉ phụng hành, ngõ cho thượng hạ

tình thông, thứ sự tự - tự, để giúp nhà nước chung cơn này, phương-ngưỡng phó-Tiên-hoàng để chi di thác, bắt phụ trẫm cung chi ý tỷ đã.

Phụ bổ trung khúc, bắt tích phiến ngôn. Nhị khanh kỳ thực tự chi.

Khâm tai ! Đặc chiếu ”. (3)

(Khanh đã thực lòng yêu nước thì phải giữ lòng thành mà đối xử, chứ đừng lấy nghi ngờ mà hiềm khích, hãy tỏ bày lý do mọi việc; trong quân sự có việc gì nên xếp đặt; trong quan lại có ai nên bỏ, có ai nên dùng, nên tâu bày với quần thần trong triều rồi xin vua chiếu chỉ xuống mà làm theo, như thế thì trên dưới mới thuận hòa thông cảm, vậy mới làm vừa lòng Tiên hoàng đế (vua Quang-Trung) trước khi về chín tuổi còn ngoài lại dặn dò, phó thác, và lại không phụ lòng tin cậy của ta.

Các khanh hãy phô bày giải tỏ, đừng để ta phải khuyến nhiều lời. Và nên nghĩ kỹ nhá.

1, 2, 3. — Theo tài liệu của Sơn Tùng Hoàng thục Trâm trong quốc văn đời Tây Sơn trang 26..., 30, 31...

(Hãy tuân theo đặc chiếu này)

TRONG VIỆC TẾ LỄ

Theo trên, chúng ta cũng đã biết quốc-văn đã đóng một vai trò trọng hệ như thế nào rồi. Quốc văn lúc bấy giờ cứ theo đà ấy mà tiến lên mãi tuần tự : tế điện, tế điệu cũng đều làm bằng quốc âm cả. Nhưng phần nhiều là do DU-AM Phan-huy-ích, một vị nho thần đồ tiến-sĩ có công trạng nhiều với nhà Tây-Sơn thảo ra cả. Nay xin trích một đoạn trong bài "Kỷ-mùi đông nghĩ-Ngự-điện Vũ-hoàng-Hậu tang, quốc âm văn" (vào trung-đông tháng 11 năm Kỷ-mùi 1799) :

Than ôi !

Nguyệt in phách quế, mái trường thu (1) vừa giải về lâu-lâu. Sương ủ hồn hoa miền thượng-uyên (2) chợt phai ? mùi thoang-thoảng (3).

Nẻo chân-du (4) quanh-quế biết đâu tìm ! Niềm vĩnh mộ (5) băng-khuảng hăng trạnh tường !

Giọt ngân phách (6) câu nên (7) về quý, duyên hảo-cầu (8) thêm giúp mối tu-tề (9) khúc Thư-châu (10) thời (?) sánh tiếng hòa, khuôn nội tắc (11) đã gây nên nhân-nhượng (12).

(1) Tên một cung, chỗ ở của hoàng-hậu. Sau dùng để chỉ hoàng-hậu : nói lập cung trường thu cũng như nói lập hoàng-hậu.

(2) Vườn hoa nhà vua.

(3) Hai vế này ý nói : bà Ngọc-Hân được lập làm hoàng-hậu mới ít lâu, đang rực-rỡ như vầng trăng vằng-vặc, thì đóa thiên hương bỗng tàn-tạ (chết), làm cho vườn ngự mất thơm !

(4) Chỗ đến chơi thật, chỉ chỗ người chết đến ở.

(5) Tâm lòng triều mến lâu dài mãi-mãi.

(6) Giọt nước ở sông nhà trời, ý nói bà Ngọc-Hân là dòng giống nhà vua họ Lê.

(7) Cũng như « gây nên »

(8) Chữ trong thơ quân thư, ở kinh thi : cái duyên thực nữ sánh đôi với quân tử thật là đẹp đẽ.

(9) Tu thân và tề gia. Ý nói Vũ hoàng hậu giúp Vũ hoàng Đế trong việc nội trị.

(10) Khúc hát « chim quan thư ở bãi sông » tức là thơ Quan thư ở đầu thiên Quốc Phong trong kinh Thi tả nỗi vui hòa mà có riêng biệt.

(11) Khuôn mực người đàn bà theo đúng lễ nghi và đức hạnh như đã nói trong thiên Nội tắc ở kinh Lễ.

(12) Một người có nhân làm cho cả nước lấy lòng nhân, một người biết nhường làm cho cả nước có lòng nhường.

(Tất cả chú thích của Sơn Tùng HOÀNG THỨC TRÂM)

TRONG QUÂN SỰ

Nguyễn Huệ kéo quân ra đánh Bắc Hà cốt diệt họ Trịnh. Ngài sai Nguyễn hữu Chinh thảo một bài hạch kể tội họ Trịnh dưới danh nghĩa « thanh tội, tri thảo, diệt Trịnh, phò Lê ». Bài hạch viết theo lối văn biền ngẫu, trong có những vế : « Và, bây giờ thần nịnh chúa hôn, gương bình trị lòng trên ắt muôn ; lại gặp hội binh kiêu dân oán, sửa kỷ-cương tài cả phải ra. (1)

Và sau khi thành Qui-nhon bị thất-thủ (1799) do quân Nguyễn-Ánh chiếm giữ và làm bàn đạp để tiến dần theo lối tầm thực (vết đầu loang). Nhưng chẳng may đến ngày mồng hai tết năm Canh-thân (1800) quân-công Trần-quang-Diệu chiếm được toàn thành — Võ-Tánh và Ngô-tùng-Chu cũng hủy mình theo thành để giữ tròn tiết trung quân.

Trước sự tấn công toàn thắng ấy vua Cảnh-Thịnh bèn sai Phan-huy-ích thảo bài hiệu văn bằng chữ nôm đại-cương khen tặng quân-Diệu, đồng-thời an-ủi võ-vệ quân lính và dân chúng đương thời. Bài này cũng viết theo lối văn biền-ngẫu, lời lẽ chân thành thống thiết. Mà nơi đây chúng tôi

tạm trích ra đây một đoạn ngắn để quý-vị cùng chung ngắm-nghĩ :

« Nhất hiền Qui-Nhon phủ : quan, quân, dân-thứ đẳng-tri :

Tướng văn quyền chế ngoại, dẹp lửa binh mà trợ lấy dân lành. — Người sẵn tính giáng trung, cõi lưới ngược lại noi về đường thuận.

Mấy lời cặn kẽ, — Đồi chốn sum-vầy.

Quý phu ta : cội gốc nền vương. — Rượu phen nhà nước.

Miền thang mộc vốn đúc non gây (?) bề, mở-mang bờ-cối bởi từ đây. — Hội phong-vân từng điều phượng vin rồng, ghi tạc thể quyền dành-dối đề.

Dấu cờ nghĩa đã sáng công diệt-vận, — Buổi xe nhung thêm đông sức cần vương.

Mấy phen gió bụi nhọc con đồng, giúp oai-vô cũng đều nhờ đất cũ, — Ba huyện đá vàng bền tất dạ cãm cừ thù chi đề đội trời chung. (2)

TRONG DÂN CHÚNG

Bất cứ một thế-hệ, một thời-đại nào cũng thế ; khi còn là một

(1) (2) Trích theo tài liệu của Sơn Tùng Hoàng Trâm trong quốc văn đời Tây-Sơn.

kẻ chiến thắng có một cơ đồ vinh-hiền, quyền to, chức lớn thì thế-gian họ luôn luôn dùm-bộc tất cả dù có điều gì xấu hay tốt. Nhưng đến khi thành kẻ chiến bại, tất cả cơ-đồ bị sụp-đổ; họ lại chẳng bơi móc tìm ra những điều còn con để làm trò chế rếu?

Cơ-nghiệp nhà Tây-Sơn sau khi đã sụp đổ — Nhân-dân phần đông lúc bấy giờ đương có kẻ chiến thắng cầm đầu (Nguyễn-Ánh) xúi giục nên họ luôn luôn tìm cách mỗ xé những điều xấu xa, dù là điều không đáng nói họ cũng đem ra mạt sát. Vốn vua QUANG TRUNG (Nguyễn Huệ) băng hà, nhường ngôi lại cho con lấy hiệu là Cảnh Thịnh.

Chữ QUANG theo tiếng Hán có chữ tiêu là nhỏ ở trên đầu (1). Chữ Cảnh có chữ tiêu ở dưới cùng (2). Nên họ lấy đó làm trò cười, thật chán chường cho thế sự:

Và:

« Đầu cha lấy làm chân con,
Mười bốn năm tròn hết số thì
thời. »

« Cha nhỏ đầu con nhỏ chân,
Đến năm Nhâm Tuất thì thân
chẳng còn ».

Trong lúc anh em Tây-Sơn đầy binh đánh loạn thần Trương-

phúc-Loan. Biết đó là một điều bất ngờ sợ tiếng tăm bìa miệng là kẻ loạn thần. Nên đón lập Hoàng-Tôn họ Nguyễn là Nguyễn-phúc-Dương để làm tin cho dân chúng, và đề kêu gọi quân sĩ; mỗi khi quân Tây Sơn kéo đến đâu, thường la ó rầm-rộ đề kêu gọi thêm quân đồng thời tin cho dân chúng biết có kẻ anh hùng đứng ra lập lại một triều-dại mới nên dân chúng lúc bấy giờ có câu đề phân biệt quân của quốc phó Trương Phúc Loan, và quân Hoàng-Tôn:

« Binh Triều, binh quốc phó,
binh ó, binh Hoàng Tôn »

Khi anh em Tây Sơn nắm được binh hùng (1771) toàn thắng ở trong tay. Nguyễn-Nhạc xưng vương là THÁI ĐỨC (1778) mở cuộc chiến-dịch chống lại chúa Nguyễn còn lại ở trong Nam, quân Trịnh ở Bắc. Nên đồng-viên số đông dân chúng trong miền mình kiểm soát để có một quân-

(1) và (2) Xin quý vị độc giả
hiều cho. Vì trong việc án loát
chữ Hán rất khó khăn. Mong
quý vị biết chữ Hán hãy viết ra
chữ QUANG và chữ CẢNH
(tức là vua Quang Trung và vua
Cảnh Thịnh) rồi sẽ thấy.

lực đầy đủ hầu chống nổi với tình thế.

Trong mọi gia-đình quân nhân ấy, làm sao tránh được nỗi biệt ly? Nhất là người vợ góa chiếc chăn đơn làm sao khỏi bịn-rịn nhớ thương khi tiễn chồng ra ngoài trận địa; lòng chinh phụ nào lại chẳng đoái trông, buồn sầu tê-tái? Mắt nào lại chẳng hoen đôi giòng lệ? Khi thấy chồng phải treo qua núi Cù-mông (ở Qui-Nhon) với bao khó nhọc. Rồi dần dần khuất bóng sau những rặng cây già xanh ngắt, người chinh phụ ngùi trông thương tiếc rồi buông lời than thở, khóc mong. Nên bấy giờ có câu:

« Tiếng ai than khóc nỉ-non
Là vợ chú linh treo hòn Cù
mông »

Nhân bạn của Ngô thời Nhậm là Nguyễn thị Thấu (con của Nguyễn Thế) đã từng làm quân sư cho Lê duy Chút và Lê duy Mật để chống lại họ Trịnh. Nhưng công cuộc bất thành nên trở về ở ẩn. Nghe tin vua Lê gả con gái (Ngọc Hân công chúa) cho Nguyễn Huệ bèn cho đó là vì vua Lê ham địa vị mà gả ép công chúa, nên trong bài « Kỹ thuật thời sự » có mấy câu pha rếu:

« Ngựa thồ thay mối xích thần
Ông Tơ bà Nguyệt dẫu giăng
chăng ra !

Một ngày một vắng quê nhà,
Sáng từng từng nhớ, tối tà tà
trông... »

Đương thời cũng có câu, ám-chỉ sự bất nhân, bất nghĩa của Nguyễn hữu Chính đối với vua Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ đưa Chính qua khỏi sông Gianh (Bắc-Hà) và giao quyền, phó đất Bắc-cho Chính, đó là một điều ân-nghĩa, mà ngược lại Chính còn hống hách chiêu binh chống lại Nguyễn Huệ:

« Ai đem con sáo qua sông ?
Nên chi con sáo (Chính) sỏ lồng-
sáo bay ! »

KẾT LUẬN

Ngần ấy, chúng ta đủ biết quốc văn dưới thời Tây Sơn, phần thịnh như thế nào rồi! Ngoài ra chúng ta còn thấy biết bao nhiêu thi-sĩ có khuynh hướng văn-học rõ rệt mà thơ văn của họ vẫn còn truyền tụng đến ngày nay về giá trị văn chương không phải là điều không chú ý. Như nữ-thi sĩ Hồ xuân Hương một thi-hào bất hủ của nước ta về lối thơ hai nghĩa, lối thơ tả chân ẩn tục. Một công chúa Ngọc Hân trữ-tình trong « Ai Tư Vãng »; một Nguyễn-hữu-Chính phê bình nhân vật lịch sử như bài « Trương Lưu hầu phú »; một Nguyễn huy Lượng miêu tả cảnh vật như bài « Tung Tây Hồ phú » và một Phan huy

Ích có tác dụng khuynh hướng thời đại vì phần nhiều Ông viết những bài không ngoài tính cách giúp ích cho triều đình lúc bấy giờ. Còn ngoài phạm vi này tôi xin nhường lại cho những nhà phê bình văn học nói một cách đầy đủ hơn.

Như thế chúng ta có thể xác nhận quốc văn dưới đời Tây Sơn mà Nguyễn Huệ không khác nào như một anh thợ nề xây một tòa lâu văn học. Trước tiên, muốn có hình thức tráng lệ, cần phải có nền vững chắc để chống đỡ cái tòa lâu đài ấy được trường tồn với vũ trụ.

Tuy nhiên, chúng ta cũng không quên người thợ nề muốn xây đắp một cái nền vững chắc, trước tiên cũng cần phải đào hào xây kiềng mới có thể làm nền được. Ai đã xây cái vòng kiềng ấy?

Muốn biết, chúng ta phải đi ngược lại dòng lịch sử trước đời Tây Sơn tức là cuối nhà Lê vậy.

Văn chương lúc bấy giờ ta có thể nói thuần túy nhất ở Việt Nam là ca dao tục-ngữ phối thai từ đời Hàn Thuyên và đời Trần (1225-1293) rồi thịnh hành mãi đến các đời sau này còn rải rác một vài tác phẩm hay dịch phẩm bằng tiếng Việt. Đến đời

Lê trung Hưng (1592 - 1789) Quốc văn đã bắt đầu khơi sắc được đôi chút như : Đàng trong Đào Duy Từ có bài « Ngọa long cương », Nguyễn cư Trinh có « Sãi Vãi ». Đàng ngoài có dịch phẩm « Chinh phụ ngâm khúc » (vào tiền bán thế kỷ thứ XVIII) v.v...

Do đó, ta có thể kết luận : Quốc văn đời Tây Sơn là một cái nền vững chắc để xây tòa lâu đài tráng lệ cho văn học nước nhà. Bởi vậy sau này kế tiếp nhà Nguyễn mới có Tiên Điền Nguyễn Du với tác phẩm « Kim vân Kiều truyện » bất hủ của nước ta vậy. Nhà Tây-Sơn với một thời-gian trị-vì quá ngắn ngủi nên quốc - văn dưới đời Tây-Sơn chỉ là một nền tảng làm bàn đạp cho thế-hệ hậu tiến vậy.

Trước cái lịch-trình tiếng mẹ như thế vào cái trạng huống của xã-hội còn ô-hợp. Huống chi giờ đây nước nhà vinh - quang dưới màu cờ pháp - phối độc-lập tự-do và dân - chủ có thể tạm đủ phương-tiện đề hưng-dúc « Tiếng Mẹ » của chúng ta ngày càng cao và rộng mãi mãi...— Tôi ước ao làm sao còn sống mãi với vũ-trụ và thời-gian để nhìn thấy cái tiền-đồ cao-viên của văn - học nước nhà.

CHA TÔI

Ô. PHAN - KHÔI

(tiếp theo P. T. số 29)

★ PHAN THỊ MỸ-KHANH

Trong những ngày lui về ở quê nhà, cuộc đời của Thầy tôi phẳng lặng như dòng sông nhỏ, trầm buồn như tiếng ro ro khi người kéo một hơi thước phiến. Nếu lâu lâu không xảy những vụ ghen tương nhỏ nhỏ giữa mẹ tôi và dì tôi, thì quả là Thầy tôi chẳng bận tâm đến việc vợ con chút nào. Sáng ra, Thầy tôi dậy muộn, ít khi dùng điem tằm. Rồi người nằm bên bàn đèn, làm bạn với nàng Tiên mãi cho đến bữa cơm trưa. Buổi chiều, người nằm xem sách — bao giờ cũng nằm mà xem — những quyển sách chữ nho chữ nhỏ li ti dày khít hàng. Gần tối, môi mắt, người đi dạo ra vườn săn sóc vài cây mới trồng hay một chậu hoa vừa ra nụ. Thầy tôi không sành chơi hoa trồng kiềng nhưng cũng thích tìm một vài giống hoa lạ. Năm ở Huế về,

Thầy tôi đem về hoa quỳnh và hoa phong lan. Cây quỳnh trồng bằng một cái lá và hoa thì lại nứt ở chỗ nách lá, khởi đầu bằng một cái cuộn thông xuống rồi lớn dần cho đến lúc nở. Hoa nở về đêm màu trắng nuốt, mùi hương tỏa xa ngậy ngất nhưng chỉ trong một giờ là tàn. Người phong lưu thường đặt dạ tiệc để mời khách xem quỳnh nở. Hoa phong lan không trồng dưới đất, hình nó gồm một mớ giầy, rễ, lá cuộn tròn và treo lên cao (giàn thiên lý, giàn hoa trước cửa v. v...). Hoa phong lan trắng, nhỏ và thơm nhẹ nhàng.

Ban đêm, Thầy tôi thức khuya lắm, có khi đến ba, bốn giờ sáng. Bên ngọn đèn hút nhỏ bé, lù mù, Thầy tôi chăm chú xem sách không biết mệt. Thầy tôi thức khuya, đến nỗi thời thơ ấu tôi

« có cái tư tưởng ý lại này : Thầy tôi mà ở nhà là không bao giờ có kẻ trộm vào được, ngủ cứ tự do bỏ ngõ các cửa. Mà dù cả nhà còn thức, bao giờ Thầy tôi cũng chỉ có một mình, nếu thêm một đứa con đứng hay ngồi tiếp chuyện, bao giờ cũng chỉ là tôi. Vì hình như đối với các anh chị lớn hơn tôi, sự lạnh lùng cách biệt giữa cha con đã thành thói quen từ lâu. Tôi thấy sự đó ít xảy ra trong các gia đình khác. Thầy tôi từ lâu nhận biết và tỏ rõ nỗi bực mình nhưng tình trạng không bao giờ thay đổi. Có nhiều đêm mẹ con quây quần vui vẻ ở nhà ngáng, trong khi Thầy tôi một mình bạn với khay đèn chơi với giữa ngôi nhà rộng lớn và vắng lặng. Mẹ chúng tôi vốn hiền từ, dễ dãi và khoan hồng nên bao giờ câu chuyện của chúng tôi cũng được tự do mà nở như bắp rang, chuyện tào lao gồm đủ loại, nói tóm lại chuyện của tuổi trẻ ! (cổ nhiên là không mất giáo dục). Đến một đoạn thích thú, chúng tôi lại phá lên cười. Tiếng cười vang lộng vào tai Thầy tôi. Người cất tiếng : « Tám ơi, chuyện chi mà cười dữ rứa, lên nói lại cho Thầy nghe thử coi ! » Mặc dầu người cố lấy giọng dịu dàng, mọi tiếng cười im bật. Khó quá, biết làm sao, chuyện bằng quơ của ba đứa trẻ ranh mà kể lại cho người nghe sao được. Chị tôi đẩy tôi đi : « Mau lên, lên thưa lại với Thầy. Không thì bị

la cả bọn chừ ! » Bao giờ cũng đây tôi, vì con Tám, em tôi nó chưa biết trả lời ; mấy chị tôi bao giờ cũng cứ chuẩn với đây là giới. Chị Tư tôi hay dỗ tôi : « Thầy không la em đâu ». Giá hỏi đó tôi đủ lý luận thì tôi đã chất vấn các chị tôi về các khoản đó rồi. Tôi bèn rón rén bước lên, sửa cái bộ mặt tỉnh táo mà hỏi lại : « Dạ. Thầy kêu con ? ». Người lặp lại câu hỏi khi này. Tôi vội vàng thưa : « Dạ, có chi đâu mà vui. » Tức thì người nổi trận lôi đình, đập tay trên ván : « Không có sao được ! Thiệt tao tức quá, mới nghe cười đó mà ! » Rồi người lại hạ giọng xuống, ôn tồn và nhỏ nhẹ hơn : « Bạn sau đừng có rứa nữa nghe con ! » Thế là tôi phải ngồi luôn bên cạnh Thầy tôi mà bầu bạn cho đến lúc đôi mắt mỗi dần và ngáp dài ngáp ngắn...

Lâu lâu lại tái diễn cái tấn tuồng ấy mà lần nào tôi cũng làm kẻ ngoại giao cho mấy chị tôi.

Thầy tôi không có óc mê tin dị đoan mà trái lại còn ghét cơ ghét cực khoa này. Có lần Mẹ tôi tin một ông thầy du phương cho dán mấy lá bùa hộ mệnh, cậu tài gì trong nhà không biết. Thầy tôi về thấy, bắt gỡ hết quăng đi. Một ông sui gia với Thầy tôi cũng thạo về khoa cúng quây ấy. Thầy tôi thường nói : « Ông giỏi ếm trừ,

sao không làm cho nhà ông giàu đi ? »

Phần đông người làng đều « chịu » cho tình khó chịu của Thầy tôi. Bởi thế rất ít khách đến chơi, chỉ thỉnh thoảng gặp kỳ tế lễ đôi ông đến bàn việc làng xã, họ đương. Các ông đến gặp gặp thầy tôi là... một sự cực chẳng đã, thầy tôi tỉnh nói thẳng, mà các ông phần nhiều thuộc về phái xói thịt, dính dạm phức tạp lắm.

Năm tôi mới độ lên mười, ông Thượng Trác (ông NGUYỄN BẢ TRÁC) có vào chơi với Thầy tôi tại Bảo An vài lần. Lần nào ông cũng ở nói chuyện một ngày một đêm rồi mới về. Tôi còn bé, không hiểu hai ông thế nào, có tương đắc với nhau không, chỉ thấy câu chuyện ôn tồn, hòa thuận, không cãi lý và giận giữ. Nhưng khi khách về rồi, Thầy tôi chép miệng, nói một mình : — « Chán quá cho cái ông Trác, nói toàn chuyện quan trường ! » Thế là tôi mang máng hiểu rằng ông Trác không phải là bạn tâm giao của Thầy tôi vậy.

Trong làng có ông Tú, người cùng họ, gọi Thầy tôi bằng anh, thỉnh thoảng có việc cần cũng đến nhà tôi. Cái ông kể cũng gan. Không bao giờ ông chịu ngồi mà nói chuyện, chỉ vòng tay đứng suốt câu chuyện rồi về. Có lần Thầy tôi phải đập

manh tay trên vai, hét : « Mọi chú ngồi ! Tôi mời chú ngồi ! » Mà, lạ thay ông Tú vẫn giữ mãi « đập. trường của ông. Kể ra, số người không vừa ý Thầy tôi cũng nhiều, không vì điểm này cũng vì điểm nọ. Nhưng cái điểm mà Thầy tôi hay « chỉnh » nhất là vấn phạm trong câu nói. Người nhà quê miền Trung hay dùng tiếng « ông », « bà » để chỉ cha mẹ lúc vắng mặt. Và khi hỏi họ một việc gì mà họ không rõ, họ đáp cụt ngắn : « Biết chi ! » Thầy tôi luôn luôn dạy con cháu trong nhà tránh những tiếng nói vô lễ ấy và nếu nghe ai nói, cũng mạnh dạn sửa chữa họ.

Tôi chỉ thấy có một người vừa ý Thầy tôi là chú H.P., thường đến nhà học thêm chữ nho với Thầy tôi mỗi buổi chiều, trong khoảng năm tôi mười sáu tuổi. Chú người ở Xuân-đài, cháu cụ cố HOÀNG-DIỆU và có họ ngoại với thầy tôi. Tôi vẫn nghe Thầy tôi khen về chú là thanh niên đứng đắn, thông minh và có chí.

Thầy tôi ít khi xem tiêu-thuyết, truyện ngắn, của các nhà văn phái mới. Nhưng có một đêm, Thầy tôi bảo tôi ngồi bên bàn đèn mà đọc quyển « Ngâm ngãi tìm trầm » của THANH-TỊNH. Đó là một tập sách gồm nhiều truyện ngắn. Sau khi tôi

đọc hết truyện đầu, Thầy tôi bảo đọc tiếp chuyện thứ hai và cứ như thế cho đến khi xong toàn tập. Thầy tôi khen tác giả viết hay và hỏi tôi: «Con có biết hay chỗ nào không?» Tôi nhớ bấy giờ tôi đang học lớp nhì, tuy đã bắt đầu yêu văn nhưng trình độ có bao nhiêu mà biết trả lời, đành thổ lộ thưa: «Đa không». Thầy tôi nói: «Truyện không làm người đọc chán, xem truyện này rồi muốn xem tiếp truyện khác, thế là hay!»

Tôi về nhà chồng được ít lâu thì xảy ra cuộc đảo chính Nhật rồi tiếp đến Việt Minh cướp chính quyền. Sau cuộc đảo chính tháng 3-45, đi tôi sinh một em bé trai út nữa. Thầy tôi đặt tên thằng LANG-SA, kỷ niệm cái ngày Tây về xứ, sau 80 năm đô hộ dân tộc Việt.

Đối với chính quyền lâm thời của V.M. bấy giờ, Thầy tôi lắm lúc bất bình. Thái độ bất bình ấy, khi thì chỉ biểu lộ bằng vài cái xi, xà, làm bầm một mình của Thầy tôi, khi thì nổ bùng ra giữa đám đông quần chúng như nói chuyện về Hiệp định sơ bộ tại Vĩnh-diện. Kết quả cuộc nói chuyện này, Thầy tôi sinh lòng tri nói làm nhằm luôn trong cả tuần, uống thuốc mới bớt.

Thế rồi, thành linh chúng tôi

lại thấy Thầy tôi xách va li lên đường, từ giã vợ con nói là đi Hà-Nội viết báo. Trong «Trăm hoa đua nở trên đất Bắc», tôi thấy tiêu sử thầy tôi có nói chuyện đi này do ông HỒ-CHÍ-MINH triệu tập). Đạo ấy vào khoảng tháng 4 năm 1946. Tôi có ngờ đâu lần ra đi của Thầy tôi năm ấy đối với tôi là lần vĩnh-biệt!

✱

DÊ M nay, một đêm đầu xuân năm Canh-Tý tôi chong đèn ngồi viết mấy trang ký ức này bên cạnh mấy đứa cháu bé say ngủ, lòng bàng hoàng nhớ lại những đêm xuân quãng 20 năm về trước. Và giờ đây nơi chín suối đất Bắc, Thầy tôi có biết cho đứa con ở miền Trung này đang thành kinh trưởng nhớ đến người cha đã an giấc chốn tha hương? Chính ở Thầy tôi, tôi chịu ảnh hưởng sâu xa nhất về nền luân lý gia đình để có thể ngày nay tự hào rằng không đến nỗi thua em kém chị về các bổn phận làm dâu, làm vợ và làm mẹ. Có vậy, ở bên kia thế giới, người mới hải lòng vì đã không hống công đem mấy lời vàng ngọc mà giảng dạy chúng tôi thời thơ ấu.

(Viết ở Kỳ - Lý, một đêm xuân Canh-Tý).



CHƯƠNG HAI

I.- ĐỜI SỐNG TINH THẦN

Ảnh hưởng
sâu - rộng

của Văn-
Hóa Pháp

XÉT về phương-diện lịch-sử, hầu hết các hoạt-dộng văn-nghệ của Việt-Nam hồi Tiên-chiến đều tập-trung ở Hà-nội, thủ đô văn-học, phát-xuất mạnh-mẽ

✱ NGUYỄN-VY

nhất nơi đây và tiên-truyền phồn-thịnh nhất nơi đây.

Do dĩ-vãng lịch-sử vẻ-vang của nó, với những di-tích cổ-truyền

vỹ-dại, với đền Ngọc-Son, với Tháp Bút, với Văn-Miếu, thờ đức Khổng-Tử, với những tấm bia của các ông Nghè từ đời nhà Lê, và do trường Cao-đẳng mới mở đồ-sộ của nó, và Viện Bác-Cò Viễn-đông, một kho sách quý giá vô ngần, Hà-nội, cụ kinh-đô Thăng Long, đã gây ra được một thần-bí thu-hút những trí-óc, và rực-rỡ một hào-quang mà thời-gian càng làm chói sáng thêm mãi. Cả uy-tín gần như thiêng liêng ấy đều gom trong một câu thơ :

« Nghìn năm văn-vật đất Thăng-Long »
 mà người Hà-nội không mấy ai là không hãnh-diện ngậm-nga.

« Sông Nhị » từ bên Tàu chảy về đến Hà-nội chia ra thành hai con sông nước đỏ ngầu và cuộn-cuộn, « Núi Nùng », theo lời các cụ bô-lão cho biết, là một mỏ đất chỉ cao chừng mười thước ở trong vườn Bách-Thú, nhưng bốn tiếng « Sông Nhị Núi Nùng » đã kêu gọi cho người Việt-Nam cả một thần-bí vẻ-vang thơ-mộng. Nó đã thành một tượng-trung của hồn thiêng Đất Nước, đầy nhựa sống vô-tận, đầy phấn-khởi bất ngờ, chứa đựng trong lòng đất cả một

kho tàng của tinh-hoa bất diệt.



Tuy-nhiên có một điều mà chúng ta không khỏi ngạc-nhiên là Hà-nội, kinh-đô Văn-hóa, nơi tập-trung của đa số các tao-nhân mặc-khách thời Tiên-chiến, lại không phải là quê-hương chính của họ. Hầu-hết các Văn-nhân Thi-sĩ hoạt-động văn-nghệ ở Hà-nội đều quê-quán ở các tỉnh Bắc-Việt, hay Trung-Việt, còn chính sinh trưởng ở Hà-nội thì không có mấy người. Kể đại-khái như TẢN-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIỆU là người ở Sơn-Tây, NGUYỄN-VĂN-VĨNH quê ở Hà-đông, NHẤT-LINH quê ở Quảng-Nam, NGUYỄN-TUÂN ở Thanh-Hóa, TRƯƠNG-TỬU ở Bắc-Ninh, LAN-KHAI ở Tuyên-Quang, THẾ-LỬ hình như ở Hải-phòng, LƯU-TRỌNG-LƯ ở Quảng-Bình, XUÂN-DIỆU hình như ở Qui-nhơn, KHÁI-HÙNG hình như ở Thái-Bình, ANH-THO ở Bắc-giang, NGUYỄN-CÔNG-HOAN ở Nam-Định, MỘNG-SON ở Nam-Định, PHẠM-QUỲNH hình như ở Hải-Dương (?), v.v...

Sinh-trưởng ở Hà-nội, có lẽ chỉ có VŨ-BẶNG, VŨ-TRỌNG-PHỤNG và một vài bạn nữa... PHẠM-HUY-THÔNG cũng sinh-trưởng ở Hà-nội, nhưng anh cho tôi biết quê anh ở Hải-Dương.

Như vậy, Hà-nội « nghìn năm Văn-vật » không sản-suất được nhiều nhân-tài Văn-nghệ, nhưng lại là nơi nung-đúc các Văn-tài trong thời Tiên-chiến.

Thời Tiên-chiến, ảnh-hưởng của Văn-hóa Pháp rất sâu-rộng trong các giới trí-thức, cho nên hầu-hết các nhà Văn nhà Thơ Việt-nam thời-kỳ ấy đều hấp-thụ Văn-hóa Pháp và tất cả đều chịu ảnh-hưởng của Văn-hóa ấy, không nhiều thì ít.

Ảnh-hưởng của Văn-hóa Tàu thuần-túy có thể nói là đã suy-tàn rồi : một vài nhà Nho, như Cụ Cử DUONG-BÁ-TRẠC, Cụ Nghè NGÔ-ĐỨC-KẾ, v.v... chỉ viết báo và thiên về chính-trị nhiều hơn. Thi-sĩ TẢN-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIỆU là một trường-hợp đặc-biệt. Nguyên gốc Nho-học, ông chỉ biết tiếng Pháp chút ít thôi, không đọc và không viết được, cho nên Văn thơ

của ông theo cảm-hứng hoàn-toàn Việt-nam, với một ít phong-độ của con nhà Nho « nông-nghênh ». Chính ông tự cảm thấy như cô-độc giữa một « chợ Văn » hầu-hết là mang sắc-thá của Văn-hóa Âu-Tây đang thịnh-hành. Ảnh-hưởng của Văn-hóa mới đã tràn ngập trong các sách báo của PHẠM-QUỲNH, NGUYỄN-VĂN-VĨNH, TRẦN-TRỌNG-KIM, NGUYỄN-VĂN-NGỌC, PHẠM-DUY-TỐN, là những người thuộc về thế-hệ tiền-bối. Lớp thanh-niên từ 1925 chịu ảnh hưởng văn-hóa Pháp càng nhiệt thành hơn, và mở đầu phong-trào văn-nghệ lãng-mạn theo ảnh-hưởng Pháp là một Sinh-Viên trường Cao-Đẳng Sư-Phạm, HOÀNG-NGỌC-PHÁCH. Quyền tiêu-thuyết lãng-mạn đầu tiên ra đời trong lúc ấy nhan đề TỐ-TÂM, do anh viết ra, có một sức mạnh hấp-dẫn vô cùng mãnh-liệt và mau chóng, lôi cuốn cả một thế-hệ thanh-niên nam nữ vào một đời sống tình-cảm mới lạ. Quyền Tố Tâm ngày nay không còn hấp-dẫn nữa, vì nó đã bị các lớp trào-lưu khác vượt

quá nhanh, nhưng lúc bấy giờ nó là quyền truyền gối đầu giường của tất cả các tầng lớp thanh-niên ở các học-đường.

Ấy là thời - kỳ mà sinh viên trường Cao-Đẳng Hà-Nội được coi như là Đại-diện cho lớp trí thức mới, được trọng vọng kính nể và âu yếm.

Ấy là thời kỳ mà một câu chữ Nho được truyền tụng trong đám Nữ-sinh Trung-học và các thiếu nữ trong các gia đình «thượng lưu» « quý phái », là câu :

«Phi Cao đẳng bất thành phu phụ.»

(không phải sinh viên trường Cao đẳng thì không thành vợ chồng).

HOÀNG-NGỌC-PHÁCH, tốt nghiệp trường Cao-đẳng ra làm giáo sư, rồi không viết tiểu-thuyết nữa. Tôi không được biết về sau này ông còn viết gì nữa không, nhưng dù có, cũng không còn tiếng vang, và tôi rất tiếc không được dịp gặp ông để dò hỏi xem vì duyên cớ gì.

Hầu hết các nhà văn sĩ thi sĩ kế tiếp Hoàng-ngọc-Phách, cho đến năm 1939 là khởi sự chiến tranh, đều có trình độ học thức căn bản

là Cao đẳng, hoặc Tú Tài Pháp, hoặc Cao đẳng tiểu học Pháp - Việt, tức là Diplôme d'Etudes primaires supérieures, (quen gọi là Bằng Thành Chung), ít nhất cũng đến trình độ Bằng Thành Chung, theo chương trình trung học Pháp.

Một số nhà văn là cựu Giáo viên (Instituteur), hoặc đang dạy học, đã đỗ bằng Thành-Chung, như LAN-KHAI, NGUYỄN-TRIỆU-LUẬT, NGUYỄN-CÔNG-HOAN, KHÁI-HUNG, TÚ MỠ, HOÀI-THANH, v. v... hoặc có sức học tương đương với bằng ấy như NGUYỄN-TUÂN, LƯU-TRỌNG-LU, TRƯƠNG-TỬU, LÊ-VĂN-TRƯƠNG, VŨ-TRỌNG-PHỤNG, v.v... NGUYỄN-TƯỜNG-TAM đỗ Cử-nhân khoa-học. Một số nhà văn khác có bằng Tú-Tài Pháp, hoặc là Sinh viên trường Cao đẳng Sư-phạm hay Luật-khoa, như VŨ-BĂNG, NGUYỄN-NHƯỘC-PHÁP, PHẠM-HUY-THÔNG (lúc chưa du học sang Pháp) TỪ-BỘ-HỨA, VŨ-NGỌC-PHAN v.v...

Một vài irường hợp đặc biệt ra ngoài thông lệ này, như

NGUYỄN-BÍNH, chưa học đến năm thứ ba ban Thành Chung, MỘNG-SƠN không có học trường nào hết, ANH-THƠ thi rớt bằng Sơ-học (certificat d'Etudes primaires).

Phần nhiều các nhà Văn đều có tự học thêm, mặc dầu đã thi đỗ được bằng-cấp ở học-đường, hoặc chưa đỗ đạt gì, như MỘNG-SƠN có thầy dạy riêng cả Pháp văn và Hán-văn, TRƯƠNG TỬU, nghiên-cứu về các sách Triết-lý và xã-hội học, NGUYỄN-TUÂN nghiên-cứu về sách cổ, LƯU-TRỌNG-LU ra những sách Pháp dịch thơ Ấn-độ và thơ Tàu, LAN KHAI chuyên đọc các sách về khoa tâm-lý và các tiểu thuyết của Paul Bourget và Pierre Benoit. VŨ TRỌNG PHỤNG chuyên môn nghiên-ngắm các tiểu thuyết của JACK LONDON và MAXI-

ME GORKI, v.v...

Hầu hết các nhà Văn Tiền-Chiến đều ham-mê đọc sách Pháp, nhất là các Văn Thơ Pháp từ Moyen-âge (Trung-cổ) đến Thế-kỷ XX.

Nhờ thông-thạo Pháp-ngữ, họ đọc được cả các sách dịch ra Pháp-ngữ của các tác-phẩm Hy-Lạp, La-Mã, Anh, Đức, Ý, Nga, Mỹ, Nhật, v.v... Những người có học Anh-ngữ (từ Tú-Tài trở lên) đều có đọc ít nhiều nguyên văn các tác-phẩm của Anh, Mỹ, Ấn-độ.

Đó là đại-đề căn-bản văn-hóa của một số đông các Văn-sĩ Thi-sĩ thời Tiền-chiến.

Do đó mà từ lối hành-văn cho đến các nguồn cảm-hứng trong văn-thơ của họ đều chịu ảnh-hưởng sâu đậm của Văn-học Âu-Tây, nhất là Văn-học Pháp của thế-kỷ XIX và Thế-Kỷ XX.



★ DANH NGÔN

Tôi đọc sách không phải chỉ để mở mang trí thức mà để nâng cao tâm hồn.

GUÉRIN

Những ý tưởng đẹp về tình yêu

Sưu tầm : *THANH - LỘC*

★ Khi chúng ta không thu hút dạng đàn bà thì đừng đeo đuổi họ nữa. Người đàn bà chỉ bị chinh phục khi người đàn ông đủ sức hấp dẫn họ. Một khi họ thấy đeo đuổi họ sẽ từ khước.

★ Người ta có thể quyến rũ người đàn bà bằng sự dối trá. Nhưng người ta chỉ chinh phục được họ với tấm lòng thành thật.

KRASSOVSKY

★ Người đàn bà trung trinh nhất chỉ muốn sống với một người đàn ông, nhưng họ vẫn muốn có nhiều đàn ông khác chết vì họ.

ALPHONSE KARR

★ Thường người ta vẫn yêu nhau vì những đức tính người ta không có; thế rồi người ta lại xa nhau vì những tính xấu mà người ta cũng không có.

DANIEL STERN

★ Tình yêu có thể an ủi được tất cả, có thể an ủi ngay chính những ưu buồn mà nó đã gây ra.

P. ROCHPÈDRE

★ Yêu là gì?... Yêu là đặt tất cả những nghị lực của mình vào trong tay một người khác.

THÉOPHILE GAUTIER

★ Những con tim đã hàn gắn với nhau rồi, thì không xa cách nhau nữa, mà chỉ có thể... xé nát lẫn nhau thôi.

AUDRIEN DUPUY

★ Không thể vừa si tình vừa sáng suốt được.

BACON

★ Không bao giờ người ta «yêu» như người ta đã đăng «yêu», vì thế muốn đạt được hạnh phúc trong ái tình, chúng ta phải «cho» tất cả mà không đòi hỏi gì cả.

PAUL BOURGET

★ Nếu sợ méch lòng nhau thì không bao giờ yêu nhau.

G. FLAUBERT

TRUYỆN NGẮN

QUỐC
TẾ

Xem tướng

để lấy vợ

★ của **SAINT - EXUPÉRY**

Viết tại Saigon tháng 7, 1955

Tranh vẽ của *Joseph Goeace*

★ **TÂN-PHONG lược dịch**

Trong *Phê-Thông* số 29 vừa rồi, có bài nói về *de Saint Exupéry*, nhà văn-sĩ trẻ tuổi đã lừng danh cả nước Pháp và Thế-giới. Nay, tôi xin lược dịch một truyện ngắn của nhà văn ấy, viết ngay tại Saigon năm 1950, hồi nhà văn làm phi-công ở Tân-Sơn-Nhất.

TÌNH tôi hiền lành dễ dãi. Ai mới quen với tôi, tôi cũng thấy dễ thương cho đến khi, do sự tiếp xúc lâu ngày, tôi thấy rõ cá tính của họ. Tôi thật sự ngỡ rằng đời tôi đã bị thất vọng nhiều lần. Tôi đã bị làm mồi cho những kẻ xảo trá, tui xô lá ba que, và than ôi, cả những người phụ nữ không có con tim nữa!

Chán nản vì những thí nghiệm tái diễn mãi, tôi đã nhất quyết nghiên cứu khoa học tướng số để nhận xét về tính nết

của những người tôi quen, và để phòng-trước.

Rồi tôi khởi sự học hỏi rất nhiệt thành về các khoa xem tướng, xem chi tay, xem chữ ký, bói bài cào, cả khoa chiêm tinh học nữa, để biết rõ tính tình của những người mà tôi đang giao thiệp.

Tôi đọc các sách tướng, tôi gom góp các tài liệu. Tôi dùng đủ các mưu kế để tìm biết những ngày sanh tháng đẻ của các bạn bè mà khó nhất là các bạn gái. Tôi lên đòm ngó các hình dáng ngón tay của họ, hai tai, trán, mũi, môi

miệng của họ. Những lần đi coi xi-nê hoặc đi đến chỗ đám đông nào, đều là những cơ-hội để tôi quan-sát các gương mặt lạ, vòm trán, đỉnh đầu, của nhiều người, và tôi khoái nhất là gặp các người sói đầu. Tôi có một quyển sổ con, tôi nhờ các người quen viết vào đấy một vài câu lưu-bút, để rồi tôi bí-mật nghiên-cứu nét chữ của họ.

Giữa lúc tôi đang mê-mải học hỏi về nghề xem tướng như thế, thì tôi nhận được một bức thư của hai vợ chồng một người bạn ở Marseille báo tin cho tôi biết đứa con trai lớn của họ, 23 tuổi, sắp qua Saigon để tập-sự trong một hãng buôn lớn. Hai ông bà ấy gởi-gắm cậu cả cho tôi, nhờ tôi dìu-dắt cậu ở nơi đất khách quê người, và giúp đỡ cậu vì lần đầu tiên cậu sang Việt-Nam, còn bỡ-ngỡ và tính nết còn trẻ con, chưa biết gì, vân-vân và vân vân...



Có ý-thức đầy-dủ về bôn-phận, tôi ra bến tàu để đón cậu Eliacin (xin tạm gọi theo tiếng Việt là cậu Lý-Sinh cho dễ hiểu). Thế là cậu Lý-Sinh xâm-nhập vào đời sống của tôi, bám lấy tôi như một giầy đậu petit pois quấn chặt vào cây cọc.



Cậu Lý-Sinh bám lấy tôi như một giầy đậu petit pois quấn chặt vào cây cọc..

Tôi thuê cho cậu một phòng trong một Khách-Sạn, gần ngay con đường yên tĩnh chỗ tôi ở. Cậu lười biếng quá, không chịu đến dùng bữa ăn sáng với tôi, nhưng 1 giờ trưa thì cậu đến uống cà-phê với tôi, và xin phép tôi cho cậu nằm ngủ trưa trên đi-văng ở phòng khách. Hết giờ ở Sở ra, cậu về thẳng nhà tôi rồi hễ tôi đi đâu là cậu cứ kè-kè đi theo bên cạnh : đến tiệm cà-phê,

đi hồ tắm, đến câu-lạc-bộ, ra dạo mát nơi Cột Cờ Thủ-ngũ v.v... và v.v... Cậu ăn bữa tối với tôi và mỗi tuần một hai lần chúng tôi đi coi chớp bóng. Hôm nào có ai mời đi dự tiệc mà cậu chán-nản, tuyệt vọng. Cậu rên-ri :

— Tôi ở nhà một mình, chán quá !

Tôi bảo cậu lấy sách đọc, cậu trẻ môi. Tôi lại bảo :

— Kiểm một cô bạn gái, dắt đi xi-nê.

— Tôi không có bạn gái.

— Một cậu bạn trai vậy !

— Tôi chỉ có một mình ông là bạn trai thôi,

— Thế thì đi dạo một vòng ngoài bờ sông, nhìn các cô gái Việt-Nam trẻ đẹp, coi người ta chèo ghe... Cậu muốn làm gì thì cứ làm, tùy theo sở thích.

Lúc mới ban đầu tôi thấy cậu Lý-Sinh dễ thương, nhưng bây giờ thì tôi đã nhận xét khác hẳn : tôi thấy cậu làm bạn rộn tôi nhiều quá. Tôi bắt đầu dùng những thủ đoạn để bỏ rơi cậu một đôi giờ, tôi phải có mảnh lời ngoại giao để bảo cậu đi đến những chỗ mà tôi không đến, và đừng cho cậu đến những chỗ có tôi.

Bỗng dưng tôi có một ý-nghĩ tuyệt-vời. Tuổi trẻ cần say-mê. Lý-Sinh không thích chơi tem,

không thích thể-thao, không ưa theo gái, Cậu đánh cờ cũng thấp, không ham tiêu thuyết tình thám, không có khiếu về nghệ-thuật văn chương. Chắc cậu phải say mê một cái gì, nhưng cậu có cái tội hay sợ sệt người ta phê-bình. Cậu không có thể cương - quyết làm một việc gì nếu không có sự khuyến khích và chỉ-dẫn của một vị "quan sư". Tôi nghĩ thầm rằng nếu tôi bày vẽ cho cậu một công việc gì để cậu làm, chắc là cậu sẽ tập được tính tự lập và rèn luyện được cá-tính vững vàng.

Rồi tôi chỉ-bảo cho cậu về khoa xem tướng. Thật là một ý-nghĩ tài-tình. Cậu Lý-Sinh lăn xả vào món ăn ấy và cậu nhai nuốt nó một cách thèm thường, khiến tôi phải ngạc-nhiên. Chừng đó, cậu mới cho tôi biết rằng Ba má của cậu có ý-định kiếm vợ sớm cho cậu và đang tìm cho cậu một nơi lý-tưởng. Cậu bảo tôi :

— Tôi tin-trưởng nơi những nhận xét đúng đắn của Ba Má tôi, nhưng bây giờ tôi có quyền định đoạt theo ý muốn.

Tôi nhiệt liệt khen cậu.

Thế rồi một hôm, cậu hôn-hở đến nhà tôi với hai bức ảnh kẹp dưới nách. Cậu bảo :

— Đây là hình hai cô thiếu-nữ mà Ba Má tôi muốn lựa chọn để kết duyên với tôi. Hai cô, cô nào cũng được cả về mọi phương diện : gia-đình, địa vị, của cải,

đức-hạnh, v.v... Chỉ khác có gương mặt. Ba Má tôi gởi cả hai tấm ảnh này đề tùy ý tôi lựa chọn. Nhưng tôi muốn hỏi ý-kiến ông. Theo ông thì ông thích cô nào hơn? Nhờ ông xem tướng coi cô nào cho tôi được hạnh-phúc hơn?

Tôi vui-vẻ lấy một trong hai tấm ảnh và quan-sát cẩn-thận:

— Xem thử xem nào. Con bé này có duyên đây. Đôi mắt hơi nhỏ, mũi hơi nhọn... Nhưng gương mặt tươi tỉnh và khôn lanh! Cái miệng có hơi méo một bên có phải không? Cái cằm hơi vuông... Nhưng cô ả duyên-dáng

lắm, duyên-dáng lắm... Tôi mừng cho cậu.

— Chưa! Còn cái hình cô này?

— Cô này hả? À Con bé này hả? ! Đẹp lắm. Đẹp lắm... tuy rằng vẻ đẹp hơi khác: mũi-mấn hơn... Hai gò má như... như hai... hai trái pôm ửng-ửng chín... Đôi mắt đẹp và sáng rực... ủa mà hình như con mắt bên này nhỏ hơn con mắt bên kia nhỉ... Cái mũi hơi bự nhưng thẳng-thần... Gương mặt có vẻ cương-quyết... À! Con nhỏ đáng yêu ghê!... Cái cậu này thật là tốt số...



— Hai cô này, ông thích cô nào?

Cậu Lý-Sinh cười bảo tôi:

— Nhưng tôi đâu có cười luôn một lúc hai cô này được. Tôi phải lựa chọn. Tôi muốn nhờ ông xem tướng dùm cho thật kỹ, rồi tôi sẽ theo đó mà quyết-định. Tôi rất tin nơi nhận-xét của Ba Má tôi, nhưng chắc Ba Má tôi không sao biết rõ được tâm-tính của hai thiếu-nữ này. Chúng ta phải áp-dụng khoa-học tướng-số để nghiên-cứu tỷ-mỷ về hai bức ảnh, rồi chúng ta sẽ xem xét chữ ký của họ nữa...

Tôi vui-vẻ trả lời:

— Được. Chúng ta khởi sự ngay từ tối nay.

Ăn bữa tối xong, Lý-Sinh tìm tôi trong văn-phòng. Tôi đã lấy ra để trên bàn cả một tủ sách về khoa-học tướng số. Đủ các sách của Lavater và Duchenne de Boulogne, Ledos và Papus Carton và Pierre Abraham, v.v...

Hai bức hình của hai thiếu-nữ này đã rọi lớn, các nét đều rõ-ràng. Chúng tôi lấy thước đo bề cao và bề rộng của cái trán đối với hai bên lưỡng-quyền. Đo hai con mắt, cả đường chu-vi và đường kính, bề dày của lông mày, bề cao của sống mũi, bề rộng của hai lỗ mũi. Đo cả đôi môi trái tim, chỗ dày nhất là mấy phân, chỗ mỏng nhất

là mấy li, và cái cằm vuông, hay tròn, hay méo, cái cổ cao như thế nào, hai tai rộng, hẹp, bao nhiêu.

Tôi chỉ phân-nhân rằng cô Arlette C... (ta hãy tạm gọi tiếng Việt là cô Cầm) và cô Bénédicte P (cô Phúc) đều để tóc nhiều quá, thành thử không làm sao đo cho đúng được vòng tròn của hai cái đầu là mấy tấc, và đỉnh đầu tròn hay là bằng. Giá như hai cô cạo trọc đi thì mình coi mới chắc hơn. Mặc dầu vậy, tôi cũng có thể nói rằng cô Cầm thuộc về loại Vénus và Saturne (Kim Tinh và Thổ-Tinh) còn cô Phúc thuộc về loại Jupiter và Mars (Mộc tinh và Hỏa-tinh).

Xem kỹ như thế rồi, tôi mới dở sách tướng ra tra-cứu. Tôi theo trong sách mà bảo:

— Bây giờ nói về tướng của cô Cầm trước nhé. Cô này có những nét rõ ràng, không gầy mà không có khía cạnh, cô thông-minh, yêu-điều và khéo-léo. Người đa cảm, nhưng tự-chủ được trong lúc nóng-nảy, nghĩa là không hay cãi lầy và gây lộn với chồng. (Có hạnh-phúc lắm đa!). Thích tiền-bạc, nhưng không hà-tiện, (thế là tốt lắm!) Có thể xài lớn miễn là

thỏa mãn được những cái gì cô ấy muốn. Nhưng lại hay tiếc tiền đối với những món tiêu nhỏ-nhặt...

Cậu Lý-Sinh buồn-bã, lắc-đầu :

— Thế là phiền quá nhỉ ! Nếu đôi vợ của tôi rách, chắc cô à không thêm vá đâu.

— Chừng đó cậu sẽ dạy cho cô ấy vá chứ... Nhưng cái này thì hơi... không tốt, là con mắt mà có cái đuôi ra đến gần tai, thì tỏ rằng dưới một nét bẽn-lên giả dối cô giấu kín một tâm-hồn trụy-lạc...

— Hả ? Trụy-lạc hả, ông ?

— Ừ... và ham thú xác-thịt, không biết thế nào cho vừa.

Cậu Lý-Sinh nhẩy nhồm lên :

— Ồi thôi ! Ồi thôi ! Thôi ! Thôi !

— Cái môi dày núc-ních như thế này chứng tỏ rằng cô ấy có những thêm muốn say-mê (Cậu nhớ mời tôi với nhé !) và sẽ khốn-khở cho cái thằng đàn-ông nào mà bị cô này quyến rũ, quyến rũ để rồi phản-bội...

— Thôi thôi ! Đề mai tôi gửi cái ảnh này về Marseille trả lại cho nó Ông coi qua cô Phúc kia xem.

Tôi lấy hình cô Phúc và, cũng theo trong sách mà nói :

— Cô này cái mũi bự mà ngắn, hai lỗ mũi chề-bè ra, hai má núc-ních, cồ lùn và nhiều mỡ, đó là

dấu hiệu một người đàn-bà ham vật-chất và các khả-năng tinh-thần đều bị những ham muốn vật chất lấn-át hết. Trí-óc không thông-minh, tính-tình cộc-lóc... Kề ra cô này còn hơn cô Cầm, vì ham các thú vật-chất mà khù-khờ còn ít nguy hiểm hơn là ham vật chất mà thông-minh !

— Phải, tôi thích có người vợ khù-khờ hơn là một người vợ thông minh.

— Cậu nên mừng đi, vì cô này được cái tính vui vẻ, thích cười, ưa nói bông-lơn, chỉ tiếc một điều là cô rất ham ăn, nhất là ăn vặt quà bánh cả ngày. Lại ưa ngồi kê cà trong các đám tiệc, ăn nhậu say sưa rồi ưa hát những bài hát tục tũ...

— Ba Má tôi không thích có con dâu như vậy đâu, ông ơi !

— Đôi mắt cô này là mắt lươn, thế nào cũng cho cậu cảm sùng...

— Cũng như cô kia hả ?

— Ừ, nhưng có khác là cô kia tuy là dâm-dục, nhưng bề ngoài còn biết che đậy dưới lớp vỏ chính chuyên, còn cô này thì làm dĩ ra mặt...

Tôi xếp sách lại :

— Thôi, tôi không thêm coi nữa đâu



ràng cô thuộc về ảnh hưởng hai sao Mộc Tinh và Hỏa Tinh và chắc chắn là cô ham muốn vật-dục như lửa cháy.

Nhưng còn cô Cầm?... Tôi bỗng sinh ra thắc-mắc. Cô thuộc về loại hình bầu-dục, hay là tròn dài ? Muốn yên trí, tôi thấy cần phải coi lại. Tôi cầm tấm ảnh của cô lên xem, đưa ra xa, và đem lại gần, rồi lại đưa ra xa, nhìn với con mắt bên phải, rồi nhìn với con mắt bên trái, rồi nhìn cả với hai mắt... Rồi tôi nhắm mắt lại, để rồi mở bừng mắt ra ngó chăm-chăm vào gương mặt trên tấm ảnh. Tôi lại đặt ảnh trên tấm thảm trải trên sàn nhà, tôi leo lên tủ, nằm trên nóc tủ để ngó xuống cho rõ-ràng, hơn.

Thế nào cũng cho cậu cảm sùng.

Cậu Lý Sinh ngồi cúi mặt, thất vọng :

— Tôi biết tinh sao bây giờ đây ? Ba Má tôi viết thư nói với tôi rằng Ông bà đã lựa chọn thật kỹ trong số các cô gái quen biết ở Marseille, chỉ có hai cô này là được hơn cả. Ngờ đâu ! Nếu không có ông, không có mấy quyển sách tướng của ông, thì thế nào tôi cũng phải cưới một trong hai con quý sú này, hai con rắn độc này... Ồ ! Ồ ! Tôi không thể tưởng-trọng được !...

Cậu Lý Sinh chán nản bỏ đi ra vườn.

Đêm ấy, một mình tôi trong phòng, tôi coi lại hai tấm ảnh. Xem kỹ ảnh của cô Phúc thì rõ



...Tôi nằm trên nóc tủ để ngó xuống cho rõ-ràng hơn.

Nằm trên tủ, bỗng dưng tôi nghĩ rằng tại sao mình không đề tấm ảnh trên tủ, chỗ mình đang nằm, còn mình thì nằm trên tấm thảm mà nó lên có phải càng rõ hơn không? Tôi bèn tụt xuống, nhưng tôi mất thăng bằng và té nằm trên tấm thảm, nơi đây tôi mệt quá, ngủ thim-thíp...

Mấy hôm sau, tôi nhận được bức thư dài của Ba má cậu Lý Sinh gửi bằng phi cơ. Hai hôm sau nữa, tôi nhận được cái giấy thép của hai Ông bà:

« Chúng tôi vô cùng ngạc nhiên vì quyết định không ngờ của Lý Sinh. Nhờ bạn làm ơn khuyên bảo nó, bắt nó phải lựa chọn một trong hai cô ».

Tôi thấy bực mình vì họ làm bạn rận tôi vì một việc riêng của gia đình họ. Tôi làm ngơ, mặc kệ cậu Lý Sinh. Và sau đó, Cậu Lý Sinh bị cha mẹ rầy la bắt buộc, phải kết hôn với cô Cẩm.

Không dè cuộc đời của đôi vợ chồng Lý Sinh và Cẩm lại đầy hạnh-phúc. Thấy vậy, tôi đốt hết các sách tướng số của tôi, và tôi bắt đầu nhận thấy rằng tướng số là một khoa học rất phong phú và rất phức tạp cũng như cuộc đời, không thể nói qua một vài nét mà vội vàng kết luận một cách tổng quát được. Nói quả quyết mà không tra cứu thật thâm thúy, chỉ

dựa theo một vài nguyên tắc đã quy định sơ sài ấy là làm công việc của người thợ máy, chứ không phải của nhà Bác học. Ấy là coi con người như một cái máy, chỉ vận một vài lò xo là nó chạy, chứ không chịu tìm hiểu cái tính chất rất mềm dẻo của bộ máy ấy và những khả năng tiến hóa của nó... Cuộc đời cũng phức tạp như thế ấy và mọi vấn đề cần phải nhận xét tế nhị vậy.



Còn người không phải như cái máy; chỉ vận lò-xo là nó chạy được.

MỘT BÀI THƠ HAY

ĂN - ĐỘ



Của Thi-sĩ PRABHAT VAIDYA

A FESTIVAL OF GREENS

Once there was a festival of things green
And all the world greens were on the scene:
The green of young paddy fields in July
And of raw mangoes eaten on the sly
Of the ribbons in a girl's first pigtail
And of the bangles on a bride so pale;
The green of the stars' dance
And of the thoughts of vegetarians,
Of the light at the crossing (perhaps)
And of the cricket team's county caps;
Even the green of the beer bottle
And of the cover of the crime novel,
Of the flag of our next-door neighbour
And of the pencil of the auditor;
One green only was debarred from the feast
That of the eyes of the Jealousy Beast.

PRABHAT VAIDYA

(after SAROJINI NAIDU 1959)

ĐẠI-HỘI MÀU XANH

Một buổi liên-hoan những vật màu Xanh.
Đủ các màu Xanh khung-cảnh long-lanh :

Đồng xanh lúa non trong mùa tháng Bảy,
Xoài xanh còn chua muốn ăn lén hái,
Băng xanh thất nơ đuôi tóc thơ-ngây,
Chiếc vòng xanh-xanh cô dâu đeo tay.

Màu sao xanh-xanh khiêu-vũ mê-say,
Màu xanh tư-tưởng của người ăn chay
Đèn xanh sắp bậc nơi góc ngã tư,
Mũ xanh lấp-lánh đoàn người chơi cù.

Có cả màu xanh của chai rượu bia,
Quyển truyện trinh-thám in xanh ngoài bia,
Đá xanh lát cửa của nhà lán giềng,
Và bút chì xanh của anh thu tiền.

Trừ một màu xanh không được dự tiệc :
Là cặp mắt Ghen xanh-dờn góm-ghiếc !

N.V. (dịch)



(coi P. T. số 29)

KỶ trước ta đã biết : Vào năm 2.000, giữa một buổi sáng mùa Xuân, năm nhà đại thi hào Việt-Nam đã tung ra một bản tuyên ngôn trước thế-giới. Một bản tuyên-ngôn kỳ lạ và quan-trọng bậc nhất trong lịch sử nhân loại.

Bản tuyên ngôn đó dĩ nhiên được viết bằng một thể thơ. Dưới đây chỉ là những lời ghi chép mà ngọn bút què kèch của người cuối thế-kỷ hai mươi không sao giữ được thuần chỉnh của bản tuyên ngôn ấy.

Vậy chỉ có thể coi là đại ý và rất-sơ lược :

Hỡi những nhà chính-khách từ phương Đông tới phương Tây
dầu khuynh hướng này hay khuynh hướng nọ,

dầu dân chủ hay độc tài
Vô sản hay tư bản
dầu trí thức hay không

Các người
từ đứng hai ngàn năm nay
chỉ đưa đất nhân loại vào vòng
chiến tranh liên tiếp mãi không
ngừng

xương góp lại kẻ đã thành núi
máu con người chảy mãi đầy sông
Cứ mỗi lần
diệt một cuộc chiến tranh

Lại bắt đầu

chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh khác

Nhân loại, màu da vàng hay trắng đen hay nâu

cứ mãi phiêu lưu, không dừng bước nghỉ...

Không!

Chúng ta muốn t hờ

và muốn sống no, lành

chúng ta đã dành cho các người những chính-khách của tròn hai mươi thế-kỷ

quyền: làm lịch-sử!

nhưng, các người

chỉ làm được « lịch - sử chiến tranh »

hư lịch sử bằng xương và bằng máu

nay,

nhân danh Con Người

Con Người viết bằng chữ hoa

không kể biên thùy và không kể màu da

chúng ta lên tiếng:

« nhiệm-vụ của các người chấm dứt

trả lại nhân loại cho chúng ta!

trả lại lịch sử cho chúng ta!

Cho những người thơ

của khắp loài người sống trên mặt đất

từ miền Bắc Cực giá băng

đến những sa-mạc heo hút

chúng ta, những người thơ

chỉ biết phụng thờ

sự no ấm của con người

với công lý

và nhất là Tình Người...

Khỏi phải nói, cũng dư biết được, bản tuyên ngôn ấy đã

được nhân dân khắp thế giới

đón tiếp nồng hậu đến thế nào.

Điều đáng ghi: nhiều gần như

là hầu hết các chính khách trên

thế giới đều chân thành hưởng

ứng lời kêu gọi của bản tuyên

ngôn ấy. Họ tự ý rút lui khỏi

sân khấu chính trị. Những tổng

trưởng, Bộ trưởng, Thủ-

tướng, Tổng - Thống, Chủ-

tịch của tất cả các nước

đều lục tục đề đơn từ chức.

Báo chí của mỗi nước hàng ngày

đều đăng những tin ấy không

ngớt. Nhiều chính phủ đã họp

lại để nghiên cứu bản tuyên-ngôn

nói trên, để tự kiểm điểm lại

đường lối, chính sách của mình,

rồi quyết định rút lui toàn bộ

nội các. Những vị tổng-thống,

bộ trưởng ấy hân hoan mà rút

lui. Họ không có một vẻ gì là

bất mãn, là bị bó buộc. Ngay sau

khí rút lui khỏi những địa vị

trọng đại, họ trở lại ngay đời

sống giản dị của một công dân

như tất cả những công dân khác.

Người ta không lạ khi thấy

một vị Thủ-tướng hôm trước

còn ngồi trên xe tiền hô hậu

ủng, hôm sau đã đạp xe máy

đích thân đi tìm một nhà thơ

hữu danh, đầy đạo đức trong

nước để mời ra tham chính.

Quả nhiên loài người đã gieo

bước chân trên một khúc quanh

lịch sử, hướng về một nẻo đại

hội.

Khắp nơi, một không khí tin

yêu giải ra, sáng lòa như vừng

dương một buổi ban mai.

Báo chí của khắp các nước

trao đổi cho nhau chất thà nh núi

ở khắp các hải cảng. Biên giới

của văn hóa được san đi trước

nhất. Nhờ vậy người ta được

biết mỗi biến chuyển của nước

này hay nước nọ trong mỗi

ngày, mỗi giờ.

Ở Nga, ở Mỹ cũng như ở

Anh, ở Pháp, ở Đức, ở Trung

Hoa, ở Nhật, ở Việt-Nam, ở

Ấn-Độ những chính phủ gồm

có các nhà thơ đã thành lập.

Những nước khác cũng chuẩn bị

làm theo.

Có một nơi, bản tuyên ngôn

được gửi đến chậm, giữa vào

lúc hai nước đương có chiến tranh.

Trên bãi chiến trường lúc ấy

đã ngập máu. Thấy người gục

trên gò đồng như xác lá rụng.

Từng đoàn qua đen bu tới kín cả

một mảng trời xanh.

Dẫu chậm nhưng bản tuyên

ngôn nọ cũng tới được. Vị

tướng lãnh một bên nhận được

nó trước. Sạu khi thỉnh ý chính

phủ của ông, ông gửi ngay

cho vị tướng lãnh bên địch một

bài thơ kèm theo bản tuyên

ngôn nọ.

Vị tướng lãnh nhận được

bài thơ của đối phương liền

họa vận lại rồi gửi đi. Không

biết nội dung hai bài thơ xướng

họa đó nói sao, chỉ biết sau

đấy, chiến trường tất im tiếng

súng. Khói lửa còn sót lại của

cuộc hành quân hôm trước tan

đi để lộ ra một vòm trời xanh

nguyên vẹn không gợn một chút

vẩn của mây đen.

Những chinh nhân của cả hai

bên sắp lại quân trang, được

trở về, ca hát vang một góc trời.

Lần trở về họ nhẹ hơn muôn

ngàn lần lúc ra đi, vì súng, ống,

dạn được đều được bỏ lại hết

3 chiến trường. Những thứ ấy, theo lời tướng lĩnh của họ thì từ nay sắp đi không phải dùng đến nó nữa. Súng ống, đạn dược đã được nhân loại coi như những chứng tích bẩn thỉu nhất của nền văn minh cận đại.

Nhẹ hơn cả súng đạn mà lần trở về họ không phải đeo nặng trên vai, vác nặng trên lưng là mỗi nặng về viễn tượng chiến tranh không còn ám ảnh trong lòng họ nữa.

Một mùa xuân mới lướt thướt kéo trên chiến trường. Hoa cỏ sẽ sớm mọc lên trên đây để làm lành lặn lại một trong những vết thương của nhân loại.

(Còn nữa)

Kỳ sau : *Trật tự mới, sinh khí mới của Nhân loại với Người Thơ xuất hiện.*



☆ CẤM CÁC EM DƯỚI 18 TUỔI

Rạp xi-nê Bông-Lai chớp phim « Cô gái nhảy dượt gân » cấm các em dưới 18 tuổi. Hai vợ chồng ông Xuân mua 2 vé vào xem. Bà có đứa con nhỏ còn bú, phải ẵm theo. Nhưng người cảnh sát gác cửa không cho vào :

— Hai ông bà vào được, còn em nhỏ không được vào.

— Tại sao ?

— Phim kỳ này cấm các em dưới 18 tuổi.

Cảnh-sát thi-hành đúng chỉ-thị, nhất định không cho bà ẵm em bé 2 tháng vào phòng chớp ảnh.

HÔNG-CỨC

bữa tiệc
thịt chó
của

ÔNG ÍCH - KHIÊM

của ĐINH-VĂN-QUY

gửi tặng bạn ông Văn-Hiệp

Trong **PHỔ-THÔNG** số 25, bạn đọc được thưởng-thức một chuyện khá lý-thú nhan đề « **Bữa tiệc thịt chó** », của ông Lam - Hồ thuật. Trong bài, tác-giả cho chúng ta biết chủ-nhân bữa tiệc « chơi khăm » ấy là một ông Cử-nhân Nho-học hồi thời **Pháp-thuộc**.

Theo chỗ hiểu biết đích xác của chúng tôi, thì ông Cử-nhân đó chính là một vị quan Nam-triều có tên tuổi trong **Lịch-sử Việt-Nam Cận-đại**, tên là **ÔNG-ÍCH-KHIÊM**.



Ông-Ích-Khiêm vốn con nhà nghèo, ông có thân hình khá dị thường một chút nhưng lại

rất ham học. Ngay thuở nhỏ ông đã có tính ngang nghịch kỳ khôi, không thua gì Cao bá Quát. Ông lại được thu giáo ít nhiều ở Cao bá Quát khi ông này bị đày vào Đà-nẵng.

Ông Ích-Khiêm nhờ có tài soi kính nẩu sử đã đỗ cử-nhân khá sớm và đã từng được bổ tri huyện rồi tri-phủ nhưng vì tính quá khí khái ông đã đánh chết

một tên trùm trưởng hống hách bất công nên bị cách chức với bản án « hồi dân qui tịch » nghĩa là mất luôn cả bằng cử nhân. Về làng quê ở Quảng nam, Ông Ích Khiêm vẫn ung dung sống cuộc đời tầm thường như những thường dân khác. Trong thời gian bị về vườn này ông say mê học võ và chỉ trong vài năm ông đã đỗ được cử nhân võ. Chính vua Tự Đức đã phê ông là một người « văn võ toàn tài » nhưng chỉ được phong chức « tòng quân hiệu lực » và phải « đối công chuộc tội ».

Không kể chiến công dẹp giặc Phụng (1861-1865) mà sử lược của Trần Trọng Kim có chép. Sau đây là chiến công quan trọng của Ông Ích Khiêm có liên quan đến « Bữa tiệc thịt chó ».

Năm Quý - Hợi (1863) giặc Thái bình Thiên quốc bên Trung quốc được dẹp tan. Hồng Tú Toàn tự tử. Lúc ấy dư đảng của Hồng Tú Toàn là bọn Ngô Còn chạy sang nước ta. Trước Còn nói xin hàng rồi sau đem quân đi cướp phá các tỉnh, quan quân đánh mãi không được.

Năm Mậu Thìn (1868) là năm Tự Đức thứ 21, Ngô Còn

chiếm giữ tỉnh thành Cao bằng. Triều đình sai quan Tổng đốc Phạm chi Hương viết thư sang cho quan nhà Thanh đem quân qua tiêu trừ. Nhà Thanh sai Phó Tướng Tạ Kế Quý đem quân sang cùng với quan Tiêu phủ Ông Ích Khiêm và quan Đề đốc Nguyễn viết Thành đánh phá quân của Ngô Còn.

Vua Tự Đức phải sai viết thư sang cho quan nhà Thanh sai quân Tàu sang hợp với quân Việt để tiêu trừ nhưng thất bại. Các quan Tham tán Nguyễn Lê, phó đề đốc Nguyễn viết Thành tử trận, thống đốc Phạm chi Hương bị bắt.

Đến cuối năm Canh Ngọ (1870) Ngô Còn đem quân vây đánh tỉnh thành Bắc ninh, quan tiêu phủ Ông Ích Khiêm đánh một trận bắn chết Ngô Còn và phá tan quân giặc (1)

Tin thắng trận đưa về triều đình, vua Tự Đức rất mừng và phong cho Ông Ích Khiêm chức An Sát.

Về kinh, Ông Ích Khiêm khao thưởng quân sĩ, thiết tiệc đãi cả đình thần để ăn mừng. Hầu như tất cả các quan văn võ ở kinh đô đều có mặt và đặc biệt hai quan đầu triều NGUYỄN VĂN

TƯỜNG và TÔN THẮT THUYẾT cũng được mời dự ở mâm cao nhất. Bữa tiệc thật là linh đình to tát. Từ trên xuống dưới theo thứ tự phẩm trật rất đường hoàng. Dĩ nhiên các món dọn lên trong bữa tiệc được nấu rất khéo, rất ngon.

Các quan lớn nhỏ được cơ hội gặp món ngon đều nhận nhệch thỏa thích. Họ tha hồ cho vị giác hưởng khoái lạc một bữa đích đáng. Mãi đến lúc các món ngon gần vơi và vị giác cũng khá thỏa thuê, bấy giờ mới có một quan nghĩ đến việc tìm hiểu xem mình vừa được ăn thứ thịt gì tuyệt đến thế. Hình như đó là cụ tuần người La Qua, Quảng nam khề khà hỏi :

— Bẩm quan An Sát, tôi tuy cũng từng được hưởng các món ngon vật lạ, nhưng chưa bao giờ được nếm những món đặc biệt thơm ngon như hôm nay. Chẳng hay là thứ gì và từ đâu đem đến ?

Ông Ích Khiêm với vẻ hoan hỉ trình trọng giải thích :

— Thưa các ngài, món ăn này hơi lạ miệng thật vì gốc từ ngoài Bắc và Thanh-Nghệ-Tĩnh kia. Tuy là món rất thường nhưng người ngoài đó thích lắm. Rồi ông chỉ tay từ chỗ Tường, Thuyết

ngồi cho đến chỗ những « mâm dưới » và ung dung thêm :

— Từ mâm trên cho đến mâm dưới ở đây chỉ toàn là một thứ chó cả mà thôi !

Vốn tính khí khái ngang tàng, ông ghét thậm tệ bọn Tường, Thuyết cậy quyền thế quen thói hống hách, cũng như đa số quan lại triều đình chỉ biết vinh thân phì da, nên ông luôn tìm dịp hạ hớ là xỏ ngọt cho hả dạ, nhất là vừa rồi ông phải ra Bắc đánh dẹp còn bọn họ vẫn ở tại kinh đô phè phỡn.

Các quan ai nấy nghe ông nói xong đều điếng đầu nhìn nhau và nhìn lên Tường, Thuyết xem phản ứng ra sao. Tường, Thuyết giận tím gan, mặt mày cùng đỏ gay lên nhưng không lẽ để cho địch thủ và các quan rõ thêm mặt mặt, nên giả vờ không để ý đến câu nói đâm họng của Ông Ích-Khiêm mà hèn hếch cười gật gù khen các món ăn ngon thật. Thấy thế các quan cũng cười theo để khoả lấp và họ uể oải tiếp tục cho xong tiệc. Nhưng cũng chưa hết, Ông Ích Khiêm đã tha cho họ đâu ! Thấy các quan lần lượt buông đũa, Ích - Khiêm quay xuống nhà bếp gọi lớn :

— Nước bay !

— Dạ ! dạ !

Nhưng đợi một chập lâu vẫn không thấy nước nổi gì cả. Quan Ân Sát lại réo to :

— Nước đâu bay ? mau lên chứ !

— Dạ ! Dạ !

— Tiếng dạ rất dòn nhưng cũng như lần trước, vẫn chưa thấy nước đem lên. Quan làm mặt giận dữ quát mắng om sòm lên :

— Cái lũ này mới nguy chớ. Hễ được dịp thì đục đầu vô ăn chứ có biết lo việc nước đâu. Kêu mãi mấy lần mà vẫn không thấy. Hai chân không mau thì bốn cẳng mà chạy chớ. Các quan đều chín ruột. Thuyết thì toát cả mồ

hôi hột nhưng phải bấm bụng ngâm bồ hòn làm ngọt mà ngồi chờ đến mãn tiệc... Thế là về tư dinh làm gì cũng rơi đầu một vài tên lính hầu để hạ cơn giận của Thuyết.

Đĩ nhiên, riêng quan Ân Sát thì như mở cờ trong bụng vì đã chơi được một võ khá đậm.

Cũng như trường hợp Cao-bá Quát, có lẽ chính vì cái lối chơi xô đó mà không mấy ai ưa Ông Ích Khiêm nhất là Tôn thất Thuyết lập tâm căm thù ông, tìm đủ cách để hạ được ông mới hả dạ.

(1) Các tài liệu lịch sử trong bài này đều chép theo **Việt-Nam Sử Lược** của Trần trọng Kim, trang 506—507.



★ NGƯỜI CHỒNG NGOAN NGOÃN

Chị Ba Búa bảo chồng ra tiệm chạp-phô của thím Xìn, mua một đồng bạc đường thẻ. Anh Ba Búa do dự :

— Em à, trời mưa to quá, con chó Vện cũng nằm trong nhà không dám ra đường, nữa là anh !

— Phải, nhưng tui biểu anh đi, anh còn muốn dắt con chó Vện đi theo làm chi ?

M. H. C.

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỪ-VU ★ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

(Tiếp theo P. T. số 29)

Lúc ấy, trời đã khuya lắm và vẫn lai-dai mưa nặng hột. Trên đường phố vắng tanh, chẳng có bóng người qua, lại. Bỗng, có một chiếc xe hơi chạy vụt qua, nhưng, người trên xe chẳng để ý tới chúng tôi. Hải-lan định gọi người đến giúp nhưng tôi ngăn lại. Cô bèn cố điu tôi ra xe hơi. Ngồi trên đệm xe, tôi thấy lần lần tỉnh-táo hơn.

Tôi bỗng vụt cảm thấy Hải-lan có một tấm lòng cực kỳ ôn-nhu,

mỹ-hào. Tựa đầu vào người cô, tôi nhắm mắt, lặng thinh nghe con tim của cô hòa-nhịp, đập với con tim của chính tôi. Cô lấy khăn lau những giọt nước mưa đọng trên trán, trên má tôi. Hình như vết thương ở sau đầu tôi, cũng nhẹ thôi, nên máu đã thôi chảy. Hải-lan vốn không biết lái xe, tôi đành phải ngồi nghỉ thêm một ít lâu nữa, cho tỉnh-táo hẳn lại đã, rồi tôi mới dám cầm tay lái. Ở ngoài, trời vẫn mưa ; trong

bóng tối, tôi tựa người vào Hải-lan và quên hết hiện-tại ; tâm-hồn tôi như đắm-say nơi cõi mộng êm-dềm. Bàn tay mềm-mại, ấm-áp của cô là cả một niềm an-úy ; cặp mắt nhung của cô là một thứ ánh sáng chiếuọi vào lòng tôi ; hơi thở của cô là làn sinh-khí, nó thấm-đậm vào phế-phủ tôi ; đầu mày, khoe môi của cô là cả vận-luật cho cuộc sống của tôi. Cứ như thế, trái tim của chúng tôi nhịp-nhàng đập theo dòng thời-gian, nó trôi đi một cách vô cùng nhẹ-nhàng, êm-ả.

Độ một khắc đồng-hồ sau, tôi chợt nhớ ra cái vết thương ở đầu, nên tôi liền ngồi dậy, mở máy cho xe chạy ; tôi định bụng đi thẳng tới nhà y-sư Xa-lạp-mỹ, nhưng, khi sờ lên đầu, tôi thấy máu đã khô, vì vết thương cũng nhẹ thôi, nên tôi nghĩ lại, không dám, trong đêm khuya-khuất, đến làm phiền y-sư, và, cứ dùng mấy thứ thuốc thường dùng ở nhà, để băng-bó chỗ đau, có lẽ cũng tạm được. Tôi bèn lái xe về thẳng nhà. Đến nơi, về phòng, Hải-lan nhanh-nhẹn đi lấy nước sát-trùng, rửa vết-thương cho tôi rồi bôi thuốc, băng lại hẳn-hoi. Tôi nói :

— Thiệt tình, lúc nào Hải-lan cũng hết lòng với tôi, tôi

chẳng biết lấy gì đền-đáp tấm cảm-tình đó cho phụ ?

— Thôi, anh nên đi nghỉ sớm đi một tí, thì hơn...

— Thế Hải-lan không ưng ngồi đây đàm-đạo với tôi một lát, trong khi chờ Bạch-Tần trở về, hay sao ?

— Thôi, anh ạ, tốt hơn hết, là anh nên đi nghỉ...

— Nhưng, tôi có rất nhiều điều muốn nói với Hải-lan.

Cô ưng-ý ngồi lại, nhưng, tôi tự thấy lúng-túng, không biết mở đầu câu chuyện ra sao ? Tôi yên lặng hồi lâu, rồi mới chậm-rãi nói :

— Hải-lan ạ, tất cả cuộc sống hiện-thời của chúng ta, thiệt chẳng khác gì một giấc mộng, mỗi ngày cái mộng đó càng rõ hết thêm... Điều này, tôi hỏi thật Hải-lan nhé...

— Điều gì, anh cứ nói ?

— Thế ngộ, rồi đây, Bạch-Tần khỏi hẳn bệnh và lại được lành-mạnh, thì, liệu Hải-lan có vui lòng đi với tôi đến một nơi khác để thực - hiện một cái mộng-cảnh khác, không nhỉ ?

Nói xong, tôi quỳ xuống bên ghế ngồi của cô, và ân-cần nói tiếp :

— Hải-lan ! Hải-lan hãy tin ở tấm lòng ái-huyền của tôi đối với Hải-lan.

—

Cô chỉ lặng yên, hai mắt đắm-dắm nhìn qua cửa sò. Bên ngoài, trời vẫn mưa rả-rích. Tôi nói tiếp :

— Thế còn Hải-lan, Hải-lan cũng yêu anh, chứ !

— Em yêu anh thật đấy, nhưng, em chỉ là một người tầm-thường, không có học-thức, anh chớ có làm tưởng....

Cô vẫn nhìn ra khoảng hư-không ở ngoài trời. Mưa nghe chừng có phần nặng hột hơn.

— Nhưng em có một tấm lòng nhân-từ, hiền-hậu hiếm có; sự thông-tuệ của em nó ở cả cái chí-nguyện tuyệt-đối hy-sinh của em. Giả như, rồi đây, Bạch-Tần trở lại lành-mạnh, đó chẳng do cái hiệu-lực của mỗi chân-tình thuần-khiết của em đối với Bạch-Tần hay sao ?

— Không phải thế đâu, anh à. Nếu Bạch-Tần trở lại lành-mạnh là tại sự ái - huyền của chính anh, đối với Bạch - Tần, thì đáng hơn.

Cô nói xong, vừa cười cười, vừa đứng lên để đi ra.

Tôi cũng theo cô đứng lên và định nói nữa, thì cô ngắt ngang mà bảo :

— Thôi anh đi ngủ đi, anh phải đi ngủ sớm, cho lại sức...

Ra tới cửa phòng, cô quay lại chào tôi :

— Vãn an !

Tôi chẳng tìm ra được lời nào để lưu cô, đành thuận miệng, chào lại :

— Vãn an !

Và tôi vụt nghĩ ra một điều cần phải dặn cô, tôi vội nói :

— À, Hải-lan ạ, em nhớ, chớ có nói cho Bạch-Tần rõ việc anh bị đánh và bị thương tích, nhé.

— Vâng, được.

Cô đã mở hé cánh cửa phòng, còn ngoái lại nói thêm một lần nữa :

— Vãn an ! anh đi nghỉ đi, nhé.

Thế rồi cô đóng cửa lại, rào-càng, đi thẳng. Tôi nhìn qua cửa sò, trời nghe như vẫn mưa nặng hột.

Trong tiếng mưa ào-ào, tôi ngồi ôn lại câu chuyện mà chúng tôi vừa nói với nhau. Quả tình, tôi cảm thấy, tất

cả cái thái - độ của Hải - lan, có một vẻ hiền-nhiên là, tiền hậu bất nhất. Phải! Lần thứ nhất, cô ngồi cùng xe với tôi, cô rõ ràng là hoạt-bát. Lời đối đáp của cô có vẻ linh-lợi và ngang-nhiên, nó làm cho tôi phải tự-nhủ: cô có một bản-chất vừa đơn-thuần, vừa nồng-nhiệt. Ấy thế mà, đến lần này, cơ hồ như cô đã thay đổi hẳn, cô quả-nhiên đã biến thành một người khác, Cô trở nên ít cười, ít nói; cái thái-độ trầm-mặc lãnh-tĩnh của cô, thiệt đã ra ngoài hẳn ý-liệu của tôi.

— Tôi ngồi suy-tưởng về cô, tôi phân-triết mối tình-cảm của cô và tôi nhận thấy rõ, lần trước, cô có một tính-tình thiệt là thương-ngây, vui-tươi; cô lại rất hiếu-kỳ và rất bông-bộ, Hình như lần này là lần đầu tiên, cô bỗng chạm trán với tình-ái nó vốn tiềm-phục ở trong tâm-khảm cô đã từ lâu. Sự thể-nghiệm về yêu-đương đã dặt cô vào một cuộc đạo-túy mà trong đó, cô đã quên, quên hết mọi thứ. Nhưng hiện thời, tâm-tự của cô bị đặt trước một thực-sự, thực-sự ấy là Bạch-Tần.

Kề ra, trong mấy tháng trời vừa qua, cả cô lẫn tôi, chúng tôi đều một lòng quan-tâm tới Bạch-

Tần. Quả tình, riêng tôi, tôi cũng hết sức chú-ý đến Bạch-Tần; nhất cử, nhất động của tôi đều quy cả vào cái đích duy-nhất, là làm vui lòng Bạch-Tần, để lấy lòng nàng. Thật tình, tôi không ngờ rằng tôi đã bắt đầu yêu Hải-lan, nhưng, không một phút nào tôi tưởng tới sự luyện ái, giữa Bạch-Tần và tôi. Và nàng, thời - thường, chẳng vấn hỏi hai người chúng tôi rằng:

— Có phải hai người quyết-tâm vĩnh-viễn, yêu tôi không, nhỉ?

Riêng tôi, mỗi lần, tôi đều ân-cần đáp:

— Đúng đấy, Bạch-Tần ạ, tôi xin tình-nguyện làm một người bạn, vĩnh-viễn ái-đới Bạch-Tần.

Còn Hải-lan, cô lại trả đáp:

— Sao Bạch-Tần còn cần phải hỏi em điều đó?

Như vậy, Bạch-Tần lại nói:

— Liệu hai người có sẽ vì tôi mà hy-sinh một chút nào chẳng?

Tôi vội đáp:

— Cái đó là lẽ tự-nhiên... vì, mỗi sự hy-sinh đó, đều là một thứ vinh-quang cho hai chúng tôi.

Hải-lan tiếp lời tôi:

— Đối với em, ngoài sự vinh quang, còn có cả một sự thấukhoái nữa.

Có lần, tôi quay hỏi cô:

— Thấukhoái?

Hải-lan vừa đưa mắt nhìn Bạch-Tần, vừa đáp lời tôi:

— Vâng, ngoài sự quang-vinh, nếu việc hy-sinh có ích một phần nào cho Bạch-Tần, lẽ đương nhiên, em sẽ vô cùng thấukhoái nữa.

Sự biểu-thị tâm-tình của tôi trên đây, không phải chỉ vì cái trách-nhiệm của tôi về việc y-trị nàng mà thôi, và đó là cả một tấm lòng chân thành của tôi vậy. Quả thiệt tình, Bạch-Tần có một năng lực kỳ diệu để chế ngự tất cả những người thân cận của nàng. Mỗi cái vui, cái buồn, cái giận dữ của nàng, đều ảnh hưởng một cách mãnh liệt vào tâm tình của người chúng tôi. Đứng trước mặt nàng, chúng tôi cơ hồ trở thành một thứ máy móc, hoặc một thứ nhạc khí, vì nàng có một ma lực của một nghệ thuật gia có đại tài, nàng có thể làm cho chúng tôi phải diên đảo phục tùng, và tùy theo tình tự của nàng mà biến hóa cả tính tình, lẫn sinh mệnh. Tôi đoán quyết rằng cái

ma lực đó đã do tổ mẫu của nàng di truyền lại, vì, theo lời của thân mẫu của nàng, tổ mẫu nàng có một sinh-mệnh-lực cực kỳ là phong phú. Ngay ở trên bức họa tượng của cụ, treo ở khách sảnh, cái ma lực đó đã biểu lộ ra một cách vô cùng rõ rệt; nó chính là cái sức mạnh huyền diệu mà những vị giáo chủ dùng để chiêu thu các tín đồ, hoặc các viên thống súy dùng để chi phối những đội quân bàng đại, hoặc các nhà lãnh đạo dùng để chiêu mộ những chiến sĩ cách mệnh. Do cái định luật của di truyền tính, bao nhiêu sức sống mãnh liệt, bao nhiêu nghị lực tiềm tàng trong dòng máu của họ Thê-tư-lăng, nay lại được trung đúc vào hoạt lực của Bạch-Tần, để phát tiết ra. Cũng vì vậy mà, ở quán rượu Mân-côi, Bạch-Tần nghiêm nhiên áp đảo được cả một bày bạn, nam, nữ; họ vui lòng, đẹp ý, để cho nàng chỉ huy. Ấy cũng lại vì thế mà, Hải-lan và tôi, chúng tôi lấy làm một sự quang vinh, mỗi khi thi thố được một sự hy sinh gì đối với nàng. Như vậy, có phải là cả một cái gì quá phận không?

Nhưng, có một điều mà Hải-lan và tôi không hề ý hội tới, là hai chúng tôi đã yêu nhau một

cách tha thiết. Trước mặt Bạch-Tần, hình như chúng tôi đã bị cái uy lực của nàng khống chế hẳn tinh thần, nân chúng tôi cơ hồ như đã trở thành ma mịc và không còn có tri giác nữa. Chỉ những khi vắng mặt nàng, thì những sợi dây của những câu đàn lòng chúng tôi, mới lại rung lên, để hòa nhịp, tấu lên khúc điệu "yêu đương". Lúc ấy, chúng tôi mới lại ý thức được nỗi lòng của chúng tôi.

Càng suy nghĩ, tôi càng thấy uất hận với cái con người cường ngạnh ấy! Nếu Bạch-Tần nhận ra rõ sự thắng-lợi về tinh-thần của nàng đối với sự đồi-nhược của chúng tôi, thì, thế-tất, chúng tôi sẽ bị nàng coi rẻ như một thứ đồ chơi trong tay nàng. Nghĩ tới đó, tôi không thể không run sợ cho tương-lai của

hai đứa chúng tôi. Không, muốn ra sao thì ra, tôi quyết - định phải lòi Hải-lan của tôi ra khỏi nơi hang hãm, nọc rắn này. Chúng tôi phải chạy xa cái áp-lực ma-quái này, thì mới mong thành-tựu được cuộc trăm năm vương-tròn của chúng tôi.

Bồng đầu, có tiếng máy và tiếng bánh xe lăn trên sỏi, vọng vào trong phòng. Tôi bừng tỉnh. Tôi có cái cảm - giác, tất cả những việc tôi nhằm tính trong mộng-ảo, đương bị những chiếc bánh xe kia đè tan, và nghiền nát nhấu cả.

Ngoài kia, trời đã hửng sáng.

Tiếng mưa vẫn từng hồi, ròn-rập, tấp vào mái nhà. Tôi gục đầu vào chiếc gối và ngủ thiếp đi, lúc nào, không biết.

(Còn tiếp)

★ DANH NGÔN

Thì giờ người ta dùng để bàn phiếm đủ cho người ta đọc mỗi ngày một quyển sách.

FRAGNET

CHINH PHỤ NGÂM

(tiếp theo P.T. số 29)

ĐIỂM 2

Nàng chinh phụ với chữ hiếu

Về chữ hiếu, nàng Mạnh-Khương ngỏ :

Mẹ già phơ phất mái sương
(C. 155)

Nàng đối với mẹ chồng như một người con gái hơn là một người con dâu. Ngay từ khi mới về, nhất là từ buổi chồng đi xa, nàng lấy tình thảo hiếu mà cư xử với mẹ chồng. Hai tiếng « mẹ già » thốt từ trong đáy tim nàng dạt dào niềm yêu mến.

Như thế, cảnh xung đột giữa mẹ chồng với nàng dâu theo lệ thường làm sao mà xảy ra được ? Câu tục ngữ :

Mấy đời bánh đúc lòng phồng ?

★ VŨ-ĐỨC-TRINH

Mấy thuở mẹ chồng có quý con dâu ?

hoặc những tiếng :

*Bỏ chồng như lông chim phượng,
Mẹ chồng như tượng mới tạc,
Nàng dâu là bả nghe chửi.*

không thể áp-dụng vào hoàn-cảnh mẹ chàng Phạm-Thực với nàng Mạnh-Khương. Hẳn bà nghĩ :

*Dâu hiền hơn con gái,
Rẻ hiền hơn con trai.*

Tuy dạ thảo hiếu của nàng Mạnh-Khương yên ủi mẹ chồng nhiều lắm, song bà vẫn chẳng người niệm nhớ con trai của mình. Thông cảm với bà trong niềm nhớ nhung kia, nàng viết :

Lòng lão thân buồn, khi tựa cửa.
(C. 157)

Mẹ chàng Phạm-Thực có cử

chỉ giống mẹ chàng Vương-Tôn Giả. Cuốn *Thành Ngữ Khảo* của ông Khâu-quỳnh-Sơn đời nhà Minh (1368-1644), có nói về mẹ chàng: 慈母望子, 倚門倚闥. Từ mẫu vọng tử, ý môn ý lư: « Mẹ hiền trông con, tựa cửa tựa cổng. ».

Nguyên chàng Vương-Tôn Giả, đạo mới lên 15, đã gặp buổi nước mình sa vào cảnh loạn ly khốn đốn. Nước Tề thời Chiến Quốc (403-221) bị nước Yên xâm lăng, rất nguy ngập. Chàng xin phép mẹ ra giúp nước. Bà bịn rịn, vương váu, khuyên con đừng đi, bởi lẽ bà chỉ có mỗi mình chàng. Nếu chàng ra đi, bà sẽ cùng ai vui vầy sớm tối? Về sau, chàng nài nẵng: « Phận này con đi không phải để làm quan, nhưng để cứu nước. Con phải tạm gác chữ hiếu vì chữ trung » Nghe vậy, bà mới bằng lòng để con đi. Chàng lặn lội đến đất Cũ, tòng quân giúp vua nước Tề, và gây dựng lại nền tảng kháng chiến. Rất uổng, trong hôm phục quốc thiếu mặt chàng, vì chàng đã bị trận vong!

Chàng Phạm-Thực cũng vì chữ trung mà hy sinh chữ hiếu, song có phúc hơn, bởi

đã có nàng Mạnh-Khương thay thế chàng mà phụng dưỡng mẹ, để chồng yên chí trong việc phụng sự quốc gia, nàng nói rõ: *Ngọt bùi, thiệp đờ hiếu nam;*

Dạy con đèn sách, thiệp làm phụ thân
(C.c. 159-160)

Tự lúc về với chồng, nàng Mạnh-Khương vốn làm tròn phận sự của người con dâu hiếu thảo. Khi chồng vắng mặt, nàng kèm thêm cả nghĩa vụ của người con trai hiếu thảo nữa.

Nàng chịu khó giã gạo, quay tơ, để kiếm tiền mua cho mẹ những món ăn vừa ngon vừa bổ, nào các thức ăn ngọt như quả, rau, nào các thức ăn bùi như sơn hào, hải vị. Nhiều đồ ăn quý báu hoặc lấy ở trên rừng như báo thai, hùng chưởng, hoặc lấy ở dưới bể như cửu khổng, bào ngư, nàng khéo nấu xào, biến chế vừa miệng mẹ chồng, để bà ăn được nhiều mà dưỡng thân cho mạnh khỏe.

Hơn nữa, nàng vốn xử với con như người mẹ hiền. Trong lúc chồng đi vắng, nàng kèm luôn cả phận sự làm cha. Nàng dạy dỗ con với « thanh đấng », với « hoàng quyền ». Ban ngày

làm lụng, ban đêm thắp ngọn đèn dầu lạc bật tia sáng xanh leo lét, mở quyển sách bìa vàng, để dạy con. Biết đầu nàng không quen nhủ con, theo lời bài thơ « Khuyến Học » của cổ nhân rằng:

三更短火五更雞;
正是男兒立志時。

黑髮不知勤學早,
老來方悔讀書遲。

Tam canh đàng hỏa, ngũ canh kê;
Chính thị nam nhi lập chí thì.

Hắc phát bất tri cần học tảo,
Lão lai phương hối độc thư trì.

« Canh ba còn đốt đèn sáng,
canh năm gà gáy đã dậy rồi.

Đó là thời kỳ của người con trai lập chí.

Nếu thuở tóc đen không biết chăm học cho sớm,

Thời lúc già nua mới phàn nàn rằng đọc sách trễ ».

ĐIỂM 3

Nàng chinh phụ với chữ tiết

Về chữ tiết, nàng Mạnh-Khương kể:

*Đưa chồng, lòng dằng dặc buồn;
Bỏ, khôn bằng ngựa; thủy, khôn bằng thuyền.* (C.c. 28-29)

Dẫu nàng mạnh bạo, can đảm, cố nuốt lệ, tiến chân chông, nhưng vẫn không ngăn nổi sóng sầu đang cuộn cuộn dâng lên ở trong tâm hồn quạnh quẽ. Lúc ấy phải chăng nàng có tâm tình buồn rười rượi giống như tâm tình của nhân vật trong bài « Biệt Phú » ông Giang-Yêm:

Xuân thảo bích sắc, xuân thủy lục ba;

Tống quân nam phố, thương như chi hà?

« Cỏ xuân có màu biếc, nước xuân có sóng xanh.

Đưa chàng tới bến nước ở mạn nam, tình sầu nào như thế này biết tính sao? »

Nàng Mạnh-Khương muốn kéo dài thời gian trước khi chia rẽ. Chồng thấy đường bộ, nàng tiếc không được như ngựa để đi chậm hơn. Song, nếu chàng xuống đường thủy, nàng lại tiếc không được như thuyền để trôi chậm hơn. Hai thứ ấy còn ở với chàng suốt quãng đường thiên-lý, đến như nàng, chỉ theo chàng được một khúc thôi, mà theo cách buồn bã.

Bốn câu khác trong bài «Biệt Phú» kia tưởng như tả rõ tâm hồn nàng mong ước:

舟凝滯於水滸，
車遠遲於山側，
掉容與而詎前，
馬寒鳴而不息

Chu ngưng trệ ở thủy tâu,
Xe ùy trì ở sơn trắc,
Trạo dung dữ nhi cự tiền,
Mã hàn minh nhi bất tức,

«Chiếc thuyền ứ đọng trong bến nước,

Cỗ xe trễ nải ở sườn đồi,
Mái chèo uể-oải mà không tiến,
Con ngựa hí lạnh, vẫn không thôi.»

Tình vẫn vương, quyến luyến của người ở lại gây ảnh hưởng đến người ra đi, và cả đến thuyền, đến xe, đến chèo, đến ngựa, làm cho phút khởi hành cứ lơ lửng mãi.

Tuy nhiên, dù chuyến chồng đi có trùng trình chẵng nữa, rốt cuộc, nàng Mạnh Khương vẫn không tránh khỏi bước chia phôi. Trong khoảng thời gian vắng chồng, nàng vốn một mực bền gan trung thành giữ tiết. Hàng ngày nàng ngóng đợi tin, không nản. Mỗi khi biết ai ở phía Bắc về, nàng cũng xoắn-

xuýt hỏi thăm. Nàng thuật :
*Thấy nhàn, luồng tường thư phong,
Nghe sương, luồng sấm áo bông
sấm sảng. (C.c. 179—180)*

Thấy chim nhạn bay, nàng tưởng chừng nó đưa thư của chồng đến.

Đời nhà Tây Hán (206—25), ông Tô Vũ đi sứ sang nước Hung-Nô. Vì ông nói lầm câu bắt bình nên Hung-Nô giận, đày ông lên Bắc Hải, chẵn dè 19 năm ửu đọa. Lúc chiến tranh xong, và Hung-Nô đã làm hòa với vua Hán, thì vua đòi trả Tô-Vũ. Hung-Nô bảo chết rồi. Ông Thương-Huệ là mưu thần, dặn sứ sang thưa với Hung-Nô: Tô-Vũ chẵn dè tại miền Bắc Hải, vì không thể thông tin về xứ, nên mới bắt con chim nhạn, xé áo lụa trắng, viết một lá thư, buộc vào chân nó, rồi thả nó bay đi. Vua Hán vào vườn Thượng-Uyển, thấy nó, và bắt được. Cởi miếng lụa ở chân nó, vua thấy chữ Tô-Vũ viết, báo tin đang ở Mộ-Trạch. Hung-Nô mắc mưu, tưởng thật liền trả Tô-Vũ về xứ Hán.

Nàng chinh phụ, lúc nghe tiếng chim nhạn kêu sương, liền nghĩ đến chàng chinh phụ, và

may áo bông gửi cho chàng.

Trong đời nhà Đường (618-907), cô Trần-ngọc-Lan có chồng Vương-Giá đi thú ở biên thùy. Một buổi mùa thu, khi nghe thấy chim nhạn kêu sương, bay từ phía bắc về, cô sực nhớ đến chồng đang bị lạnh giữa luồng hơi thu, liền may áo bông gửi cho chàng. Luôn thể, cô đính một bài thơ :

夫在邊關，妾在吳；
西風吹妾，妾思夫。
一行書寄千行淚；
寒到君邊，書到無？

Phu tại biên quan, thiếp tại Ngô;
Tây phong xuy thiếp, thiếp tư phu.

Nhất hàng thư ký thiên hàng lệ;
Hàn đáo quân biên, thư đáo vô?
«Chàng ở biên thùy, thiếp ở đất Ngô-Việt (Giang-Nam);

Gió tây thổi vào thiếp, thiếp nhớ nhưng chàng.

Một giòng thư gửi nghìn giòng nước mắt;

Hơi lạnh đến bên chàng, thư có đến hay không ? »

Cô Trần-ngọc-Lan nhét bài thơ vào giữa hai lần áo, rồi may lại. Chồng cô nhận được áo và thơ. Chàng đọc thơ và cho mấy bạn chiến sĩ cùng đọc. Ai ai cũng trạnh tưởng đến vợ mình và đều sa nước mắt, nhất là chồng kẻ viết bài thơ. Bài này được truyền tụng tới mãi Trường-An, kinh đô nhà Đường. Vua cảm động, vì nhận thấy niềm tiếc hạnh thấu vào các lời thơ. Bởi thế, vua ban đặc ân cho chàng Vương-Giá về sum họp với vợ.

(Còn nữa)



CÁO LỖI

Vì bạn THIẾU-SƠN bị bệnh, nên thiên hồi ký «MỘT ĐỜI NGƯỜI» phải tạm gác lại vài kỳ.

Vậy chúng tôi xin cáo lỗi cùng quý bạn đọc, và xin hẹn sẽ tiếp tục vào ngày gần đây.

Phổ Thông

Mình Ồi !

tại sao có
động đất ?

★ ĐIỀU-HUYỀN

ÔNG Tú đang ngồi ngâm nước trong bồn tắm, bỗng dung bà Tú xô cửa chạy vào, tay cầm tờ báo, hoảng hốt la lên :

— Mình ơi, động-đất gì ở bên xứ Maroc mà có đến hàng 6000 người chết quá xá vậy, hả Minh ?

— Ủ, thì... động-đất ở Maroc có 6000 người chết, quá xá chứ sao ?

— Động-đất là gì ? Tại sao lại động-đất ? Có phải tại Pháp cho nổ trái bom nguyên-tử ở giữa Sa-mạc Sahara như báo Ai-cập nói đó, phải không Minh ?

— Không phải đâu. Bom nguyên-tử nổ thì động trời, chứ động-đất thế nào được. Động-đất là động từ ở dưới cái lớp vỏ quả-đất, chứ bộ !

— Tại sao có động-đất, hả Minh ?

MÌNH ƠI !

— Mình tưởng Quả-đất của chúng ta ở đây là một vật gì chắc-chắn lắm sao ? Nguyên-thủy nó là một khối lửa từ nơi Mặt Trời tách ra rồi quay tròn, trước đây có ba nghìn triệu năm. Nó nguội dần dần và thành hình tròn như bây giờ mới một nghìn triệu năm nay thôi. Rồi trải qua bốn thời-kỳ biến - chuyển, bốn giai-đoạn : primaire, secondaire, tertiaire, quaternarie, cho đến bây giờ sau ba nghìn triệu năm mà cái thề-chất và cấu-tạo của nó vẫn chưa thật là bền-vững. Phần thì ở trong tim đất hãy còn có lửa, cả trong khối đất lại có nước và có nhiều lớp kim-khí và các chất khác chồng-chất lẫn nhau lớp này lớp nọ, cho nên Quả-đất tuy đã thành một hành-tinh già khú-đế rồi, đã biết xoay đều đều từ một nghìn triệu năm chung quanh Mặt Trời, nhưng thỉnh-thoảng nó vẫn rung mình một cái, nó có những chuyển-động thỉnh-linh có thể làm đảo-lộn một địa-diềm nào đó.

— Tại sao nó lại chuyển-động thỉnh-linh như thế ?

— Tại nhiều nguyên-do về địa chất, bởi cái cấu-tạo của nó phức tạp vô-cùng chứ không phải đồng chất như anh vừa nói. Một

vài hiện-tượng thông-thường nhất mà chúng ta vẫn thấy, như nước sôi từ dưới đất phun lên, núi lửa khạc ra, sóng thần nổi dậy (Raz-de-Marée), v.v... đều do những chuyển-động ngầm từ các lớp dưới đất, dưới biển, biến thành, và trôi lên mặt đất hay mặt biển. Động-Đất cũng thế. Nó từ một diềm chấn-địa, gọi là épícentre, phát-động bất ngờ, làm rung-rinh một địa-diềm nào đó, trong một chu-vi rộng hay hẹp, và có thể làm đảo lộn các vật ở trên địa diềm đó. Năm 1937 vào khoảng tháng 8, hồi 10 giờ đêm ở Hà-nô-i cũng có động đất. Nhưng chỉ có một phân - số giây đồng - hồ thôi. Thành - phố đang yên tĩnh, bỗng mọi người đều thấy nhà cửa, bàn ghế, giường nằm v.v... bỗng dựng hơi nghiêng qua một tý, rồi nghiêng lại một tý rồi hết. Đó là động-đất nhỏ, không đáng kể, và không gây thiệt-hại chi cả. Còn trận động-đất vừa rồi ở Thành-phố Agadir xứ Maroc. là mặt đất ở chỗ đó nghiêng quá mạnh, cho nên nhà cửa mất thăng-bằng, bị sụp đổ.

— Từ xưa đến nay, trên Địa-Cầu đã có nhiều trận động đất như thế không, hả Minh ?

— Nhiều lắm. Trước hết,

Mình nên biết rằng có ba thứ động đất : hoặc là động về bình-diện (trên bề ngang mặt đất), hoặc là động về bề đứng (từ dưới đất động thẳng lên), hoặc là động như gợn sóng (ondulatoire). Loại động đất như gợn sóng này là nguy hiểm hơn cả, có khi nó làm nhào lộn cả một vùng rộng lớn, không để một vật gì còn yên trên mặt đất cả.

— Mình kể những trận động đất nào lớn nhất trong lịch sử. Quả đất từ xưa đến nay, cho em nghe !

— Trận động đất kinh khủng nhất lần đầu tiên xảy ra năm **526** trên bờ biển *Địa Trung Hải*, làm **200.000** người chết. Trận động đất năm **1693**, trên đảo *Sicile* (Ý) làm **60.000** người chết. Thành-phố *Lisbonne*, ở Bồ-Đào-Nha bị động đất tháng 11 năm **1755** : **40.000** người chết. Ở *Quito*, Cộng-hòa *Equateur*, (Nam Mỹ) năm **1797** : **40.000** người chết. Ở *Pointe-à-Pitre*, trên đảo *Guadeloupe* thuộc Pháp, năm **1843** : cả thành phố sụp hết, **50.000** người chết. Năm **1902**, tại kinh-đô *Saint Pierre* Đảo *Martinique* thuộc Pháp : **28.000** người chết. Năm **1904**,

tại *Calabre* (Ý) : **35.000** người chết. Năm **1906**, tại *San Francisco* (Mỹ) : **10.000** người chết, **23.000** cái nhà đổ nát tan-tành. Cả những thành-phố lớn *Oakland*, *Los Angeles*, và *Hollywood*, kinh - đô xi-nê ở gần đó, cũng bị trên **10.000** cái nhà sụp đổ, **5.000** người chết.

Cũng năm **1906**, nhiều thành-phố của xứ *Chili*, như *Santiago*, *Valparaiso*, bị động - đất, con số thiệt-hại không kể xiết. Năm **1908**, tại *Messine* (Ý), **1909** tại *Côte d'Azur* (Pháp), **1917** tại *Guatemala* (Trung - Mỹ), **1920** tại *Kan-Sou* (Nhật). Các trận kinh-khủng không thể tưởng-tượng được là ở Nhật : Ngày 1 tháng 9 năm **1923**, tại *Tokyo*, *Yokohama*, và nhiều thành-phố khác cũng trong ngày đó : **142.900** người chết và mất tích dưới các đồng gạch vôi không tìm ra được, **103.733** người bị thương, **576.262** cái nhà bị sụp đổ. Chỉ có những nhà xây bằng xi-măng cốt sắt thì còn đứng-vững. Tháng 1 năm 1939, tại *Chili* (Nam Mỹ) bốn thành-phố *Chillan*, *Linares*, *Canquenes*, *Talca*, đều bị điều-tàn hết : **25.000** người chết, **100.000** người bị thương.

— Động đất có lâu không mà bị thiệt hại quá xá thế, hả Minh ?

— Có nơi bị động đất trong một tích-tắc đồng-hồ, như ở *Hà-Nội* năm **1937**, thì không sao, nhưng có nơi động đất luôn hàng mấy tháng. Ở Việt-Nam ta từ xưa đến nay, nhờ Trời, chưa lần nào bị thiệt-hại về động đất. Nhưng ở Nhật - Bản thì có thể nói là bị thường xuyên. Ông Thần Đất ở xứ *Phù-Tang* như là bị sốt-rét thâm-niên, mỗi lần Thần-Đất sốt là ông run lên, ông nhún mình một cái thế là bao nhiêu nhà cửa đổ rụp-rụp hết ! Xứ *Pérou* và xứ *Chili* cũng thế. Năm **1883**, thành-phố *Casamissiola* bị động-đất có **16 phút** mà cả thành-phố rớt sụp xuống không còn một bức tường. Năm **1923**, kinh-thành *Tokyo* của Nhật bị động đất chỉ có **1 phút** thôi mà không còn một cái nhà gạch hay nhà gỗ nào đứng vững ! Mình xem có ghê không !

— Kinh khủng ! Kinh khủng !
 ● — Mình biết không, hồi động đất ở *Calabre* (Ý) năm **1783**, đất bị nứt ra một đường bề rộng đến **10 mét**, thành như một cái hố, dài đến **2 ki-lô-mét** ! Có khi đất nứt bắn tung lên thật cao, rồi đổ xuống thành những cái gò, như

cnộc động đất ở cửa sông *Indus* (Ấn-Độ) năm **1819**, và ở Nhật năm **1855**, trên đảo *Nippon*.

— Sao lạ thế nhỉ ?

— Thế còn ít đấy ! Năm **1891**, cũng ở Nhật, trong hồi động đất, đất bị nứt ra thành một cái hố dài **112 ki-lô-mét**, và đất dưới cái hố đó tung lên trời cao **6 mét**. Đôi khi, từ dưới đường nứt tung lên không những chỉ là đất mà thôi, lại còn cả lửa, hơi nước, cả bùn, cả cát và nước nữa. Thế mới là lạ chớ.

— Có lần nào động đất cả một vùng rộng lớn, cả một xứ không, Minh ?

— Có chớ ! Có khi đất chỉ động tại một địa-phương nhỏ hẹp thôi. Có khi đất rung chuyển, chấn-động cả một xứ, hoặc nhiều xứ. Trận động - đất ở *Agadir* hôm, 1 tháng 3 vừa qua, do chỗ chấn - địa (Epicentre) gần thành phố ấy và theo bề đứng (à la verticale) cho nên chỉ xảy ra trong chu-vi của địa-phương ấy thôi, không lan rộng ra nữa. Trái lại, trận động-đất ở *Chili* hồi tháng 1 năm **1939**, làm chấn-động cả một xứ ấy, và chuyển qua xứ *Brazil* và *Argentine*. Có điều nhận xét này là xứ nào có nhiều núi

đá, thì động-đất chuyển đi mau lẹ và xa. Còn xứ nào có nhiều cát, như ở nơi Sa-mạc, thì đất bị động cũng không chuyển đi xa được, bị đất cát ngăn cản. Nơi các bờ biển, mỗi lần động - đất, là sóng biển nổi lên ào-ạt, rồi rút xuống thật lẹ, rồi lại nổi lên âm-âm, như thềm mặt biển bị nghiêng-ngã chong-chênh vậy.

— Mình ơi !

— Hử ?

— Như vậy thì thành phố *Agadir* chắc bị tiêu-tan hết chớ gì, hả Minh ?

— Mình xem, 80 phần trăm nhà cửa sụp đổ. 18.000 người chết trong một thành phố mà dân số chỉ có 2.2.000 người, thì còn gì nữa !

— *Agadir* của Maroc mà ở chỗ nào, Minh ?

— Nó là một hải - cảng nhỏ, cũng như Vũng - Tàu của Việt-nam, ở ngay cửa sông Oued Sous, một con sông nhỏ. Bây giờ thì gần như bình địa. Nó bị trận động-đất này lần đầu tiên và có lẽ cũng là những ngày cuối cùng của nó, vì hình như để tránh bệnh dịch chuột, (đĩ nhiên là chuột chết vô số kể, và chuột chết nhiều dưới ánh nắng

nóng bức của Bắc Phi thì chắc chắn là bệnh dịch chuột sẽ bùng ra dễ-dàng) hình như người ta định lấp hết những xác chết, rồi bỏ *Agadir* đã bị tàn phá để đi xây dựng một *Agadir* mới, nơi một vùng cách đó chừng 40 ki-lô-mét.

— Mình ơi, Thế-kỷ 20 này còn chỗ nào bị động - đất nữa không ?

— Còn. Cứ kể từ sau trận Thế giới chiến-tranh thứ hai, thì năm 1945, tháng 11. động-đất ở *Conchucas* (Pérou, Nam - Mỹ) : 6000 người chết, trên 2000 cái nhà sụp đổ.

1948, tháng 6 ở *Fuki* (Nhật). 5000 người chết, 3000 cái nhà đổ.

1949, tháng 8. tại *Equateur* (Nam-Mỹ): 10.000 người chết.

1950. tháng 8 tại *Ấn-Độ*, 5000 người chết.

1953, tháng 3, tại *Hy-Lạp* 10.000 người chết và bị thương.

1954, 55, 56, 57, 58, năm nào cũng có động đất, ở *Bắc-Phi, Liban, Iran, Irak, Pérou, Chili...*

— Thế ra loài người ở trên Trái Đất này không có gì yên ổn và vững chắc cả, Minh nhỉ ! Nào

là bệnh dịch chuột, bệnh dịch-tả, bệnh ho lao, bệnh ung-thư, rồi nào là trận bão, trận lụt, trận núi lửa, trận động - đất, trận chiến-tranh, khí giới nguyên-tử, bom A, bom H... Ô, chán quá ! Chán quá !

— Anh biết vậy cho nên anh không thích sống trên Trái đất này đâu, Minh ơi !... Nếu không có Minh đẹp, Minh duyên dáng, Minh yêu, thì chắc là anh đã chết rồi. Chết lâu rồi.

Bà Tú trẻ môi, cười :

— Nói vậy, nếu bây giờ em chết, chắc Minh cũng chết theo em chớ gì ?

— Cái đó thì chắc chắn rồi.

— Xi ! Thôi đi, cậu Cà. Em mà chết thì cậu cả chạy theo cô à khác liền, chớ đừng có nói dối ! Minh liệu nghe, lỡ em có chết trước, Minh còn sống mà đeo theo với cô nào thì... thì em làm cho động đất, động trời, cho nhà đổ vách xiêu, cho Minh và cô đó chết không kịp thở như ở *Agadir* vậy đó, Minh nghe hôn ?

Bà Tú cười hả hả, đóng cửa phòng tắm để cho ông Tú tắm..

Diệu Huyền

ĐÍNH CHÍNH

Trong P. T. số 29, nơi mục « *Mình ơi* » về giải thưởng Nobel, ở trang 113, năm 1947 xin đọc : *Văn-ĩ ANDRÉ GIDE.*

Còn *Văn-ĩ ALBERT CAMUS*, xin ghi vào năm 1957 — (trong báo sắp lộn ra 1947).

Bài « những áng thơ hay » trang 42, đề bài thơ của Thanh-Tĩnh là « *Mồn Mõi* » mà thơ nhà in đã để sót. Nhờ Bạn đọc sửa lại giùm. Đa tạ.

P. T.

ĐÃ PHÁT HÀNH

VĂN-HÓA Á-CHÂU

số 23 và 24 — tháng 2 và 3 — 1960.

VỚI NHỮNG BÀI ĐẶC-SẮC — 136 trang Giá : 20\$

Có bán tại các hiệu sách trong nước và Trụ sở Hội Văn-Hóa Á-Châu số 201 đường Lê-văn-Duyệt Saigon — Tél. 24.655

người Tàu đúc tượng

MÃ - VIỆN đập lên lưng

người GIAO - CHỈ

* TRẦN-HỮU-TU

Chuyện này ít người biết. Đến cả lịch-sử của tru đồng và câu «**Đồng trụ chiết, Giao - chỉ diệt**», cũng ít có sách nói xác-đáng.

Nay nhân trong kỷ kỷ-niệm Hai Bà Trưng, chúng tôi xin trích đăng ra đây mấy trang trong quyển sách «**Hải Long Du-Ký**», xuất bản ở Sài Gòn, đã lâu nên ít người biết, của ô. **TRẦN-HỮU-TU**.

Năm 1900, ông Trần-hữu-Dur tổng - sự tại Phòng Thông-ngôn của ô. Belland, Cò nhút tại Sài Gòn, rồi được bổ nhiệm làm Thông-ngôn hữu - thệ (Interprète assermenté) cho ô. Turion, Quan-ba Hàng-hải đường-trưởng (Capitaine aux longs cours) chỉ-huy chiếc tàu **Espadon**. Chiếc tàu này được phái đi tuần bờ biển Vịnh Hạ-Long, Bắc-Việt. Ông Trần-hữu-Dur đi theo làm thông-ngôn, và do đó ông được đi với ông Turion lên Mong Cay và sang làng Đông-Hưng bên Tàu, ở biên-giới Việt-Hoa.

Nhờ cuộc du-lịch này, ông được đi xem đền thờ Mã-Viện, và viết quyển «**Hải Long du-ký**» mà chúng tôi trích một đoạn quan-trọng sau đây về việc Mã-Viện đúc tượng chạ đập lên lưng người Việt-Nam.

N.V.

Mông-cây là tỉnh-lỵ tỉnh Hải-Ninh, có dinh quan Sứ và dinh quan Đạo. Trước mặt Mông-cây có sông Na-lương là con sông chia nước Tàu và nước Việt-Nam ta. Ngang mặt Mông-cây là làng Đông - hưng thuộc tỉnh Quảng-đông. Đông-hưng vui-vẻ, phố-xá nhiều, buôn-bán coi có mời phát-đạt, cảnh vật khá-quan. Nhơn dịp tàu đậu ông Turion dắt quan Giám-đốc và bi-nhon lên viếng quan Sứ và đi luôn qua Đông-hưng chơi. Trước hết ông đưa chúng tôi đến xin phép quan Doanh-trưởng, là quan Tàu cai-trị Đông-hưng, đặng đi quan-sát cảnh vật. Xin phép xong, ông Quan-ba dắt chúng tôi lại xem đền thờ của Mã-Viện. Đền thờ này cất trên một hòn núi con đối diện với hòn Hồ-son bên ta. Vào trong đền thấy tại căn Chánh-diện, trên bàn thờ có cái tượng ngòi lớn bằng đũa trẻ lối 12, 13 tuổi, chơn mặt đập trên lưng tượng đũa nhỏ chừng bằng đũa con nít mới đẻ được vài tháng. Tượng đũa nhỏ này, nằm sắp góc đầu lên và le lười ra. Tượng lớn tay cầm cây đoản gươm lên, một tay nắm tóc cái tượng nhỏ. Trước bàn thờ có treo một tấm hoành thêu bốn chữ : «**Oai trấn Nam-bang**». Tượng không cần cắt

nghĩa, người mình ai xem cái tượng nhỏ cũng biết ngay là đề ám chỉ vào nước Nam ta.

Chúng tôi còn đang đứng xem hình Mã-Viện, ông Turion đi ngay lại ông Từ, dùng tiếng Quảng-đông nói chuyện với ông này rất lâu. Một lát sau bi-nhon hỏi ông Quan-ba nói chi với ông Từ, thì ông thuật lại cho bi-nhon nghe như vậy : cách 18 tháng trước đó, trong lúc ông còn làm Quan-hai trên chiếc tuần-dương-hạm, nhơn một lúc tàu về tập-đượt tại vịnh Hải-long, ông có đến miếu này quan-sát, thấy tượng Mã-Viện và tấm hoành có cái ý nghĩa miệt-thị nước Nam như thế nên ông có yêu cầu ông Từ dẹp tấm hoành đi, ông Từ đã hứa dẹp, nhưng đến ngày nay cũng không dẹp. Ông hỏi tại sao vậy, thì ông Từ nói : «**Đền Mã-Viện ngày nay đã thuộc về Chính-phủ Trung-huê làm chủ ; nếu ông Turion muốn dẹp bỏ tấm hoành thì phải đến xin phép quan Doanh-trưởng mới được**». Nghe vậy, ông Turion, ông Rotily và bi-nhon liền trở lại dinh quan Doanh - trưởng. Đến nơi ông Turion nói với quan Doanh-trưởng như vậy : «**Thưa ngài, tôi nghe nói cái tượng Mã-Viện và tấm hoành đề thờ tại đền Mã-Viện đó,**

là của Mã-Viện tạo ra khi nước Tàu và nước Nam có việc bất hòa với nhau; ngày nay ông Mã-Viện đã đi-tiền mà quý-quốc và nước An-nam đã trở lại thân-thiện với nhau lâu rồi. Nếu Quan-lớn còn để tấm hoành và cái tượng như vậy hoài thì khó coi quá; tôi tưởng Quan-lớn nên vị cái tình lân-bang với nước Annam, là nước của Đại-Pháp bảo-hộ, xuống lệnh dạy dẹp bỏ cái tượng và tấm hoành kia đi, thì chúng tôi cảm ơn Quan-lớn biết dường nào?»

Ông Doanh-trưởng suy - nghĩ một chập, rồi trả lời với ông Turion như vậy: « Miếu Mã-Viện thuộc về ngôi cổ-miếu, để tôi hỏi lại ý kiến của vài ông kỳ-lão tại đây, rồi sẽ cho quý chức hay, đầu thế nào chúng tôi cũng ráng làm vừa ý quý chức».

Ông Turion đề lời cảm ơn trước quan Doanh-trưởng, kể đó chúng tôi xin kiếu xuống tàu. Qua tháng sau chúng tôi trở lại đền Mã-Viện, thấy tượng vẫn còn y như cũ, nhưng tấm hoành đã thay mới, lại có đôi chữ **bang** ra chữ **biên**, thành ra: **Oai trấn Nam biên**.

Thấy ông Turion đọc 4 chữ: « *Oai trấn nam biên* », rồi cười và khen khéo sửa nên bí-nhơn liền hỏi: « Thưa ông Quan-ba, cái

tượng của Mã-Viện đập trên lưng chúng tôi còn đứng y - nguyên tại giữa miếu đó, có sao ngài cười và dường như được thỏa-nguyện?»

Ông Turion. — « Cái tượng Mã-Viện và thẳng bé kia, bất-quá là hai cái tượng bằng gỗ sơn đỏ đen vậy thôi, chớ có quan-hệ gì tới nước Annam. Chúng ta có trách người Tàu được là tại tấm hoành có chữ Nam-bang kia. Ngày nay họ đã sửa chữ bang ra chữ biên rồi thì chúng ta chẳng còn chỗ nào mà trách họ được nữa; bởi vì Nam-bang là nước Nam còn nam-biên là biên-giới phía nam nước Tàu của họ kia mà».

Còn về sự tôi cười là tại lẽ này: « Nguyên khi Mã-Viện dạy khắc 6 chữ: « **ĐỒNG-TRỤ CHIẾT GIAO-CHỈ DIỆT** », vào cây súng đồng cậm tại biên-giới thì va sợ người Giao-chỉ (Annam) không hiểu, nên va có cắt - nghĩa cho người Annam biết rằng; 6 chữ đó, là va nói với người Giao-chỉ, nếu ai nhổ mất trụ-đồng thì va sẽ trở qua giết hết người Giao-chỉ. Vậy mà đến khi người Annam nhổ trụ-đồng của va đem bán cho thợ đúc chuông, (Đây là do theo lời của quan Thái-thú đương lúc ấy, bầm-tầu về cho Mã-Viện hay như vậy) va không trở qua giết hết

người Giao-chỉ mà va lại trả thù bằng cách, tạo ra cái tượng của va đập trên lưng người Giao-chỉ; nhưng ngày nay lại thành ra va đập trên lưng đồng-bào của va. Tôi cười là tại vậy đó».

Đọc chuyện này, những người Nam có trí phán-đoán, chắc ai ai cũng muốn hỏi: Mã-Viện là tay Thượng-trương của nước Đại-Trung-quốc, 400 triệu dân, đâu có đánh thắng nước Nam ta mấy trăm trận cũng chẳng phải là giỏi-giỏi gì, có sao Mã-Viện lại làm ra cái tượng quái-gờ như thế, để khoe-khoang?

Ông Turion nhờ có xem Chính-sử của Tàu nên mới biết rõ nguyên - nhân của cái tượng là như vậy:

Hồi đời Đông Hán, bên Tàu, hơn một buổi bàn-luận quốc-sự, vua QUAN-VŨ nhớ lại chuyện bà TRUNG-TRẮC dấy loạn giết Tô-Định nên liền sai Mã-Viện qua Bắc-Kỳ dẹp loạn. Dẹp xong Mã-Viện về tới biên-giới, muốn dựng một cây trụ đồng để kỷ-niệm cuộc thắng trận của va và cũng để hăm-dọa người Annam luôn thề, nhưng vì đang đi giữa đường làm sao đúc trụ đồng được; bởi vậy Mã-Viện mới bảo lấy một

cây súng đồng, dài lối 1 thước rưỡi, là thứ súng va có đem theo để dẹp loạn, giữa bằng mặt một khoản gần trên đầu súng và chạm vào 6 chữ: Đồng trụ chiết, Giao-chỉ diệt; đoạn va bảo thợ lấy một viên đá lớn, đục một cái lỗ rồi cậm cây súng đồng vào. Nhưng vì súng vẫn quá, không thể để ngay tại mặt đất được, nên Mã-Viện phải bắt quân lính, vác đá chất thành một đồng lớn, cao có hơn 3 thước, đoạn va dạy đem cây súng để lên trên đầu đồng đá đó. Kể vài tháng sau bị bọn dư-đảng của hai bà Trưng nhổ súng liệng mất.

Đến chùng Mã-Viện hay chuyện như vậy, va tức giận quá, quyết lòng trả thù, nên mới bảo thợ tạo ra cái tượng ghê-gớm và tấm hoành thị-oai như thế kia, để thay cho cây trụ đồng, đặng diêm-nhục nước Việt-Nam ta đó.

Có lẽ sau khi cây súng đồng bị nhổ liệng mất, rồi có người đến biên-giới không thấy trụ đồng, chỉ thấy đồng đá cao lớn kia thì họ tưởng cây trụ đồng đã bị đồng đá chôn mất. Từ đó về sau họ đồn ra mãi, thế là cái tin cây trụ đồng bị chôn mất, được cả thầy người Việt-Nam đều công-nhận; bởi vậy lâu nay kể đến chuyện trụ-

đồng của Mã-Viện, thì người mình đều quả-quyết rằng : nó đã bị đá của đồng-bào chúng ta đến biên-giới lượm liệng vào nên đã lấp mất rồi.

Ông Turion nói : « Chỗ cấm trụ đồng là nơi núi non vắng-vẻ, có ai đi đến đó làm gì mà lượm đá liệng vào cho đến nỗi lấp mất trụ đồng được ; đã vậy mà lúc bấy giờ người Annam đương oán-thù Mã-Viện dữ lắm, thì có ai dại gì lại lượm đá liệng vào đặng bảo-tồn cho cây trụ đồng của va, có cái ý nghĩa diêm-nhục nước mình ? »

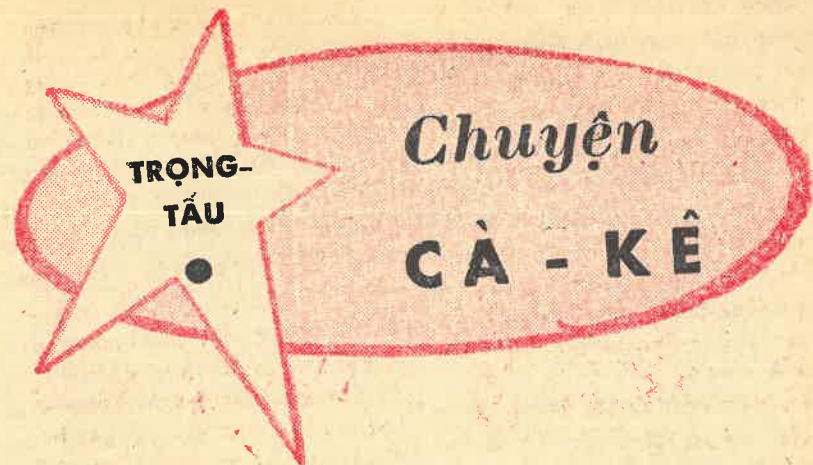
Tại miếu Mã-Viện còn một chuyện lạ này, xin thuật luôn ra đây để các bạn đọc chơi giải-buồn. Nguyên khi xem-xét phía trước miếu rồi, bi-nhơn nhìn ra phía sau vách, đầu lưng với tượng Mã-tướng-quân, thấy có cái bàn thờ một bức họa hình người đàn-bà rất xinh-xắn. Ban đầu bi-nhơn tưởng là hình bà Quan-âm, đến chừng lại gần nhìn kỹ, té ra không phải. Cây ông Turion hỏi, ông Từ trả lời rằng : « Bức hình đó là hình nàng Đất-Kỷ, ấy là một bức họa gia-bửu, đã lưu-truyền nhiều đời trong thân-tộc của một bà Mạn-phụ hồi Thanh-triều, hiện giờ bà cũng ở tại Đông-hưng này. Không rõ tại sao mấy lúc nay, tấm hình Đất-Kỷ đó dường như hóa ra linh-ứng. Hễ ai muốn thấy nàng thì nhang đèn cầu-xin, ắt sẽ

chiêm-bao thấy nàng về nói chuyện với mình rất vui-vẻ, còn ai vô-lễ nói xúc-phạm khinh-khi thì nàng về la rầy dữ lắm. Bởi có việc lạ như vậy, bà Mạn-phụ mới đem bức hình Đất-Kỷ cúng vào chùa, nên tôi mới đề thờ tại đó ».

Như vậy bi-nhơn rất mừng, vì muốn gặp cho được Đất-Kỷ, dầu nàng có rầy la bao nhiêu cũng không sao, nên bi-nhơn mua nhang đèn đốt lên và lấy giấy viết vào một câu : « Vong-thương tôi chết đã đành, còn khoe nghiêng nước nghiêng thành với ai ? » Đoạn bi-nhơn đem dán lên lu-hương thờ Đất-Kỷ, nhưng sợ nàng không hiểu tiếng Annam, bi-nhơn bèn cây ông Turion cắt-nghĩa ra tiếng Quảng-đông. Kể đó chúng tôi nhờ một đứa bạn làm đèn gội cho ông Từ dắt tới nhà bà Mạn-phụ, hỏi thăm về sự linh-ứng của bức họa-hình Đất-Kỷ, thì bà cũng nói y như lời ông Từ đã thuật cho chúng tôi nghe.

Nhơn thấy bà Mạn-phụ và mấy người phụ-nữ ở nhà bà đều bó cẳng nhỏ xíu. Bi-nhơn hỏi họ bó cẳng chi vậy, ông Turion trả lời : « Đặng cho họ đừng chạy được ».

Từ già bà Mạn-phụ chúng tôi thả dong chơi một lát rồi xuống tàu. Tối đi ngủ, bi-nhơn vẫn tin chắc sẽ gặp Đất-Kỷ về rầy lung ; nhưng ngủ tới sáng bết, chuông dưới tàu đã kêu dưng diêm-tâm, mà bi-nhơn chẳng thấy ma nào về rầy la chi cả.



★ TẾT CHUỘT



Ở bên Pháp, và ở thời Trung Cổ, tại các vùng quê, không ai dám giết chuột cả, vì người ta cho rằng họ hàng nhà Tí là « kẻ » đầu tiên tới máng cỏ chứng kiến « Chúa Giáng-Sinh ».

Sau ngày lễ NÔ-EN, người ta cử hành Tết chuột. Người ta bày sẵn sơn hào hải vị ở khắp các kho thóc, rồi để mặc tình cho các chú chuột « chè chén » với nhau.

Nhưng, sau này, khi biết rõ

sự thật, thì chuột bị tiêu diệt thẳng tzy. Sự thật như vậy :

— Thừa ấy, số người biết chữ rất ít, nên những câu chuyện thánh đều do các thầy tu truyền khẩu lại cho dân gian. Người ta nghe kể có một « rat » (chuột) tới lễ tại Bethléem. Sự thực chữ đó viết khác và có nghĩa khác : « Ras » là một tước vị của giáo-sĩ Hoàng Đế Gaspar từ Ethio-pic tới.

Một sự lầm lạc về hai tiếng động âm : Rat, và Ras !

★ HOÀNG - KIM THỜI

« Hoàng kim thời đại »

(*Age d'or*) không có nghĩa là « thời đại mà con người chỉ biết sống vì vàng », như nhiều người lầm tưởng. Nó có nghĩa là thời đại thái bình thịnh trị đúng theo lý - tưởng — Thời đại ấy có thể có được, nên tất cả mọi người đều như VƯƠNG - DI - PHỦ trong câu truyện « *A Đô* ».

« *A Đô* » có nghĩa là « cái ấy ». Thừa xưa, VƯƠNG - DI - PHỦ rất ghét tiền và luôn luôn kiêng nói đến chữ « Tiền ». Một hôm, nhân thấy Vương đang ngủ say, bà vợ muốn thử chồng, bèn cho đầy tớ chắt vàng xung quanh giường ông nằm; khi tỉnh dậy, Di-Phủ không sao dậy được, vì xoay trở cách nào cũng ngã vào tiền, ông cúi tiết quát gia nhân : « Bay đâu hãy đem « cái ấy » (*A đô*) đi cho tao ! » Đó là chuyện đời xưa. Còn thời nay thì... đâm chém nhau cũng vì « cái ấy » thù oán nhau cũng vì « cái ấy » và vô khâm Chí-Hòa cũng vì « cái ấy »!

MỠI BƯỚC ĐI CỦA NÀNG NỞ RA MỘT BÔNG SEN.

Nói đến chất « kim » thì lại

phải kể đến « KIM LIÊN » nghĩa là « gót sen vàng ». Sở dĩ có chữ « gót sen » là vì thời trước, ĐÔNG - ĐÔN - HẬU thời Ngũ-Đại bên Tàu, vì quá sùng ái PHAN-PHI, đã cho lát hẳn một cái nền trong cung điện, toàn bằng vàng với các hình bông sen. Khi nàng dạo gót trên nền vàng Hôn - Hậu cất tiếng khen : « Mỗi bước đi của nàng lại nở ra bông sen vàng ».

★ NGƯỜI ĐÀN BÀ CÓ CẶP GIÒ ĐẸP NHẤT THẾ GIỚI

Đó là cách đánh giá cái chân đẹp của thời cổ ở bên Tàu; thời nay ở bên Tây (Âu-Mỹ) người ta đánh giá chân đẹp ra sao? Người ta đem bảo kê nó với giá thật đắt. Người ta bảo kê cặp đùi, bộ ngực, cái mắt cái mũi và vân vân. Vừa đây, ở bên Mỹ có nàng JANICE, vợ của tài tử ALLAN DRAKE đã được người ta tặng cho cái biệt hiệu « *Người đàn bà có cặp giò đẹp nhất Châu Mỹ* ». Tiếc thay, nàng vừa bị ám sát mất rồi. Không hiểu nàng đã bảo kê cặp giò chưa?

★ ÁO TẮM BẰNG VÀNG

Cũng thời nay và cũng ở bên Mỹ, cái truyện lót sen vàng cho gót ngọc dạo chơi thì không có, chứ còn dát vàng vào người đẹp thì là truyện có thật. Tại phi trường San Francisco người ta vừa cho trình bày các kiểu áo tắm dành cho các tỷ phú. Người ta cho sản xuất những bộ áo tắm bằng vàng. Sau đây là vài cô kiểu mẫu đã được diêm phúc mặc thứ áo đó : Suzanne Alexander, Mona Falk, Charlotte Juice v.v...

★ KHÔNG LẤY CHỒNG

Họa hậu thế giới vừa rồi là một thiếu nữ Nhật Bản. Cô ta cũng tuyên-bố như một nữ ca - sĩ nhà ta là « hồng nấy tông », nhưng có điều khác nữ ca-sĩ Việt-Nam ở câu tiếp theo : Cô nhận tất cả đàn ông trên thế giới làm chồng. (Trong đó có cả trai tráng Việt-Nam) ! Thôi đi, các cô ! Các cô chỉ lấy 3 tắc lưỡi để càng làm si mê những kẻ đa tình !

★ HAI CÁI LƯỠI

Nhà Triết - học cổ Hy Lạp tên ESOPE, khi còn là 1 tên nô

lệ, làm công cho chủ tên Xanthos, được ông này sai ra chợ mua món ăn ngon nhất, Esope mua một cái lưỡi lợn đem về và nói rằng : « Chỉ có cái lưỡi là hơn cả vì nó là mối liên lạc của đời sống văn minh, chia khóa của khoa học, cơ quan của sự thật và lẽ phải, của những lời cầu nguyện v. v... Xanthos lại ra lệnh cho Esope ra chợ mua món ăn dở nhất. Ông ta vẫn đem về một cái lưỡi lấy cớ rằng : « Không có cái gì dở bằng cái lưỡi ! mẹ đẻ ra mọi thứ cái cọ, nguồn gốc của mọi chia lìa, của chiến tranh, cơ quan của những lời lầm và sự xuyên tạc, của lời nhạo báng và của bất trung bất tín... »

★ LƯỠI VÀ RĂNG

Đây là câu truyện rằng : « Các bạn thường nghe nói, người Mọi hay có tục lệ mài răng mà ta gọi là « cà răng, cãng tai ». Tục ấy vì đâu mà có ?

« Trong một dịp lễ Đức Phật Thích - Ca Mâu - Ni, những người Lào, người Cao Mên và người Thái đem dâng lễ của mình. Ai cũng sửa soạn lễ vật, riêng người Mọi, thay vì phải

giã gạo trắng để dâng Phật, lại làm biếng, chà gạo bằng răng. Đức Phật hay được nên 25 thế kỷ sau đã dày con cháu họ phải chà răng làm vậy.»

Nhưng người Dayack lại trả lời khác :

— Tụi tui chà răng để cho khác thú vật !

★ CHUYỆN MA CÓ THẬT

★ Đầu thế kỷ này, một đoàn thám hiểm Anh-cát-Lợi đã khám phá ra tại Ai - Cập xác - ướp (Momic) của một nữ - hoàng. Bà này là nữ - pháp - quan của thần Mặt trời AMON - RÊ, đã chết từ 3 nghìn 5 trăm năm nay.

★ Sau vài ngày khám phá được xác-ướp, thì một tai nạn ghê-sợ xảy ra : khẩu súng trường tự - nhiên nổ làm bay cánh tay của một nhân viên trong phái đoàn. Một người thứ nhì bị chết trong trường hợp bí mật. Người thứ ba bị chết vì đạn súng sáu, người ta không hiểu ai đã giết và vì lý do nào.

★ Đoàn thám hiểm trở về Anh quốc. Nhưng khi về tới nhà thì chủ nhân xác-ướp nhận thấy nhà mình bị trộm vết sạch

sành sanh không còn gì cả. Khi xác-ướp được chở tới Luân-Đôn, người ta tranh nhau chụp hình. Người thợ hình muốn sợ phát điên lên, vì sau khi nhìn tấm hình chụp anh ta nhận thấy không phải là tấm hình của xác-ướp mà anh đã chụp. Vài tuần sau anh bị chết. Các thầy thuốc không tài nào đoán được anh đã chết về bệnh gì ?

★ Chủ nhân xác-ướp hoảng sợ trước những tai nạn lạ lùng ấy, bèn đem biểu không « nữ - hoàng » cho viện bảo tàng Anh « British Museum ». Người chuyên chở xác - ướp, tuần sau cũng bị chết. Những khách đến xem xác-ướp đã cho biết, không hiểu tại sao bụng họ lại bị đau quận ghê-gớm khi họ chỉ nhìn sơ xác-ướp. Những việc ghê-gớm xảy ra vì xác-ướp của nữ-hoàng đã khiến cho Thủ-Tướng thời đó, ông AS-QUITH (1852-1921), tò mò đòi xem, nhưng người ta cản ông.

★ Nhân viên viện bảo tàng sống những giờ phút hồi-hộp. Họ buộc ban giám - đốc phải thay thế xác-ướp bằng một kiểu

giã, rập theo khuôn mẫu cũ. Một người Mỹ, chuyên sưu-tầm đồ cổ Ai-Cập nhận xin đem xác-ướp về Mỹ. Người ta vui vẻ tặng ông liền.

★ Một ít lâu sau, xác - ướp của nữ-hoàng được chở trên chiếc tàu Titanic để đưa về Mỹ. Hiện nay, xác - ướp đó đang được trưng bày dưới đáy biển trong vỏ chiếc tàu cùng với toàn thể thủy-thủ và du-khách của chiếc tàu ! Eo ôi ! sắc đẹp giết người. Đã chết 3.500 năm mà còn làm cho bấy nhiêu người chết !

★ ĐÁM CƯỚI DƯỚI ĐÈN VUA HÀ-BÁ

Tay nhào lộn dưới nước nổi tiếng tên GOAHMID đã làm lễ thành hôn với nữ giáo sư POSTHON. Hôn lễ cử hành tại bờ bể HAMILOK với sự chứng kiến của quan tòa Luis, nhưng... lại ở dưới nước với

một độ sâu 16 thước Anh. Vì vậy người làm chứng cũng như đôi tân hôn đều dùng phổi sắt và mặc bikini. Thật là đám cưới dưới thủy-cung !

★ MỖI GIỌT NƯỚC MẮT CỦA NÀNG

Đời thượng-cổ lại khác, tục truyền rằng thừa đó có một giống « Giao-nhân » (đầu người đuôi cá) ở dưới đáy nước thường lên tiếp xúc buôn bán với người trên đất, mỗi khi từ biệt bạn bè quen thuộc để trở về thủy phủ, Giao nhân khóc lóc thảm thiết. Cứ mỗi giọt nước mắt chảy ra là hóa thành một hạt châu. Bởi thế người thời nay gọi nước mắt là « hạt châu ».. và các nhà thơ Việt Nam cũng ca ngợi giọt nước mắt của giai nhân :

Đôi hàng châu lệ tuôn róc rách...!
Hay là :

Đôi hàng châu lệ rớt...độp độp !

★ CÁI VÒNG LẮN-QUẢN

Nhà Văn-sĩ Francis Blanche bảo : Thế-giới đều bị cái sự dè-nén hết. Chứng cứ là con chuột sợ con mèo, con mèo sợ con chó, con chó sợ người đàn ông, người đàn ông sợ người đàn-bà, người đàn-bà sợ con chuột.

M. H. C. (thuật lại)

Giao ban
Thơ Chông
—★—

(Kính họa nguyên vận bài của cụ :
UNG . BÌNH trong Phổ Thông số 29)

I

Nghi ngút lư trầm tỏa khói hương,
Thương ai ngõ ngán ngã ba đường.
Cánh nhà mây độ quen mira nắng,
Cuộc thế bao lần trải gió sương.
Nguy biến chưa từng lay dạ sắt,
Gian lao khôn dễ chuyển gan vàng.
Tuổi thêm, râu tóc càng thêm bạc,
Tâm sự dài giòng kể mấy chương.

II

Kính họa nguyên vận bài
của cụ THƯỜNG-TIÊN

Nhiều ít bao nhiêu mới gọi vừa,
Riêng mình nào biết : đủ hay chưa ?
Tìm tôi học hỏi, thừa là thiếu,
Mài miết ăn chơi, thiếu hóa thừa.
Màu sắc huy hoàng nhiều kẻ thích,
Tinh tình cương trực ít người ưa.
Đời ta hay dở do ta tạo,
Đâu phải khuôn xanh muốn lọc lừa.

DƯƠNG-ĐÌNH-TÂY

Kính . họa nguyên . vận

Bài thơ « Khai bút Xuân Canh-Tý
của Cụ UNG-BÌNH THỨC-GIÀ-THỊ

I

Nhân Xuân về nhớ tỏa thiên-hương,
Mở rộng nguồn thơ chốn ngọc-đường.
Kỳ-khí vượng thêm dòng để-bá,
Lầu - tài rú sạch lớp phong-sương.
« Hương-Bình » trắng tỏ soi đầu bạc,
« Vỹ-Dạ » lan bay giữ cánh vàng.
Xuân lễ « tám tư », còn trả nợ,
Nợ nhà, nợ nước, nợ văn-chương...

II

Nợ nhà, nợ nước, nợ văn-chương...
Vui trả giúp ai trọn đá vàng.
Soạn kịch, vượng-tôn treo giá ngọc,
Ngâm thơ quốc-lão vén màn sương.
Xuân về săn-sóc trồng hoa thắm,
Ban tới say-sưa chúc chén vàng.
« Trắng đỏ cuộc cờ » (1) xem đủ nước,
Cùng ai thanh-khí đốt trầm-hương.

HOÀI-QUANG

BÙI-ĐÌNH-SAN

Nha Văn-Hóa, Bộ Giáo-Dục

(1) « Trắng đỏ cuộc cờ đi đủ nước,
Xanh vàng mỗi chi nhuộm nhiều tay. »

(Phổ-Thông số 21)



Phụng họa thi khai bút
XUÂN CANH - TÝ (1960)

của Cụ THỨC-GIÀ-THỊ

Tư trong bình cổ ngát đưa hương,
Khép cửa, pha trà, soạn chén Đường.
Ngoài ấy, chớ ai quí cúng nước ?
Trong ni vẫn tỏ đứng gào sương.
Vong đưa khoan nhạt, say hồn bướm,
Trống điểm cầm canh tỉnh mộng vàng.
Giấy mực sẵn sàng chừ múa bút :
Viết nhà đức ăm, thắm văn chương.

Văn sanh : VƯƠNG HỒNG SÈN

Giám đốc Bảo tàng Viện - Saigon

Kính-hạ nguyên-vận
Bài thơ « Khai bút Xuân Canh Tý »
của Cụ **THƯỜNG-TIÊN LÊ-QUANG-NHƠN**

I

Đời sống « nhơn-tiên » chẳng phải vừa,
Xuân-thu « bầy tám » đặc-tình chưa ?
Đã thành « Đại-lão », già còn dẻo,
Lại sẵn « Nam-phong », mát có trưa.
Ôm mộng non sông (1), mai trúc nhớ,
Xe duyên văn tự, đá vàng ưa.
Làng thơ « lựa lọc » ai Đào, Lý,
Danh-lợi mặc ai thích « lọc lừa ».

II

Danh-lợi mặc ai thích « lọc lừa »
Ngoài vòng cương-tỏa, gió trắng ưa,
Ngắm gương minh-nguyệt, mơ càng sẵn...
Đón trận thanh-phong, hứng vẫn thừa...
Mến bạn xem hoa, hoa ngát mãi,
Yêu ai chèo rượu, rượu say chưa ?
« Kỳ-Anh » khởi-từ vui ngâm vịnh,
Ngọn bút trở hoa dễ chẳng vừa...

HOÀI-QUANG

BÙI - ĐÌNH - SAN

(1) « Đã biết công-danh phải để lòng,
Mà ta ôm-áp mộng non sông. »

(Phở-Thông số 22)

★

Kính hạ nguyên vận bài
« Khai bút Xuân Canh-Tý » của cụ

Ung-Bình **THỨC-GIÀ-THỊ**

Tùng-Tuy nổi dôi, mạch thư-hương,
Tiếng dậy từ xưa : « Thất Thịnh-Đường » (1)
Ngọn bút vương tôn, hoa trở gấm,
Văn thơ tự thọ, tóc pha sương.
Tam tôn, bảng thép màu sơn đậm,
Ngũ phúc, tờ thêu nét chữ vàng.
Quắc thước lão ông, đời hiếm có :
Hào hoa phong nhã, khách văn chương.

(1) Liên tưởng câu thơ của Vua Tự-Đức : « Thi
Mạo Tông Tuy thất Thịnh Đường ».

Kính hạ nguyên vận bài
« Khai bút Xuân Canh-Tý » của cụ
THƯỜNG - TIÊN LÊ-QUANG-NHƠN

Tuổi trời vô tận, mấy cho vừa,
Như cụ Thường Tiên đã thỏa chưa ?
Tri túc, lợi danh, lòng chẳng bận,
Vô tư, sinh tử, chuyên xem thừa.
Mỗi tình bằng hữu, già thêm đượm,
Cái thú văn chương khoẻ vẫn ưa.
Đức xi trời cho ai nấy được,
Biết đâu mà kén, biết đâu lừa ?

An-Định **TRẦN-KINH (Huế)**

Khai Bút XUÂN CANH-TÝ 1960
(Kính hạ)

I

Học đời, vãi Thánh, đốt tâm hương ;
Rời cung thơ nôm, cũng luật Đường.
Trước vịnh đưa heo, chờ ả gió ;
Sau ngâm rước chuột, ngắm nàng sương.
Hứng lân, vẻ đẹp dù mê mẩn,
Cảm cựu, tờ sầu mãi vẫn vương.
Xuân nào, xuân nào, vui chẳng tẻ ?
Tẻ vui càng trọn thú văn chương.

LĂNG-BA

KHAI BÚT XUÂN CANH-TÝ
(Kính hạ)

II

Tuổi hạc vài mươi nữa mới vừa ;
Trần trẻ nhựt sống, ắt là chưa...
Đết thơ ngày trọn, hương còn lấm ;
Chước tửu canh trâu, lực vẫn thừa.
Sành điệu khôi hài, mai trúc thích ;
Rộng đường-du lịch, gió trắng ưa.
Hẹn về tiên cảnh, tiên nga đợi...
Nặng nợ trần gian mãi đánh lừa.

LĂNG-BA

Chánh Lục Sĩ **CÂN-THƠ**

XUÂN ĐẤT KHÁCH
Kính họa nguyên vận cụ THỨC-GIÀ-THỊ

Xuân này cô phụ cảnh gia hương.
Chiếc bóng bơ vơ vạ dậm đường.
Thân thê đã từng cơn ám lạnh.
Đường đời còn ngại nổi phong sương.
Gương soi mái tóc thương đầu bạc.
Thuyền vượt quan san gội nắng vàng.
Bạn tác quê người đèn với sách.
Giải buồn ngâm láo một vài chương.

Kính họa THƯỜNG-TIÊN Tiên-sinh

Cụ sống trăm năm thế mới vừa.
Biết bao người mến Cụ hay chưa.
Tao đàn xây dựng công không thiếu.
Bút trận xông pha sức có thừa.
Phê phán công bình trăm bạn thích,
Giỏi lời châu ngọc bốn phương ưa.
NHÂN SINH THẤT THẬP câu thơ ấy,
Rõ lại xưa kia họ nói lừa.

NGÔ-ĐIỀU
Hoa-Kiều

Lý sự Trường Bang Quảng Đông
Nha Trang

Phụng Họa bài « ĐÀU NĂM KHAI BÚT »

của Cụ UNG-BÌNH

Quê thành đầy đó ngọt-ngào hương,
Hồng tía đua tươi vạ nẻo đường.
Rúc rích Chuột về bên tổ ấm;
E dè Heo chạy giữa màn sương.
Đào soi nước Nhị phỏ màu đỏ,
Mai chiếu giòng Nai rợp ánh vàng.
Gặp buổi Xuân-vương thay khách-tuế,
Xương hòa xin nhậu bạn văn-chương.

ĐẠM-NGUYỄN
Nguyên Chủ-nhiệm báo
TÂM-NGUYỄN Saigon.

Thơ

LÊN RUỘT

★ **DIỆU HUYỀN** ★

Saigon, 24-2-1960

« Chị Diệu-Huyền thân-mến. Tụi em bốn đứa đây, nữ-sinh Gia-Long, Trưng-Vương, Lamartine, đồng thanh yêu cầu chị làm một bài « Thơ Lên Ruột » về vụ chàng « Cử-nhân Luật » nhảy dù, và đăng lên báo Phở-Thông số tới. Chị có chịu tụi em một chút không, hả chị? Tụi em rất — rất cảm ơn « Bà Tú » và ngong-ngóng chờ bài thơ của « chị » Diệu-Huyền.

LAN — HOA — THUẬN — HỒNG
(Thí-sinh Tú-tài II khóa 1960)

★

Nhảy Dù

Mến tặng LAN—HOA—THUẬN—HỒNG

TỪ khi nước Việt hết giặc.
Còn biết bao nhiêu kẻ nhảy dù!
Áo, mào, cân, đai, kia, don đã
Lựa theo chiều gió nhảy vù vù!

MÁ Y ông râu quặp, thời
nghiêng ngã,
Tuồng đã theo Tây tận tít mù,
Ngày nay vẫn quặp chòm râu giả
Dạ dạ, hoan hô, gật gật gù!

MỘ T số đầu cơ đủ hạng cả,
Chuyên môn buôn lậu hàng
nhảy dù,
Dư bạc dư tiền, ăn xài đã,
Cắt những buyn-đin cao tít mù.

VÀ những « Công - an »,
« Trung Ủy » già,
Đeo súng lục cây, để đi hù,
Hăm he tổng tiền người cô quả,
Và tổng tình duyên bọn gái
ngu !

CÁ C xóm bình - Khang bị
tan rã,
Từ khi chánh phủ cấm... cù-rù,
Nhưng cứ đêm đêm lính tróc nã
Bắt về cả xâu cho ở tù.

KỂ chi một số bà... «khá già»,
Lén lút phu quân, đi... nhảy
dù.
Chồng có nổi ghen thì ẩu đá,
Rồi cũng êm ru... ru-bà-rù !

LẠ I còn ba-nhe có mấy gã
Văn chương chữ nghĩa tất-
tật-mù,
Cũng ra làm thầy dạy ẽ-ả,
Mang danh « Giáo - sư » cạc-
cạc-ù !

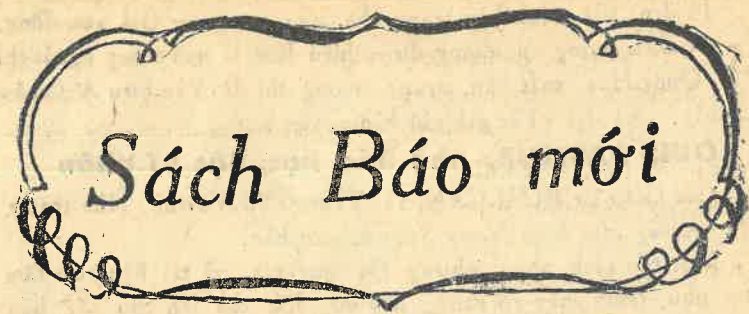
VI Ế T chữ ăng - lê trật
chánh-tả
Bập bẹ năm ba tiếng «oản, tù...»
Cũng đăng quảng cáo loè độc-giã
«Dạy lớp Anh-văn» khéo khật-
khù !

LẠ I còn vài anh «ký giả» già
Vờ mang máy ảnh chụp lu-
bù,
«Phóng sự», «điều tra» khoe
đủ cả,
«Le» với các em để dễ gù !

MÁ Y chàng «kỹ-sư» trung
bằng giả
Đào mỏ mấy cô giàu kết-xù,
Cô nàng say mê cười hí-hả,
Đến chừng mỏ mắt, khóc hu-hu !

NH U N G mà rút cuộc đều
thua cả
Một vị «Luật sư» tập... nhảy dù.
Quãng một cái mồi «Cử-nhân»
giã,
Câu ba con ếch mập thù-lù !

KẾ T luận : có vay phải có
trả,
Mấy kẻ lưu manh đi ở tù,
Ngắm chuyện đời nay, cười giã
là :
Ha..Ha..., thời thế tạo anh...hù !



*** SỐNG, số 8 (1.3.1960)**

Cơ quan tranh đấu của Hội Nạn-nhân Cộng - Sản. Chủ-nhiệm : ông NGÔ-TRỌNG-HIỆU. Chủ bút : ông LƯU-HÙNG
Nhiều bài rất có giá trị :

Thụy An là đao phủ thủ, là hay nạn nhân của Cộng Sản, (của Tạ Tâm Tư). Tìm hiểu vụ án Văn nghệ miền Bắc, (của Lê tấn Dương). Thoát (Thơ của Mặc Thu). Thơ của Bằng Bá Lân, Văn Thế Bảo, v.v..

Tinh thần nô lệ qua thi văn Lưu Trọng Lư — Hà nội kiếp trước— Tinh thần quốc gia V.N. (của Đàm quang Thiện), Tìm hiểu cuộc cách mạng Trung Vương (của Trần văn Nhật).

Chuyện ngắn : *Chuyến Đò (của Mặc-Thu) v.v...* Tranh bìa rất có ý nghĩa của họa-sĩ Thái-Tuấn. Tòa soạn : 169-171 Hồng Thập Tự Saigon. Giá 7 đồng.

*** VIỆT - NAM VĂN - HỌC TOÀN THƯ**

Quyển II cổ tích, — của HOÀNG-TRỌNG-MIÊN.
Tiếp theo quyển thứ nhất xuất bản hồi năm ngoái. Một công trình đáng khen thuộc về loại tham khảo. Tác giả ghi chép lại các chuyện cổ tích Việt-Nam và một vài dân tộc thiểu số miền Núi. Nhưng có nhiều tranh ảnh mà tác giả không cho biết trích ở đâu ra. Có nhiều chuyện về Lịch Sử (như chuyện Poromê, Hai Bà Trưng, Nguyễn-Trãi, v.v...) tác giả lại cho là cổ-tích (?) Ngoài ra, tác giả cũng không trình bày một quan điểm Lịch sử rõ rệt.

Tác giả gom góp một số tài liệu rồi biên chép ra, nhưng không nói rõ xuất xứ của mỗi tài liệu (như chuyện Pô-rô-mê, nói về

Công chúa Ngọc-Khoa, của Thái-văn-Kiểm), để độc giả tiện việc tra cứu thêm.

In đẹp. Bìa trình bày trang nhã. 444 trang — Giá 100 đồng.

Có điều chúng tôi không được hiểu lắm, là nơi trang ngoài thì đề là Quốc-Hoa xuất bản, trang trong thì đề Văn-hữu Á - châu xuất-bản, mà lại « Tác giả giữ bản quyền » ?

★ LOUIS PASTEUR, nhà Bác học, Bậc vĩ nhân

Của Giáo-sư BỬU-CÂN, 12, Trưng-Nữ-Vương, Nha-trang.

Hội «*Không Học Việt Nam*» Saigon, xuất-bản.

Một tập sách nhỏ, nhưng rất quý giá, vì tài liệu sưu tầm công phu, trình bày rõ ràng, đầy đủ. Rất cần ích cho các bạn muốn học hỏi về thân thể và sự nghiệp của nhà Bác-học, vĩ nhân của Thế-giới. Giá bán 8 đồng.

★ TAM-NGUYÊN-YÊN-ĐỖ-NGUYÊN-KHUYẾN

(Tiểu sử diễn ca)

của Bà HỒNG-THIÊN

Một tập thơ lục-bát thuật lại tiểu sử của Thi sĩ YÊN-ĐỖ, có phụ thêm mấy bài thơ Việt-văn và Hán văn trích trong tập thơ «*Quê-Sơn*» của cụ Yên-Đỗ.

32 trang. Giá ở Saigon 12 đồng, các tỉnh 15 đồng.

★ TÒ-MÒ TOÁN-HỌC.

Của Ô. LƯU-NHU-HẢI, Giáo-sư trường *Sao-Mai*, Đà-nẵng. Tựa của Ô. Giáo-sư NGUYỄN-VĂN-NGHI.

Trình-độ Đệ-lục đến đệ-tam. Tập I. Có nhiều bài toán vui-vui, như bài sau đây :

« Sáng sớm đi chợ Gò Công,

Đem 20 đồng mua 20 đĩa.

Con trai vừa mua một đĩa 2 đồng,

Con gái chưa chồng một đồng 2 đĩa.

Con nít nằm giữa một đĩa 3 đồng.

Hỏi số con trai, con gái và con nít ? »

v.v... Các bài giải theo đại-số học rất rõ-ràng. Có đủ về đại-số học, số-học, toán-hình học, lượng-giác học. Các bạn học-sinh ban Trung-Học nên xem. 40 trang — giá 15\$.



Truyện dài của cô VÂN - NGA
(Tiếp theo P. T. số 29)

Á kêu con việc gì ? —
Thanh hỏi má tôi vậy.

Má tôi nín cười và nói :

— Không ! Hỏi thử coi tụi bây về rồi chưa vậy thôi.

Má tôi đi vào trong. Anh Của nói :

— Bà già cười nha !... Cái tiếng « tụi bây » của bà già dùng, nghe mê quá !

Khi tôi dọn mâm cơm cúng lên nhà trên, Ca vang liền bảo :

— Anh, chị phải lạy chung với nhau nơi bàn thờ mới được.

Tôi cúi gằm mặt, toan lui trốn

xuống bếp, nhưng Thanh đã nắm tay tôi kéo vô đứng trong chiếc chiếu trải trước bàn thờ :

— Em ơi, buổi lễ hôm nay có ý-nghĩa quan-trọng với lời đoan-thệ của đôi ta, cần phải nên tâm-thành lắm đó.

— Nhưng ăn mặc như vậy sao ?

Tôi vừa hỏi vừa nhìn kỹ lại Thanh thấy chàng bạn một bộ quần phục may bằng vải đen, còn tôi thì chỉ mặc quần áo thường trong nhà mà thôi. Thuở ấy, ai có đồ vật gì tốt và quý-giá đều đã chôn giấu cả rồi, tôi dù muốn hơn nữa cũng không được.

— Mình thành tâm là được rồi, ông bà không bắt lỗi đâu. Các anh đứng ngoài nói vậy.

Tôi cúi đầu bước vào chiếu, trong bụng không khỏi ngậm-nghĩ buồn cười cho sự vớ-vời của các bạn : đời thuở nào cô dâu chú rể lạy bàn thờ mà không có áo thụng hay một thứ lễ phục nào khác ...

Anh Tám Càng, kè ra lớn tuổi hơn các anh, bị đùn cho việc đốt nhang và dung rượu lên bàn thờ. Anh làm bồn-phận trình-trọng như một ông mai chánh hiệu và cất lời van vái hồn người khuất mặt hãy chứng giám tắc lòng thành của chúng tôi, cùng là phù-hộ cho những lời cam kết ngày hôm nay chóng được đoạt thành và sẽ bền

chặt cho tới trăm năm dầu bạc. Những lời khẩn vái của anh Tám tuy không chuốt gọt hoa mỹ nhưng thấm đượm một vẻ chân thành khiến cho các anh đứng chung quanh bàn thờ đều cảm động và tôi cảm thấy bầu không khí ở đây bỗng trở nên nghiêm trang, trọng thể một cách lạ.

Khi chúng tôi trở xuống nhà dưới thì má tôi, như những ngày gần đó, đã ra ở ngoài trại ruộng mà ở vì lúa gặt mới có một ít, chưa cộ về được. Trại ruộng lại yên tĩnh, mát mẻ và không thiếu tiện nghi gì cả nên trọn mùa lúa má tôi hay ra đó ở. Sự vắng mặt của người ở nhà, thật ra, cũng cho chúng tôi được đôi chút tự-do. Nhất là tối hôm ấy, trong buổi tiệc đặc-biệt của chúng tôi, không ai nghĩ rằng đó là một tiệc cưới nhỏ nhỏ vậy. Lắm lúc tôi cũng sợ là đã đi quá trớn, nhưng cặp mắt dịu hiền của bà Phán Ba và chị Năm nhìn vào tôi như biểu đồng tình việc ấy và cam kết sẽ gánh lấy phần trách-nhiệm.

Trong buổi tiệc, anh Chim Xanh cầm trao cho Thanh và tôi một chiếc đĩa nhỏ có đựng một củ gừng và một nhúm muối, mà ngâm lên câu ca-đạo đã ghi kết

mỗi tình sâu đậm nơi chốn thôn quê :

*Tay bưng đĩa muối chấm gừng
Gừng cay, muối mặn xin anh
đừng bỏ em.*

*Tay bưng đĩa muối chấm
chanh,
Chanh chua muối mặn xin anh
đừng bỏ em.*

Các anh bạn của Thanh đồng bảo nhau :

— Nhứt định không bao giờ Thanh bỏ Vân !

Các chị bạn của tôi, Thành, Hạnh, Dung, cũng không chịu kém :

— Nhứt định không bao giờ Vân bỏ Thanh !

Liên đó, một cuộc đấu khẩu với nhau về tình chung thủy của hai phái mạnh và yếu, mở đầu. Hai bên, bên nào cũng bình vực lấy lập trường của mình để cố ý chọc tức bên kia chơi. Trong khi mọi người cãi hăng. Thanh khêu tôi bước ra ngoài. Chúng tôi ngồi bên đầu cầu, tay nắm tay im lặng không nói gì.

Con trăng hôm ấy tròn và sáng tỏ, vẫn vạc giữa vòm trời trinh bạch, soi vành ngọc thò dưới giòng nước sáng ánh như gương. Tôi nhìn bóng trăng dưới cầu

nghĩ rằng trăng ấy riêng của chúng tôi. Tình chúng tôi tí như con trăng ấy, hôm nay tròn đầy, nhưng những đêm trăng nước về sau có còn được mãi mãi như thế này chăng ?

Thình thoảng có con cá vẩy vù, mặt nước sao động nhấp nhô, trăng kia tan vỡ làm muôn mảnh theo những vòng sóng bạc gợn lăn tăn, rồi lại vá vúi vào nhau, rập rình kết bóng y như con trăng cũ. Tôi chạnh nhớ tới ngày ly biệt sắp tới mà bỗng thấy đau thắc bên lòng.

Ánh trăng còn vá vúi lại được, tình chúng tôi chấp nối khi nào ? Trong thuở tao loạn, người ra đi không hẹn ngày về, tiếng ca đặc thủng khái hoàn của những chàng trai đất Việt sao hãy còn xa xăm quá !

Thanh hỏi nhỏ bên tai tôi :

— Em nghĩ gì vậy ?

— Em nghĩ đến anh. Còn anh ?

— Anh cũng nghĩ đến em.

— Sao mà em hơi sợ sợ anh ?

— Em sợ anh không trở về sao ?

— Em sợ cho anh trăm ngàn điều nguy hiểm mà nếu em có thể

chia sót được với anh, em cũng sẵn sàng.

Thanh hôn nhẹ vào má tôi và bảo :

— Cám ơn người vợ bé nhỏ của anh. Anh không muốn thế, bây giờ chúng ta mỗi người đều đã có một bồn phận đối với nhau, bồn phận của anh là giữ nước chống xâm lăng, không để cho em phải tủi hổ với bạn khác ; còn bồn phận của em là chung tình bên song cửa để chờ đợi ngày về của anh. Anh cầu xin sao cho em vẫn được an toàn, và trong buổi sum vầy của đôi ta thì cảnh cũ người xưa không có gì thay đổi.

— Chừng nào anh về hỏi anh ?

— Anh không thể nói chắc được em ạ. Nhưng nếu trong vòng ba năm mà em không có tin tức gì của anh từ miền Đông gửi về... thì em đừng chờ đợi hơn nữa...

Tôi nắm tay Thanh mà nói :

— Nếu sau này, trong số những người trai trở về làng mà vắng bóng anh thì không biết em sẽ khổ đến đâu nữa. Em có thể trông chờ anh mãi mãi, miễn là anh vẫn còn sống và sẽ về cùng em...

— Em đừng lo nghĩ lẫn thân, thế nào anh cũng trở về với em. Hình bóng của em là nguồn an ủi trong những khi anh gian khổ, là sức mạnh trong những lúc chiến đấu của anh, và cũng là phần thưởng cuối cùng khi anh được thành công trở về thấy em đón tiếp với một nụ cười tươi nơi miệng.

Thanh căn dặn tôi sau khi chàng đi rồi tôi phải tìm đủ mọi cách liên lạc với gia đình chàng, và thường lui tới viếng thăm song thân chàng như là một nàng dâu thiệt thọ vậy.

Chúng tôi ngồi nói chuyện đến gần sáng mà câu tâm sự tuông trào như một giòng suối bất tận, tưởng có thể nói mãi hằng năm không dứt.

Khi những giọt sương sớm rơi lạnh trên đôi vai, Thanh mới đưa tôi vào phòng...

Tôi bá cổ chàng mà bảo :

— Anh ơi, em yêu anh quá.

— Anh cũng vậy, anh yêu em không thể nói hết lời.

— Từ đây em là trọn của anh.

Chúng tôi bịn rịn nhau không rời tay, đôi môi run rẩy tìm nhau, đôi mắt đắm đuối nhìn nhau

qua ánh tối.

Sáng hôm sau, nhớ lại những phút yếu lòng, tôi thẹn mặt lánh chàng. Thanh tìm xuống bếp, nhẹ vuốt mái tóc tôi và bảo :

— Người đẹp của anh đang làm gì đó ?

Tôi nhìn vào ơ cá, nói găng-gượng :

— Em lo thức ăn đường cho chị Năm.

— Ủa có người chèo đò rồi à ?

— Người đó mới trả lời hồi sáng.

Thanh trở lên nhà xem thấy chị Năm đã sửa soạn hành trang xong liền trở xuống tìm tôi. Lúc ấy chàng mới nhận thấy cử chỉ của tôi có khác lạ hơn bình thường :

— Làm gì mà em như trốn lánh anh vậy ?

Chàng hỏi mãi, tôi chỉ cười mà đáp. Sau cùng, bị hỏi nột quá, tôi quay lại trở tay vào mũi chàng mà nói :

— Lỗ mũi queo ngoe, mặt thấy phát ghét !

Một lát sau, Thanh mới hiểu cất tiếng cười khang và bỏ đi lên nhà trên. Trong buổi sáng hôm đó, chúng tôi tiễn đưa chị Năm xuống đò. Chị cầm tay tôi căn dặn nhiều điều chí thiết. Chị cũng khuyên Thanh cố gắng thận trọng trong

mọi hành-động. Khi đò tách bến, chúng tôi thấy đều ngùi ngùi, kẻ trông lại, người ngó theo...

Tôi giơ tay vẫy chào chị Năm và nói với theo :

— Chị cho em gửi lời thăm ba má...

Chị Năm gật đầu cười và Thanh cũng nhìn tôi với một nụ cười khuyến khích. Khi thuyền đã khuất bóng, chàng nắm tay tôi đi chậm chậm trở vào :

— Chiều nay, đến lượt chúng anh.

— Trời ! Mau vậy sao ?

— Người liên lạc đã cho hay như vậy rồi.

Tôi sững sốt nhìn Thanh. Mặc dầu là đã biết trước chàng

sẽ phải ra đi bất luận lúc nào có tin nhắn, nhưng khi tôi nghe chàng nói xong, chân tay cơ hồ mềm rùng cả ra. Bây giờ tôi đã là vợ chàng, tôi nhìn sự thể với một con mắt khác. Tôi thấy cần chàng ở bên tôi hơn lúc nào cả, chàng là cột trụ giữa nhà, là một gốc cò thụ đê cho tôi nương nhờ theo. Tôi thấy tôi yếu đuối lắm, trợ trợ và đơn độc khi vắng chàng. Tôi cần phải một sức chở che. Ước gì chàng được ở yên lành mãi bên tôi, tiếp sức cho tôi phấn đấu với cuộc đời, với cái thời ly loạn không chừa bỏ một góc đất nào trên mảnh đất Việt mền yêu.

(Còn nữa)



QUẢNG-CÁO :
TÌM ĐỌC : THI PHẨM
PHAN PHỤNG VĂN

Một thi phẩm dẹt bằng nước mắt của một nàng thôn nữ khur khur ôm khối chung tình để chịu phũ phàng suốt 15 năm ly loạn.

★ « VƯƠNG-THÚY-KIỀU TRUYỆN » CỦA DU-HOÀI
HAY TRUYỆN CỦA NAM-CUNG-BÁC ?

(của Ô. Thế - Xương, Trường Hồ - ngọc-Cẩn, Saigon).

... Thưa ông, bài « Vương-Thúy-Kiều truyện » của Nam-Cung-Bác mà ông Bạch-Thủy đăng trong P.T. số 29, kể ra cũng không phải một tài-liệu thật mới lạ lắm đâu. Tôi đã mua được 4 năm trước đây bộ « Lịch đại danh nhân đất sử » (gồm 2 cuốn, dày tất cả 374 trang) của NAM CUNG BÁC và cũng đã nhận thấy từ trang 343 đến trang 352 bộ sách đó có bài *« Vương-Thúy-Kiều dư Minh đại kháng Nhật chiến tranh »*. Nhưng, chính ông Nam-Cung-Bác đã phỏng theo cuốn truyện *« Vương-Thúy-Kiều »* của DU-HOÀI để viết. Nam-Cung-Bác cũng đã tự nhận điều đó nên nơi trang 343 cột 9 (kể từ phải sang) ông đã viết : « cứ Du - Hoài Vương - Thúy - Kiều truyện tài » ; tôi xin tạm dịch « Dựa theo truyện *« Vương-Thúy-Kiều »* của DU - HOÀI thì.. » nhưng, rất tiếc khi dịch dòng chữ đó sang Quốc-văn, ông Bạch-Thủy đã nhầm chữ *Du* (danh từ riêng, họ của người ta) làm chữ *du* (không viết hoa; như ông đã biết chữ Hán không viết hoa) đại danh từ, có nghĩa là *tôi*, và ông Bạch-Thủy đã bỏ sót luôn chữ *Hoài* vì vậy ông Bạch-Thủy đã dịch dòng chữ trên thành : « Theo truyện « Vương-Thúy-Kiều » mà *tôi* (Nam-Cung-Bác) có, viết rằng... ».

Thưa ông Chủ Bút, nếu Nam-Cung-Bác đã dựa theo truyện *« Vương-Thúy-Kiều »* của DU-HOÀI mà viết, thì tôi thiết tưởng tài liệu 41 năm (tháng chạp 1919) trên báo *Nam-Phong*, Phạm-Quỳnh cũng đã có dịch và có đăng cả truyện *« Vương-Thúy-Kiều »* trong sách *« Ngụ sơ tân chí, theo đúng chính văn của DU-HOÀI... »*

★ THƠ PHAN - KHÔI

(của ông MINH - KHA, Chợ-Lớn)

Trong một số báo *« Phổ-Thông »* vừa qua, tôi có viết một bài về thơ ông Phan-Khôi, trong đó có trích bài « *Viếng mộ Lê-Chất.* » Bài này, tôi đã gặp trong một phụ trương văn chương của một tờ báo, xuất bản cách nay cũng khá lâu (khoảng năm 1949-50). Đó là một bài thơ phá trắc, mà hai câu cuối lại thất luật. Tôi hơi hoài nghi vì không lẽ một bậc túc-học như ông Phan lại làm thơ sai niêm luật, Nhưng tôi cứ gửi đăng lên *« Phổ-Thông »*, để mong quý bạn xác chính. Vừa rồi, tình cờ tôi gặp lại một nhà văn tiền bối, nhân bàn qua câu chuyện văn chương, tôi có đem chuyện trên đây ra chất vấn và được ông bạn làng văn lão-thành nói trên, đọc cho nghe nguyên văn bài thơ « *Viếng mộ Lê-Chất* » của ông Phan-Khôi. Theo ông thì bài ấy phá bình chứ không phải phá trắc và không hề sai niêm luật. Ông cho là có lẽ người chép lại bài ấy đã chép sai, vì nghe lầm. Rõ nguyên văn bài ấy như sau :

« Bình-Tây trấn quốc tiếng ngàn thu,
« Cô ái rêu mờ, đất một u.
« Ấy dưng, ấy trung là thế thế,
« Mà nhân, mà nghĩa ở mô mô ?
« Chim gào hồn sót xuân âm i
« Hùm thét uy lùa gió vạt vù
« Cái chuyện anh hùng ai nhắc nữa
« Hồ Tây vắng vắng tiếng chuông bu.

Bài trên đây có thể xem như đúng với nguyên tác vì nhà văn tiền bối đọc lại nó, là một trong những bạn tâm giao của ông Phan. Vậy nay xin chép lại nguyên văn như trên cho đúng.



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

DIỆU-HUYỀN
và BẠCH-YẾN

★ Em Phan văn Lang, Bệnh viện Huế.

Thành thật cảm ơn thư em. Đã đọc bản nhạc của em. Nhạc và lời đều rất cảm-dộng. Rất tiếc không đăng được trên P.T.

— Tác giả bài thơ « Non Nước » theo tục-truyền là bà Bang Nhân ở Quảng-Nam, nhờ linh-hồn của chồng nhập về cho bà làm thơ (?).

★ Ô. Đào-văn-Tải Saigon.

Theo Thiên-văn-học, thì mỗi ngôi sao nhỏ lý-tý mà ban đêm ta thấy trên trời kia, là một mặt trời (un soleil), tự nó có ánh sáng riêng của nó. Tất cả những « Mặt-trời » mà người ta đã đo được từ trước đến nay, đều to lớn hơn Mặt Trời của ta (của Thái-dương-Hệ của chúng ta). Mặt Trời của chúng ta đã lớn hơn Trái Đất của ta đang ở, một triệu ba trăm lẻ một ngàn hai trăm lần (1.301.200), vậy thì ta có thể tính rằng mỗi « ngôi sao » như một cái chấm trắng bé nhỏ trên vòm trời ban đêm kia là MỘT TINH TỬ, MỘT MẶT TRỜI, TO GẤP MẤY TRIỆU LẦN MẶT TRỜI CỦA TA. Ít có ngôi sao nào nhỏ hơn mặt trời của ta. Vậy thì mỗi ngôi sao mà ta thấy như bé nhỏ kia còn to gấp mấy triệu lần quả đất của ta đang ở. Nhưng sở dĩ ta thấy nó nhỏ bé tí-tẹo như một cái chấm trắng thế kia, là tại nó ở cách ta xa lắm. Đại-khái như NGÔI SAO GẦN NHẤT với Trái Đất là sao ALPHA DU CENTAURE, đã xa cách Trái-Đất đến 41.000 tỉ kí-lô-mét, (41.000.000.000.000) Còn những

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

ngôi sao khác thì 10 lần, 20 lần, 50 lần, 100 lần... xa hơn nữa là SAO BẮC ĐÀU (Etoile polaire) mà ta thấy long-lanh như một hạt kim-cương kia, xa-cách quả Đất của chúng ta đến 344 ngàn tỉ kí-lô-mét : 344.000.000.000.000 kms. Ánh-sáng lấp-lánh của Sao-Bắc-Đầu mà ta nhìn thấy đêm nay, chính là đã đi 36 năm 7 tháng trước mới chiếu xuống đến ta, với tốc-độ là 300.000 kí-lô-mét mỗi giây đồng hồ. Ta biết rằng Mặt-Trời của ta đã lớn hơn Trái Đất 1.301.200 lần, mà Sao Bắc-Đầu còn lớn hơn Mặt-Trời nữa, thì ta có thể tính biết Sao Bắc-Đầu to lớn hơn Trái Đất gấp mấy triệu lần ! Vậy mà ta ngó lên trời chỉ thấy nó nhỏ như một hạt cát !

★ Ô. Hùng sơn KBC. 4690/5, Nha-Trang.

— Theo một số đông các bạn làng Văn và Báo ở Saigon cho biết, thì tác-giả bài xuyên-tạc và dèm-pha ông N.V. trong tờ « Hương-quê » mà ông nói đó, và ký tên là « Nguyên-Tử-Năng » (Nguyên chớ không phải Nguyễn) chỉ là cái biệt-hiệu để dấu tên thật của ông Cừ-Ta, tức là Thái-Bạch, PHẠM-THANH, tác-giả quyền « Thi-nhân Việt-Nam hiện đại » xuất-bản hồi năm ngoái. Riêng chúng tôi không được rõ và cũng không cần biết là ai.

N. V. không trả lời, vì toàn bài đó đều xuyên-tạc không một điểm nào đúng sự thật, — Vì tác-giả không có can-đảm ký tên thật và nói sự thật. Nếu ông muốn « chất vấn » tác-giả bài ấy, thì ông cứ gởi thẳng đến tờ « Hương-Quê » (chớ không phải « Quê-Hương ») Nhiều bạn đọc tức giận đã gởi đến chúng tôi nhiều bài chỉ trích nhiệt liệt kể « ngậm máu phun người và dấu mặt dấu tên », nhưng chúng tôi cũng không đăng, vì tòa-soạn tạp-chí Phở-Thông và chính N. V. muốn giữ thái-độ im lặng. Mong ông bạn thông-cảm cho. Đa tạ.

★ Ô. Dương-ngọc-Phùng, 35 bển Chương-Dương

Xin thành thật cảm ơn về bài thơ của ông tặng.

★ Ô. Nguyễn-thành-Lễ, 17 Võ-Tánh, Huế.

Hỏi : 1.— Thưa Cô

Ai sinh ra ông Lạc-Long và bà Âu-Cơ mới lấy nhau sinh ra một trăm trứng, thành ra 100 người con, theo sử của bậc Tiều-học ?

Đáp :

● Vua ĐẾ-MINH là cháu ba đời vua Thần-Nông bên Tàu, đi chơi gặp một nàng Tiên tại núi Ngũ-Linh (tỉnh Hồ-Nam bây giờ) lấy nhau. Sinh được một trai, tên là LỘC-TỤC. Lộc-Tục lớn lên, được Đế-Minh phong cho làm vua phương Nam, lấy hiệu là KINH-DƯƠNG-VƯƠNG.

● KINH-DƯƠNG-VƯƠNG làm vua nước Nam, đặt tên là nước Xích-Quỳ, vào khoảng năm 2879 trước Giê-Xu.

Kinh-dương-Vương lấy con gái của vua Động-dinh-Hồ (Hồ-Nam), tên là LONG-NỮ. Sinh ra một trai, đặt tên là SÙNG-LÂM. Sau lớn lên, Sùng-Lâm nối ngôi vua, lấy hiệu là LẠC-LONG-QUÂN.

● LẠC-LONG-QUÂN cưới con gái vua Đế-Lai, tên là ÂU-CƠ. Âu-Cơ đẻ ra một cái bọc có một trăm trứng, nở ra thành 100 người con trai. Vua và Hoàng-hậu mới chia nhau từ biệt. Vua Lạc-Long, về giòng-dối Rồng, đem 50 đứa con xuống miền đồng bằng về miền Bắc. Hoàng hậu Âu-Cơ, giòng dõi Tiên, đem 50 đứa con lên Núi ở với Tiên. Sau, Lạc-Long-Quân phong cho người con trai trưởng làm vua nước Nam đặt tên nước VĂN-LANG. Nhà vua đầu tiên ấy, của nước Văn-Lang, tức là HÙNG-VƯƠNG ĐỆ NHỨT, lấy họ là HỒNG-BÀNG.

Hỏi : 2. — Cũng trên một quả Địa-cầu, tại sao lại chia ra từng dân tộc mà tiếng nói khác nhau ?

Đáp : Theo Thánh-kinh (sách Genèse, VI-IX), Chúa trời thấy loài người, con cháu của Adam và Eve, càng ngày càng trụy-lạc, hư-hồng, bèn quyết-định nổi trận lụt Đại-hồng-Thủy (Déluge) để tiêu diệt hết. Một vị kỳ-lão, tên là NOÉ khăn-khoản xin ơn Chúa cứu loài người. Chúa bảo Noé đóng một chiếc thuyền to lớn (Arche), đem vợ con trốn trong đó và Chúa cho Noé được lựa chọn mỗi giống chim giống thú một con đực và một con cái để dẫu trong thuyền. Khi Chúa trút nước Đại-hồng-Thủy xuống ngập cả Trái đất, thì chiếc thuyền của Noé trôi lênh-bềnh trên mặt nước. Đến khi nước rút hết rồi, chiếc

thuyền của Noé tấp vào chụn núi ARARAT và nhờ đó gia-đình ông Noé và các giống thú vật, được lên đất và sinh-nở lại, mỗi ngày mỗi đông tràn khắp nơi. Nhưng rồi, (theo như Moïse kể lại) con cháu của Noé sợ ở dưới đất không yên, bèn xây một cái tháp cao định leo lên trời. Chúa Trời tức giận liền phá tan công-trình ấy, bằng cách đặt cho mỗi người một thứ tiếng nói khác nhau để đừng nghe hiểu với nhau được. Công việc xây THÁP BABEL trong vùng Babel, vì thế mà không thành, rồi ai nấy đều tản-mác các nơi, mỗi người nói mỗi thứ tiếng, sinh sản ra con cháu, thành các chủng tộc ngôn ngữ bất đồng.

★ Ô. Nguyễn Ra, k. b. c. 4.671

— Ô. N. V. ra khỏi ngục Trà Khê vào tháng Hai 1945. Cùng một lượt, có trên 50 T. S. được « Sò lồng ». Còn hơn một nửa ở lại, đến khi Đào chính Nhựt, tháng Ba 1945, cũng « Sò lồng » nốt.

— Mấy tập « Báo Xuân Cà kê » trong mấy năm đó đều bị một vài anh em T. S. muốn giữ lên làm kỷ-niệm, đã dấu dấu mất biệt.

— Thân-mẫu và Thân-phụ của ông ấy đều đã quá-vãng từ lâu.

— Sẽ có một bài trong số báo sau, của một Bác-sĩ Mỹ, nói về « Thuốc bổ Vitamine »

★ Bà Lê-Trinh. (S.P.K.)

Hai cậu chữ nhỏ, bà hỏi đó là :

Thập niên tổ đặc nhất cử tử,

Tam thập-niên tổ bất đặc nhất Thi-ông

(Mười năm học có thể thi đỗ ông Tú, ông Cử,

Ba mươi năm học chưa chắc đã nên nhà Thơ)

DÍNH CHÁNH

Trong mục này, trang 129, P. T. số 29, trả lời cô Bạch-Lan, về bà Từ-Dũ, nơi câu dưới : « Khi Vua Tự-Đức ký hiệp ước Patenôtre nhường đất Nam-Kỳ cho Pháp » xin sửa lại : « Khi Hòa-ước Giáp-Tuất (1874) nhường 6 tỉnh Nam-Kỳ cho Pháp v.v... »

NHỮNG BÀI LAI-CẢO, SẼ ĐĂNG HAY KHÔNG ĐĂNG, XIN QUÝ BẠN MIỄN CHO VIỆC TRẢ LỜI.

Nhiều bạn có mỹ-ý gửi các bài lai-cảo cho Phê-Thông : Thơ, truyện-ngắn, hồi ký, sưu-tầm, bình-luận, v.v... thường viết thư thúc-dục chúng tôi phải đăng và yêu cầu hoặc đăng hay không đăng cũng trả lời cho biết, hoặc cho các bạn biết ý-kiến.

Chúng tôi xin thành thật cảm ơn các bạn và rất hoan nghênh các bài của các bạn gửi đến. Nhưng vì lý-do này hay lý-do khác nhiều bài không đăng được và chúng tôi không thể trả lời riêng tất cả các bạn vì nhiều quá. Vậy xin các bạn vui lòng miễn cho việc trả lời. Chúng tôi xin thành thật cảm tạ.



Nơi đăng tin cậy của các bạn yêu
nghệ-thuật nhiếp-ảnh

Quán ĐÔ-THÀNH

Quán 23, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

- Nhận rửa, in, rọi các cỡ hình ảnh đen trắng và màn EKTACHROME.
 - Nhận đi chụp ảnh các nơi đám tiệc, lễ-lạc, ảnh quảng-cáo, ảnh phóng-sự v.v...
 - Chụp lại các giấy tờ, tài-liệu, hình ảnh cũ ra mới.
 - Mua, bán, sửa-chữa các loại máy ảnh, máy quay phim, chiếu.
 - Bán phim, thuốc, giấy (có bán lẻ cho người muốn rửa hình lấy).
 - Phát-hành các loại ảnh tài-tử Việt-Nam và Quốc-Tế.
 - Sản-xuất các loại ảnh danh-lam thắng-cảnh Việt-Nam
- Chúng tôi lúc nào cũng sẵn-sàng đề chỉ-dẫn các bạn mới chơi ảnh.

K. D. số 85/HĐKD — Saigon, ngày 12 - 3 - 1960
In tại nhà in TẤN-PHÁT—283 Gia - Long — Saigon